

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY SECURITIES
CORPORATION**

Số/ No.: 14/2023/CV-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2023
Ho Chi Minh City, 10 April 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Vietnam Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh
Hochiminh Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Hanoi Stock Exchange

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
Name of organization: Ho Chi Minh City Securities Corporation
- Mã chứng khoán: HCM
Securities code: HCM
- Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, P. Bến Thành, Quận 1, TP.HCM
Address: Level 2, 5, 6, 7, 11 & 12, AB Tower, 76A Le Lai Str., Ben Thanh Ward, Dist.1, HCM City
- Điện thoại: (+84 8) 3823 3299 Fax: (+84 8) 3823 3301
Telephone: (+84 8) 3823 3299 Fax: (+84 8) 3823 3301
- Email: cbtt@hsc.com.vn
Email: cbtt@hsc.com.vn
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2022
Contents of disclosure: 2022 Annual Report
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/04/2023 tại đường dẫn <https://www.hsc.com.vn/cong-bo-thong-tin>
This information was published on the company's website on 10 April 2023, as in the link <https://www.hsc.com.vn/en/information-disclosure>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct; we bear the full responsible to the law.



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
Người được ủy quyền công bố thông tin
Person authorized to disclose information



Lê Anh Quân
Giám đốc Điều hành Truyền thông
Chief Partnership Officer

Tài liệu đính kèm / Attached documents:

- Báo cáo thường niên năm 2022
2022 Annual Report





.hsc

SỨC MẠNH KIÊN CƯỜNG

| Báo cáo thường niên 2022

SỨC MẠNH KIÊN CƯỜNG

Tháng 3 năm 2011, trận động đất mạnh 9 độ đã xảy ra ngoài khơi Nhật Bản, tạo nên các đợt sóng thần khổng lồ nhấn chìm nhiều thị trấn và làng mạc ở đây. Nhưng tại thành phố Rikuzentakata, tỉnh Iwate, khi nước rút một cây thông vẫn đứng vững giữa đồng cỏ nát. Câu chuyện về cây thông thần kỳ (Miracle Pine Tree) đã truyền cảm hứng mạnh mẽ về sự kiên cường vượt qua nghịch cảnh.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022 cũng trải qua biến động mạnh như những cơn sóng lớn bất ngờ đánh vào bờ, cuốn đi gần như tất cả những thành quả của nhà đầu tư trong năm trước đó và làm lộ ra những điểm yếu của các thành viên tham gia thị trường. Sau cơn sóng, chỉ những thành viên có sức mạnh nội tại vững chãi, tiêu chí quản trị rủi ro và tuân thủ chặt chẽ, mới có thể tồn tại và phát triển.

.hsc

Báo cáo thường niên 2022

MỤC LỤC

THÔNG điệp TỔNG GIÁM ĐỐC	05
TỔNG QUAN VỀ HSC	10
KẾT QUẢ KINH DOANH	24
Thị trường chứng khoán Việt Nam	26
Kết quả kinh doanh HSC năm 2022	26
VẬN HÀNH	30
Công nghệ	31
Quản trị rủi ro	32
Kiểm toán nội bộ	35
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	36
Báo cáo phát triển bền vững	38
Báo cáo Hội đồng Quản trị	51
Báo cáo Ban Kiểm Soát	64
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	68



TRỊNH HOÀI GIANG
TỔNG GIÁM ĐỐC

THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý Cổ đông,

Những biến động lớn trên thị trường tài chính toàn cầu và trong nước năm 2022 đã ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán Việt Nam, thử thách HSC cả về năng lực quản trị doanh nghiệp và phát triển kinh doanh. Kết thúc năm, HSC đạt lợi nhuận trước thuế 1,068 tỷ đồng và thu nhập trên một cổ phần (EPS) đạt 1,865 đồng.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
1,068 TỶ ĐỒNG

EPS
1,865 VND

Trong năm 2022, các ngân hàng trung ương toàn cầu liên tục tăng lãi suất để chống lạm phát, đồng thời chính phủ Việt Nam đã có nhiều hoạt động nhằm tăng cường tính minh bạch và kỷ cương của nền kinh tế. Điều này đã gây ra những tác động mạnh trong ngắn hạn đến thị trường chứng khoán. Kết quả là chỉ số VNIndex giảm 33%, nằm trong nhóm các chỉ số chứng khoán giảm mạnh nhất trên thế giới. Thanh khoản thị trường cũng giảm khi giá trị giao dịch bình quân ngày giảm 25% so với năm 2021.

HSC vẫn duy trì hoạt động vững vàng tại tất cả các mảng kinh doanh và đạt những thành tựu tích cực. Mảng dịch vụ môi giới chứng khoán tiếp tục giữ vững vị thế hàng đầu cả ở môi giới khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức, ghi nhận 882 tỷ đồng doanh thu. Hoạt động cho vay ký quỹ ghi nhận doanh thu kỷ lục mới là 1,273 tỷ đồng. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp tiếp tục hồi phục tốt với mức tăng trưởng doanh thu 16%. Đây là thành quả của các nỗ lực không ngừng của HSC trong nhiều năm qua để củng cố vị thế. Hệ thống quản trị rủi ro chặt chẽ trong cung cấp sản phẩm dịch vụ của HSC đã giúp khách hàng và công ty tránh được rất nhiều rủi ro và tổn thất trong năm 2022.

Về mặt xây dựng nguồn nhân lực, chúng tôi đã nỗ lực phát triển văn hóa doanh nghiệp dựa trên các giá trị Công bằng, Cơ hội, Kết quả, Đoàn kết và Sự hài lòng (FORUS) nhằm thu hút và giữ chân nhân tài. Về mặt công nghệ, HSC nâng cấp nền tảng giao dịch của khách hàng cá nhân, tổ chức và tự doanh để hoàn thiện trải nghiệm của khách hàng đồng thời số hóa các quy trình nghiệp vụ. Về mặt phát triển khách hàng, HSC đã tổ chức một loạt các hoạt động với khách hàng như hội nghị thường niên Emerging Vietnam chào đón hơn 150 quỹ đầu tư để tìm hiểu cơ hội đầu tư vào 52 công ty hàng đầu tại Việt Nam; chuỗi 20 sự kiện kết nối hơn 10,000 lượt nhà đầu tư cá nhân với đại diện các doanh nghiệp niêm yết. Chúng tôi rất phấn khởi về danh mục các giao dịch tư vấn mà đội ngũ của chúng tôi đã ký kết và điều này hứa hẹn triển vọng khả quan của mảng kinh doanh này. Cũng trong năm qua, HSC đã chính thức hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 4,580 tỷ đồng, tạo nền tảng vững chắc cho các kế hoạch tăng trưởng trong tương lai.


Bước vào năm 2023, mặc dù những vấn đề của nền kinh tế và thị trường chứng khoán vẫn còn, tôi đánh giá rằng giai đoạn xấu nhất đã qua. Chúng tôi tin rằng sự hồi phục đang ở phía trước là cơ sở cho những cơ hội phát triển tích cực trong tương lai. Với nền tảng vững chắc, HSC sẽ tiếp tục hoạt động tốt và đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh ngay cả trong môi trường còn nhiều thách thức. Thay mặt toàn thể đội ngũ nhân viên công ty, tôi xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đông đã tin tưởng hỗ trợ chúng tôi, và mong Quý Cổ đông tiếp tục luôn đồng hành với HSC.

Trân trọng,

Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám Đốc

Một nhánh thông phát triển rục rờ đang vào độ đơm hoa kết trái.

HSC luôn khẳng định vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, mang lại giá trị cao nhất cho cổ đông và đóng góp tích cực cho cộng đồng.



» TỔNG QUAN
VỀ HSC

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

	2018	2019	2020	2021	2022	CAGR trong 5 năm
Kết quả hoạt động kinh doanh (Tỷ VND)						
Doanh thu	1,702	1,262	1,592	3,368	2,854	11%
<i>Môi giới chứng khoán</i>	759	478	621	1,390	882	
<i>Hoạt động cho vay ký quỹ</i>	523	496	550	1,179	1,273	
<i>Đầu tư chứng khoán, góp vốn (*)</i>	278	222	369	722	623	
<i>Doanh thu hoạt động tư vấn</i>	119	54	38	47	54	
<i>Doanh thu khác</i>	23	12	13	30	22	
Chi phí hoạt động	860	731	932	1,938	1,786	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	842	531	660	1,430	1,068	
Lợi nhuận trước thuế	842	531	660	1,430	1,068	
Lợi nhuận sau thuế	675	433	530	1,147	852	5%
Bảng cân đối kế toán (Tỷ VND)						
Tổng tài sản	5,256	7,489	12,489	24,369	15,447	24%
Vốn điều lệ	1,298	3,059	3,059	4,581	4,581	29%
Vốn chủ sở hữu	3,061	4,304	4,440	7,325	7,892	21%
Các chỉ tiêu tài chính						
Thu nhập trên tài sản trung bình (ROAA)	11.3%	6.8%	5.3%	6.2%	4.3%	-18%
Thu nhập trên vốn cổ phần trung bình (ROAE)	23.1%	11.7%	12.1%	23.8%	11.2%	-13%
Chỉ tiêu cho 1 đơn vị cổ phiếu						
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	129,554,168	305,516,173	305,041,845	457,211,949	457,211,949	29%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu - VND	5,214	1,596	1,738	3,685	1,865	-19%
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu - VND	23,624	14,088	14,557	16,022	17,261	-6%
Cổ tức - VND (**)	2,500	1,200	1,200	750	750	-21%
Giá thị trường thời điểm cuối năm - VND	46,850	21,350	31,400	45,500	20,000	-16%
P/E	9.0	13.4	18.1	12.3	10.7	4%

(*) Lãi và lỗ từ hoạt động tự doanh được bù trừ với nhau để số liệu mang tính so sánh.

(**) Số liệu tạm tính năm 2022 và phụ thuộc vào sự chấp thuận sau cùng của ĐHCĐ.

Doanh thu (Tỷ VND)	Lợi nhuận trước thuế (Tỷ VND)	Giá trị sổ sách của một cổ phiếu (VND)	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	Tổng tài sản (Tỷ VND)	Vốn chủ sở hữu (Tỷ VND)
2022 2,854	2022 1,068	2022 17,261	2022 1,865	2022 15,447	2022 7,892
2021 3,368	2021 1,430	2021 16,022	2021 3,685	2021 24,369	2021 7,325
2020 1,592	2020 660	2020 14,557	2020 1,738	2020 12,489	2020 4,440
2019 1,262	2019 531	2019 14,088	2019 1,596	2019 7,489	2019 4,304
2018 1,702	2018 842	2018 23,624	2018 5,214	2018 5,256	2018 3,061

TỔNG QUAN VỀ HSC

» TÂM NHÌN

Trở thành một trong những định chế tài chính được ngưỡng mộ nhất, tin cậy nhất, được đánh giá cao nhất trên thị trường và đóng góp tích cực cho nền kinh tế và xã hội Việt Nam.

» SỨ MỆNH

Là công ty chứng khoán dẫn đầu ngành chứng khoán và thị trường vốn tại Việt Nam trong những chuẩn mực về tính chuyên nghiệp, sáng tạo, sức khỏe tài chính và phát triển bền vững.

» GIÁ TRỊ CỐT LÕI

CHÍNH TRỰC

Chúng tôi mang sự chính trực vào trong mỗi quyết định kinh doanh và hoạt động hằng ngày của công ty.

TÍCH CỰC

Chúng tôi thể hiện tinh thần tích cực, tôn trọng khi chia sẻ, tương tác với những người xung quanh.

TẬN TÂM

Chúng tôi làm việc tận tâm để cung cấp những dịch vụ tốt nhất và vượt kỳ vọng của những người xung quanh.

HỢP TÁC

Chúng tôi xây dựng những mối quan hệ hợp tác dựa trên sự tin tưởng, đồng cảm, và hỗ trợ lẫn nhau.

CHUYÊN NGHIỆP

Chúng tôi liên tục sáng tạo và nâng cao năng lực để trở thành một công ty đầu ngành trong thị trường vốn.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

MÔI GIỚI

Dịch vụ môi giới

- Môi giới: Cổ phiếu, trái phiếu, phái sinh, chứng chỉ quỹ
- Tư vấn & quản lý tài khoản
- Quản lý giao dịch tiền
- Lưu ký
- Phân phối chứng chỉ quỹ
- Báo giá và quản lý sổ cổ đông cho cổ phiếu OTC
- Quản lý ủy thác
- Đại lý đấu giá IPO
- Phân phối Trái phiếu doanh nghiệp

Tư vấn đầu tư chứng khoán

Dịch vụ tài chính

- Giao dịch ký quỹ
- Ứng trước tiền bán
- Môi giới, đấu thầu và repo trái phiếu chính phủ
- Tài trợ vốn ngắn hạn cho đấu thầu trái phiếu chính phủ

Giao dịch điện tử

- Web trading & Mobile trading
- DMA & STP
- FIX
- OMGEO

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Tư vấn tài chính doanh nghiệp

- Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp
- Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK

Tư vấn mua bán & sáp nhập doanh nghiệp (M&A)

Tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước

- Tư vấn phát hành (đại chúng & riêng lẻ)
- Bảo lãnh phát hành
- Tư vấn thoái vốn

NGHIÊN CỨU

Báo cáo phân tích

- Vĩ mô & chiến lược
- Phân tích ngành
- Phân tích doanh nghiệp
- Phân tích kỹ thuật

Hỗ trợ khách hàng

- Tư vấn trực tiếp với chuyên viên phân tích
- Tổ chức cho khách hàng đi thăm doanh nghiệp
- Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tự doanh

- Trái phiếu
- Cổ phiếu
- Phái sinh
- Chứng quyền có bảo đảm
- Sản phẩm tài chính

Tạo lập thị trường

CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

“ Từ khi thành lập năm 2003 đến nay, những tăng trưởng liên tục về vốn và quy mô hoạt động đã đưa HSC vươn lên trở thành một trong những Công ty chứng khoán có hoạt động kinh doanh, tài chính tốt nhất Việt Nam.”

2003 - 2008 »

- » Chính thức thành lập với vốn điều lệ ban đầu **50 tỷ VND**
- » Tăng vốn điều lệ lên **395 tỷ VND**.

2009 - 2014 »

- » Chính thức niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu HCM
- » Tăng vốn điều lệ lên **1,273 tỷ VND**.
- » Kết nối trực tiếp với mạng lưới của Bloomberg và Reuters thông qua giao thức FIX (Financial Information Exchange - Trao đổi thông tin tài chính) - giao thức điện tử tiêu chuẩn quốc tế trong việc lưu thông thông tin trước và trong quá trình giao dịch.
- » Được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2005 cho nghiệp vụ “Cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến và môi giới chứng khoán” do TUV Rheinland (CHLB Đức) cấp.
- » Nhận Bằng khen của Bộ Tài Chính cho những đóng góp xây dựng và phát triển Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội giai đoạn 2009 - 2014.
- » Nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì những thành tích nổi bật đóng góp vào sự phát triển chung của thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2010 - 2014.

2015 - 2020 »

- » Tăng vốn điều lệ lên **3,059 tỷ đồng**.
- » Tiên phong đóng góp xây dựng thị trường phái sinh Việt Nam với sản phẩm giao dịch đầu tiên là Hợp đồng tương lai chỉ số VN30.
- » Tham gia tạo lập thị trường cho sản phẩm Chứng chỉ quỹ VFMVN Diamond ETF.
- » Ra mắt sản phẩm chứng quyền có đảm bảo.
- » Tổ chức thành công sự kiện Emerging Vietnam, là cầu nối giữa các công ty hàng đầu Việt Nam cùng nhà đầu tư quốc tế.
- » Ra mắt Trung tâm Khách hàng tại Tầng 2, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Quận 1, TP. HCM.

2021 - 2022 »

- » Tăng vốn điều lệ lên **4,581 tỷ đồng**
- » Quy tụ các phòng giao dịch tại TP.HCM về 1 địa chỉ duy nhất tại: Tầng 2,5,6,7,11 và 12 toà nhà AB, 76A Lê Lai, quận 1, TP.HCM
- » Nhận bằng khen của Mặt trận Tổ quốc cho những đóng góp lớn cho Nhà nước trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19
- » Tổ chức thành công chuỗi hội thảo trực tuyến C2C – Connecting to customers – kết nối khách hàng cá nhân với các doanh nghiệp niêm yết hàng đầu Việt Nam

DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG

GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ



Triple A Country Awards

Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam các năm 2013, 2014, 2017, 2019, 2020, 2021

Nhà tư vấn M&A tốt nhất Việt Nam 2014



Asiamoney

Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2012

Top 3 Môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất tại Việt Nam 2014



Asian Banker

Nhà Môi giới được Quản trị Tốt nhất Khu vực Châu Á Thái Bình Dương 2014



Alpha Southeast Asia

Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất tại Việt Nam 2019

Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam 2020



Finance Asia

Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam 2021

GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC

Top 50 Forbes

Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2021, 2022

Top Thương hiệu dẫn đầu

Top 25 thương hiệu tài chính dẫn đầu 2021

Top 50 Nhịp Cầu Đầu Tư

Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022

Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết

Báo cáo thường niên xuất sắc nhất 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019

Top 5 doanh nghiệp niêm yết nhóm vốn hóa lớn quản trị công ty tốt nhất 2020, 2021

Quan hệ nhà đầu tư

Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động Quan hệ nhà đầu tư được các Định chế Tài chính đánh giá cao nhất 2018, 2021

Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR được nhà đầu tư yêu thích nhất 2020

BẰNG KHEN NHÀ NƯỚC

Bằng khen của Bộ Tài Chính

Doanh nghiệp đóng góp xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán của HNX giai đoạn 2009-2014

Doanh nghiệp đạt thành tích xuất sắc và đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội 2016

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Doanh nghiệp có thành tích nổi bật đóng góp vào sự phát triển chung của thị trường chứng khoán Việt Nam 2015

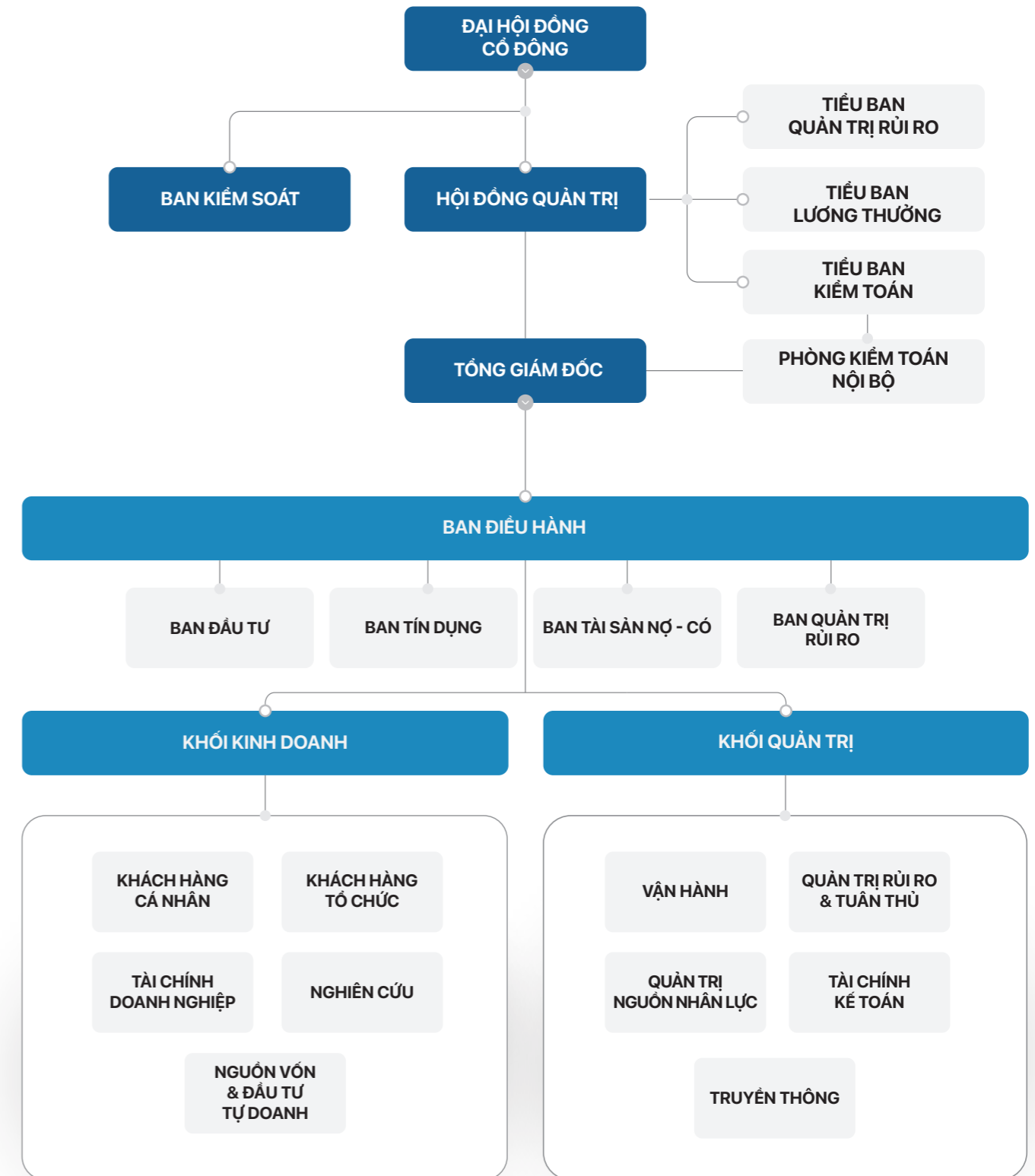
Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh

Doanh nghiệp nỗ lực trong việc triển khai chương trình phát triển bền vững và các đóng góp tạo nên các giá trị lâu dài cho cổ đông

Doanh nghiệp đạt thành tích cao trong công tác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2019, 2021



CƠ CẤU CÔNG TY



Cây thông mạnh mẽ vươn cao với những tầng nhánh chắc khỏe.

Nhân sự chất lượng cao và cơ cấu tổ chức hiệu quả là những yếu tố nền tảng xây dựng thành công của HSC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông JOHAN NYVENE

Chủ tịch HĐQT
Bổ nhiệm: 2021



Ông Johan Nyvene đã gắn bó hơn 13 năm tại HSC với cương vị là Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT điều hành. Ông đã có nhiều đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững của HSC. Trước đó, ông làm việc tại ngân hàng HSBC, nơi ông thành lập và lãnh đạo Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán của Ngân hàng HSBC Việt Nam. Ông đã trải qua 9 năm đầu trong sự nghiệp tài chính của mình tại Ngân hàng CoreStates First Union, Mỹ.



Bà NGUYỄN THỊ HOÀNG LAN

Thành viên HĐQT độc lập
Bổ nhiệm: 2021



Bà Lan từng là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Trước đó, bà giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước(SSC). Bà có bằng Thạc sỹ Quan hệ Kinh tế Quốc tế tại Viện Kinh tế Plekhannov, Liên bang Nga.



Ông TRẦN QUỐC TÚ

Thành viên HĐQT không điều hành
Bổ nhiệm: 2021



Ông Tú là người đại diện vốn của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. HCM (HFIC). Hiện ông đang là Trưởng Phòng Pháp chế của HFIC. Ông đã có trên 12 năm làm việc tại Sở Tư pháp TP. HCM. Ông có bằng Cử nhân Luật Hành chính tại Đại học Luật TP. HCM.



Ông NGUYỄN HỒNG VĂN

Thành viên HĐQT không điều hành
Bổ nhiệm: 2021



Ông Văn là người đại diện vốn của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. HCM (HFIC). Ông hiện là Phó Tổng Giám đốc của HFIC. Ông có bằng Thạc sỹ Quản lý Xây dựng tại Đại học Reading, Anh, theo Chương trình học bổng 300 của Thành ủy Ủy Ban Nhân dân TP. HCM.



Ông LÊ ANH MINH

Phó chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT không điều hành
Bổ nhiệm: 2021



Ông Minh hiện là thành viên HĐQT và Cố vấn cấp cao của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM). Ông có bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của trường Wharton, bang Pennsylvania, Mỹ.



Ông LÊ HOÀNG ANH

Thành viên HĐQT không điều hành
Bổ nhiệm: 2021



Ông Hoàng Anh hiện là Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM) tại Hà Nội. Trước đó, ông làm việc tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM và Công ty NLN Trading, Hungary. Ông có bằng Tiến sỹ kinh tế.



Ông ANDREW COLIN VALLIS

Thành viên HĐQT độc lập
Bổ nhiệm: 2021



Ông Andrew có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng. Ông hiện là thành viên HĐQT không điều hành Công ty Beta Media JSC và Beta Holdings JSC. Ông có bằng danh dự về Luật của Đại học Nottingham và là thành viên của Hiệp Hội Kế toán với PwC, London.

BAN KIỂM SOÁT



Ông PHẠM NGHIÊM XUÂN BẮC

Trưởng Ban Kiểm Soát
Bổ nhiệm: 2021



Ông Bắc hiện là Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (Vision & Associates), Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cộng Hưởng. Ông có bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh Doanh và Cử nhân Luật.



Bà ĐẶNG NGUYỆT MINH

Thành viên Ban Kiểm soát
Bổ nhiệm: 2021



Bà Minh hiện đang giữ chức vụ Chuyên viên phân tích cấp cao của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Dragon Capital Việt Nam (DCVFM). Bà có bằng Cử nhân khoa Kinh tế, Quản trị kinh doanh tại Trường Coe College, Mỹ.



Bà NGUYỄN THỊ THU THANH

Thành viên Ban Kiểm soát
Bổ nhiệm: 2021



Bà Thanh là chuyên viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. HCM (HFIC). Bà có bằng Thạc sỹ Kinh tế của Đại học Kinh tế TP. HCM theo Chương trình Việt Nam – Hà Lan.

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông TRỊNH HOÀI GIANG

Tổng Giám Đốc
Bổ nhiệm: 2020

»

Ông Giang đã có 13 năm giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc, phụ trách Đầu tư và Vận hành của HSC trước khi được bổ nhiệm làm Tổng Giám Đốc. Trước HSC, ông là Giám đốc Nghiệp vụ tại Dragon Capital Group (DCG) từ năm 2005, và đã từng công tác tại phòng Quản lý Nguồn vốn của Ngân hàng Vietcombank. Ông có nhiều đóng góp cho sự phát triển của thị trường vốn Việt Nam với vai trò Phó Chủ tịch Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam từ năm 2010. Ông là học giả Fulbright và tốt nghiệp chương trình Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Mỹ.



Ông NGUYỄN CẢNH THỊNH

Giám đốc Điều hành
Khối Khách hàng cá nhân
Bổ nhiệm: 2019

»

Ông Thịnh đã gắn bó với HSC hơn 15 năm từ khi tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế - Luật. Ông đã cùng các đồng sự xây dựng Khối Khách hàng Cá nhân đạt được nhiều thành tích tích cực về doanh thu và phát triển đội ngũ nhân viên kinh doanh.



Ông LÂM HỮU HỒ

Giám đốc Tài chính
Khối Tài chính - Kế toán
Bổ nhiệm: 2007

»

Ông Hồ đã gắn bó với HSC hơn 15 năm. Trước khi gia nhập HSC, ông Hồ có hơn 5 năm kinh nghiệm tại Công ty Kiểm toán KPMG Việt Nam và từng giữ vị trí Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ - Công ty Dầu thực vật Cái Lân giai đoạn 2003 - 2007.



Ông LÊ NGUYỄN BÌNH

Giám đốc Điều hành
Khối Vận hành
Bổ nhiệm: 2020

»

Ông Bình nguyên là Trưởng Bộ phận Quản trị Quý của Công ty Eastspring Investments trong 15 năm. Trước đó, ông làm việc tại Tập đoàn Hóa chất Mitsui. Ông là thành viên của Tiểu ban Phát triển Thị trường của Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam (VBMA) và Ban Soạn thảo Các chuẩn mực Báo cáo Kế toán cho Thị trường vốn do Bộ Tài chính chủ trì.



Ông PHẠM NGỌC BÍCH

Giám đốc Điều hành
Khối Tài chính doanh nghiệp
Bổ nhiệm: 2016

»

Ông Bích có 25 năm kinh nghiệm tại thị trường tài chính quốc tế thông qua nhiều chức vụ cao cấp tại ngân hàng Credit Lyonnais Canada, Công ty Quản lý quỹ CIBC tại Canada và Hồng Kông, Công ty Eastspring Investments và Công ty chứng khoán SSI trước khi gia nhập HSC.



Ông STEPHEN JAMES McKEEVER

Giám đốc Điều hành
Khối Khách hàng Tổ chức
Bổ nhiệm: 2018

»

Ông Stephen đã có hơn 20 năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý cấp cao tại các công ty tài chính hàng đầu như Giám đốc Kinh doanh Khu vực Châu Á của Mizuho Securities Asia, Giám đốc Kinh doanh của Standard Chartered Bank. Ông tốt nghiệp Cử nhân Tài chính tại trường London School of Economics.



Ông TRẦN TẤN ĐẠT

Giám đốc Điều hành phụ trách Giao dịch
Khối Khách hàng Tổ chức
Bổ nhiệm: 2018

»

Ông Đạt đã có 15 năm gắn bó với HSC kể từ khi tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Quốc tế tại trường Đại học Hogeschool Zeeland. Cùng với các đồng sự, ông đã đưa Khối Khách hàng Tổ chức HSC trở thành một trong những nhà môi giới lớn nhất cho các tổ chức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.



Bà NGUYỄN LINH LAN

Giám đốc Điều hành
Khối Quản trị Nguồn nhân lực
Bổ nhiệm: 2019

»

Bà Lan có hơn 25 năm kinh nghiệm và là chuyên gia trong các lĩnh vực phát triển nhân tài, Tổ chức - Vận hành và tạo lập chiến lược tại các doanh nghiệp trong nước và quốc tế như AIA, M&P International, Vận tài Sài Gòn, Vận tài Katran và Mayer Brown - Công ty tư vấn pháp luật của Mỹ.



Ông TỐNG CÔNG CƯỜNG

Giám đốc Điều hành
Khối Quản trị Rủi ro & Tuân thủ
Bổ nhiệm: 2021

»

Ông Cường có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực luật pháp, kiểm soát tuân thủ và quản trị rủi ro qua nhiều chức vụ tại Công ty Eastspring Investments, Ngân hàng HSBC. Ông có bằng Thạc sỹ Luật tại Đại học Nagoya, Nhật Bản và là thành viên của Đoàn Luật sư TP. HCM.



Ông LÊ ANH QUÂN

Giám đốc Điều hành
Khối Truyền thông
Bổ nhiệm: 2018

»

Ông Quân có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực truyền thông ở nhiều vị trí quản lý quan trọng tại Ngân hàng Techcombank, Kinh Do Group, Unilever Việt Nam và Công ty Walt Disney tại Los Angeles, California. Ông Quân có bằng Thạc sỹ quản trị kinh doanh tại trường đại học UCLA.

THÔNG TIN VỀ CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

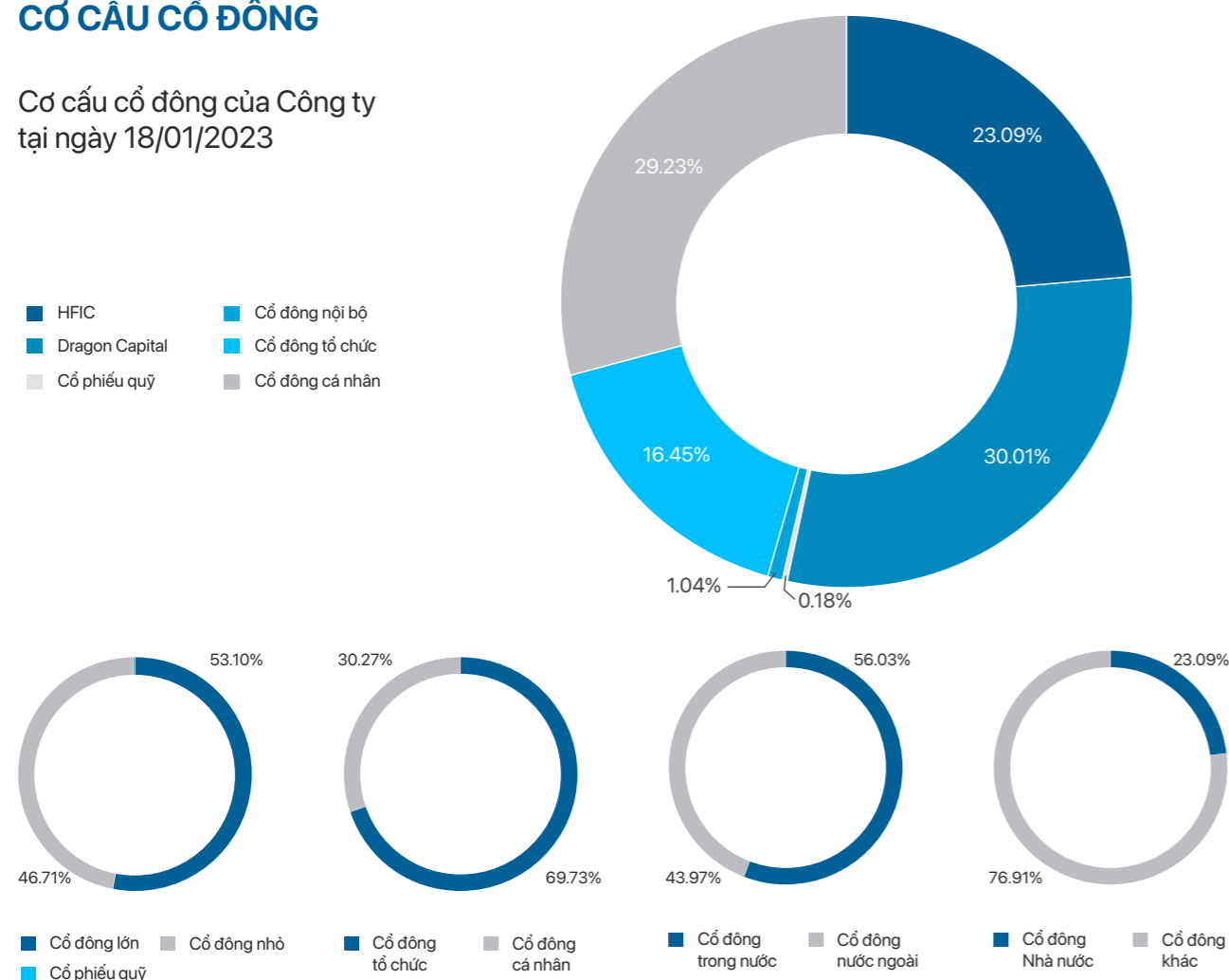
CỔ PHẦN

Thông tin cổ phần phổ thông của Công ty tại ngày 18/01/2023

TỔNG SỐ CỔ PHẦN	458,052,367 CỔ PHẦN
SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ	840,418 CỔ PHẦN
SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH	457,211,949 CỔ PHẦN
» Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	457,211,949 CỔ PHẦN
» Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	0 CỔ PHẦN

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 18/01/2023



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2022.

LỊCH SỬ TĂNG VỐN CỔ PHẦN

Công ty đã thực hiện 9 đợt tăng vốn từ ngày thành lập cho đến nay.

STT	Thời điểm tăng vốn	Giá trị sau khi tăng vốn (tỷ VND)	Giá trị tăng trong kỳ (tỷ VND)	Ghi chú
01	04/2003	50	0	Vốn điều lệ ban đầu
02	10/2006	100	50	Chào bán cho cổ đông hiện hữu Chào bán cho cán bộ nhân viên
03	09/2007	200	100	Chào bán cho cổ đông hiện hữu Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược
04	06/2008	394,634	194,634	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu Chào bán cho cổ đông hiện hữu Chào bán cho cán bộ nhân viên Chào bán riêng lẻ
05	06/2010	599,996	205,362	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu Chào bán cho cán bộ nhân viên
06	05/2012	1,008,486	408,489	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu Chào bán cho cán bộ nhân viên
07	12/2013	1,272,567	264,081	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu Chào bán cho cán bộ nhân viên
08	03/2017	1,297,567	25	Chào bán cho cán bộ nhân viên
09	09/2019	3,058,822	1,761,255	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu Chào bán cho cổ đông hiện hữu
10	12/2021	4,580,523	1,521,701	Chào bán cho cổ đông hiện hữu



Cây thông thần kỳ tại Rikuzentakata vẫn hiên ngang vươn lên trong ngày mới sau thảm họa sóng thần cuốn trôi cả khu rừng với hơn 70,000 cây thông khác.

Đây là hình ảnh về HSC kiên cường vươn cao trước những khó khăn, biến động của thị trường tài chính Việt Nam trong năm 2022.

» KẾT QUẢ
KINH DOANH

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Năm 2022 là năm khó khăn của thị trường chứng khoán Việt Nam. Các bất ổn về vĩ mô bao gồm áp lực tỷ giá, căng thẳng thanh khoản trong hệ thống ngân hàng, lãi suất tăng, hạn chế tăng trưởng tín dụng và khủng hoảng trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp được cho là các nguyên nhân chính khiến chỉ số VNIndex giảm mạnh trong năm.

- » Chỉ số VNIndex giảm mạnh 32.7% và là một trong các chỉ số chứng khoán có kết quả kém nhất trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương.
- » Giá trị giao dịch bình quân ngày giảm về mức 20.1 nghìn tỷ đồng, tương đương mức giảm 24.3% so với năm 2021.
- » Nhu cầu vay ký quỹ cũng giảm mạnh theo thanh khoản của thị trường, dư nợ ký quỹ toàn thị trường cuối năm đạt gần 120,000 tỷ đồng, giảm 60% so với thời điểm cuối năm 2021.
- » Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài chiếm 7.4% tổng giao dịch toàn thị trường, cao hơn mức 6.7% trong năm 2021.

Giá trị giao dịch thị trường cổ phiếu (ngàn tỷ VND)	Năm 2022	Năm 2021	% Thay đổi
Giá trị giao dịch toàn thị trường	5,021	6,666	-24.7%
Giá trị giao dịch bình quân ngày	20	27	-24.3%
Giá trị giao dịch của nhà đầu tư trong nước % toàn thị trường	9,294 92.6%	12,438 93.3%	-25.3% -
Giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài % toàn thị trường	748 7.4%	889 6.7%	-15.9% -

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA HSC

Diễn biến không thuận lợi của thị trường chứng khoán đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh trong năm 2022 của HSC. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh của HSC trong vẫn rất khả quan với lợi nhuận trước thuế đạt 1,068 tỷ đồng, giảm 26% so với năm 2021 và hoàn thành 71% kế hoạch năm.

- » Doanh thu cả năm 2022 đạt 2,854 tỷ đồng, giảm 15% so với năm 2021.
- » Thu nhập trên cổ phần (EPS) đạt 1,865 đồng, giảm 50% so với cùng kỳ.
- » Lợi nhuận trên vốn (ROE) đạt 11.2% thấp hơn mức 23.8% của năm 2021.
- » EPS và ROE giảm do lợi nhuận giảm so với cùng kỳ và vì nguồn vốn chủ sở hữu tăng sau khi Công ty hoàn thành đợt phát hành tăng vốn từ 3,058 tỷ đồng lên 4,580 tỷ đồng trong quý 4/2021.

DOANH THU CẢ NĂM 2022

2,854 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

1,068 TỶ ĐỒNG

Kết quả kinh doanh (tỷ VND)	Năm 2022	Năm 2021	% Thay đổi	% Kế hoạch 2022
Doanh thu (*)	2,854	3,368	-15%	79%
Chi phí hoạt động (*)	1,786	1,938	-8%	85%
Lợi nhuận trước thuế	1,068	1,430	-25%	71%
Lợi nhuận sau thuế	852	1,147	-26%	71%
Thu nhập/Vốn cổ phần trung bình (ROAE)	11.2%	23.8%	-	70%
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (CP)	457,211,949	457,184,702	0%	100%
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS) (VND)	1,865	3,760	-50%	71%
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu (VND)	17,268	16,022	8%	96%

(*) Lãi và lỗ từ hoạt động tự doanh được bù trừ với nhau để số liệu mang tính so sánh

DỊCH VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Doanh thu phí môi giới (tỷ VND)	Năm 2022	Năm 2021	% Thay đổi	% Kế hoạch 2022
Doanh thu phí môi giới khách hàng cá nhân	571	969	-41%	79%
Doanh thu phí môi giới khách hàng tổ chức	311	421	-26%	94%
Tổng doanh thu phí môi giới	882	1,390	-37%	84%

Dịch vụ môi giới chứng khoán vẫn là mảng kinh doanh chủ chốt của HSC. Doanh thu phí môi giới đạt 882 tỷ đồng, giảm 37% so với cùng kỳ và chiếm 31% tổng doanh thu năm 2022 (2021: 41%). Tổng giá trị giao dịch toàn thị trường giảm mạnh trong điều kiện không thuận lợi của thị trường chứng khoán đã ảnh hưởng đến kết quả của mảng kinh doanh này.

- » Môi giới khách hàng cá nhân đạt 571 tỷ đồng doanh thu phí, giảm 41% so với năm 2021. HSC vẫn duy trì vị thế của mình là một trong 5 công ty có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), đặc biệt ở phân khúc khách hàng lớn nhờ vào các lợi thế như đội ngũ chuyên viên môi giới chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ cao và khả năng cho vay ký quỹ lớn.
- » Môi giới khách hàng tổ chức của HSC đạt 311 tỷ đồng doanh thu phí, giảm 26% so với năm 2021. Thị phần môi giới trong tổng giao dịch của các nhà đầu tư nước ngoài duy trì ở mức cao 23%.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA HSC (tiếp theo)

CHO VAY KÝ QUỸ

Số dư cho vay ký quỹ của HSC giảm 46% so với thời điểm cuối năm 2021 về mức 7,379 tỷ đồng, chiếm khoảng 7% dư nợ cho vay toàn thị trường. Nhu cầu vay ký quỹ của nhà đầu tư giảm mạnh vào thời điểm cuối năm khi thị trường biến động mạnh. Tuy nhiên, số dư cho vay ký quỹ trung bình tháng trong năm 2022 vẫn tăng trưởng nhẹ so với cùng kỳ. Điều này cho thấy HSC đã sử dụng hiệu quả nguồn vốn mới sau khi hoàn thành tăng vốn từ cuối năm 2021. Do đó, doanh thu lãi cho vay ký quỹ năm 2022 tăng 8% so với cùng kỳ và đạt 1,273 tỷ đồng, là mức lãi kỷ lục từ trước đến nay của HSC. Trong điều kiện doanh thu các mảng kinh doanh chính khác suy giảm, cho vay ký quỹ chiếm đến 45% tổng doanh thu của HSC trong năm 2022, cao hơn mức 35% trong năm 2021.

HSC duy trì quan điểm thận trọng trong hoạt động cho vay ký quỹ và thường xuyên đánh giá rủi ro các mã chứng khoán trong danh mục cho vay. Danh mục cho vay của HSC hiện nay chỉ bao gồm 90 mã cổ phiếu có vốn hóa lớn, có thanh khoản cao và của các công ty có nền tảng cơ bản tốt.

DOANH THU LÃI CHO VAY KÝ QUỸ

1,273 TỶ ĐỒNG

8% ▲ TĂNG SO VỚI CÙNG KỲ



TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Hoạt động Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp hồi phục khả quan trong năm 2022 khi nhiều thương vụ được tái khởi động sau đại dịch Covid-19. Doanh thu từ hoạt động tư vấn trong năm 2022 đạt 53,8 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ. Với danh mục các giao dịch đã được ký kết khá tốt đang có, hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp tự tin sẽ đem lại doanh thu tăng trưởng khả quan trong năm 2023.

ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH NGUỒN VỐN

Hoạt động tự doanh của HSC chủ yếu tập trung vào hoạt động tạo lập thị trường cho các quỹ chỉ số ETF và tạo lập thị trường cho chứng quyền có đảm bảo. Đây là hai mảng kinh doanh có mức độ rủi ro thấp nhưng có tiềm năng tạo ra mức sinh lời hấp dẫn. Do đó, mặc dù thị trường giảm mạnh trong năm 2022 nhưng hoạt động tự doanh của HSC vẫn đạt kết quả kinh doanh rất khả quan với 623 tỷ đồng doanh thu.

Hoạt động kinh doanh nguồn vốn, với mục tiêu an toàn vốn và đảm bảo thanh khoản tại mọi thời điểm, được triển khai khá hiệu quả trong năm 2022: đa dạng hóa nguồn vốn mà vẫn đảm bảo tính hiệu quả về chi phí vốn, hỗ trợ vốn kịp thời cho hoạt động kinh doanh được liên tục. Phục vụ tốt nhất nhu cầu về vốn của khách hàng luôn là ưu tiên hàng đầu trong hoạt động điều hành nguồn vốn tại HSC.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

» Tổng tài sản tại thời điểm cuối 2022 đạt 15,447 tỷ đồng, giảm 37% so với cuối năm 2021. Các tài sản chính trong cơ cấu tài sản là cho vay ký quỹ và tiền gửi đảm bảo thanh toán.

» Do nhu cầu vay ký quỹ giảm vào thời điểm cuối năm, HSC đã chủ động giảm dư nợ vay ngắn hạn để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn. Do đó, hệ số đòn bẩy cuối năm 2022 cũng giảm mạnh về mức 1.0 lần, thấp hơn nhiều so với mức 2.3 lần vào thời điểm cuối năm 2021.

TÀI SẢN ĐẠT
15,447 TỶ ĐỒNG

Bảng cân đối kế toán (tỷ VND)	31.12.2022	31.12.2021	% Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	15,262	24,187	-37%
Tiền và các khoản tương đương tiền	5,641	7,199	-22%
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1,424	2,372	-40%
Các khoản cho vay	7,379	13,690	-46%
Các khoản phải thu khác	752	854	-12%
Tài sản ngắn hạn khác	66	72	-8%
Tài sản dài hạn	184	182	1%
Tổng tài sản	15,447	24,369	-37%
Nợ phải trả	7,555	17,044	-56%
Tiền vay ngắn hạn	6,938	15,040	-54%
Nợ phải trả khác	617	2,004	-69%
Vốn chủ sở hữu	7,892	7,325	8%
Tổng nguồn vốn	15,447	24,369	-37%

CÔNG NGHỆ

Những biến động của thị trường chứng khoán năm 2022 đã gây ra rất nhiều thách thức cho công tác vận hành của HSC. Với hệ thống công nghệ mạnh mẽ, quy trình chặt chẽ và đội ngũ tận tâm, HSC đã không những duy trì tính ổn định của hệ thống mà còn đảm bảo cung cấp cho khách hàng trải nghiệm vượt trội và sự an tâm khi thực hiện giao dịch trong những ngày khó khăn nhất của thị trường. Kết quả này chứng minh cho hiệu quả của phương thức tự chủ vận hành (Thiết kế – Thi công – Vận hành). HSC tiếp tục đầu tư vào công nghệ, số hóa và sản phẩm mới với mục tiêu duy trì vị thế là sự lựa chọn hàng đầu và là đối tác đáng tin cậy của khách hàng.

NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ VỮNG CHẮC VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ AN NINH THÔNG TIN CHẶT CHẼ GIÚP HSC DUY TRÌ TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ BẢO MẬT CAO

Đảm bảo an toàn thông tin trong hệ thống và giao dịch của khách hàng là ưu tiên hàng đầu của HSC. Công ty tăng cường quản trị an toàn thông tin và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như tiêu chuẩn ISO 27001. Trung tâm vận hành, giám sát bảo mật đã được kiện toàn để giám sát, phân tích, cảnh báo và xử lý kịp thời các rủi ro hoạt động gây mất an toàn thông tin.

Công ty đẩy mạnh truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ về các rủi ro gây mất an toàn thông tin. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng và chủ động này, hệ thống của HSC hoạt động rất hiệu quả và ổn định, Công ty không ghi nhận bất cứ sự cố nghiêm trọng nào về hệ thống và tính bảo mật của khách hàng trong năm qua.

KIỀM ĐỊNH VỚI CHIẾN LƯỢC DẪN ĐẦU VỀ CÔNG NGHỆ ĐỂ NÂNG CAO TÍNH CẠNH TRANH

HSC tăng tốc triển khai chuyển đổi số trên toàn bộ các ứng dụng giao dịch, cụ thể:

- » **Đối với khách hàng cá nhân:** Cải tiến hệ thống giao dịch cả trên phiên bản web và mobile (myHSC) và tích hợp các ứng dụng thông minh nhằm giúp khách hàng sử dụng các dịch vụ một cách thuận tiện và an toàn. Trong năm qua, Công ty mở rộng kết nối với các ngân hàng lớn như BIDV, VCB, VPB, VIB và MSB để giúp khách hàng tiết kiệm thời gian và giao dịch an toàn với tài khoản định danh và QR code. Ngoài ra, Công ty ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu và công nghệ cloud nhằm hiểu nhu cầu và khẩu vị rủi ro của khách hàng để phát triển và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ phù hợp.
- » **Đối với khách hàng tổ chức:** Cung cấp công cụ hỗ trợ giao dịch thông qua API chuẩn fix và giao dịch bằng thuật toán do HSC xây dựng để giúp khách hàng thực hiện giao dịch nhanh chóng. Hệ thống báo cáo phân tích và dữ liệu cổ phiếu dành riêng cho khách hàng tổ chức cũng được nâng cấp với ứng dụng từ nhà cung cấp hàng đầu thế giới (Factset) giúp khách hàng tiếp cận báo cáo phân tích và thông tin một cách thuận tiện.

Về quy trình hoạt động, Công ty đã tăng cường chuyển ứng dụng lên đám mây (cloud migration) để tăng tốc độ xử lý và khả năng xử lý đa nhiệm, đồng thời mở rộng thu thập dữ liệu (data warehouse) nhằm hỗ trợ công tác báo cáo của tất cả các phòng ban. Điều này giúp Ban điều hành (BDH) nắm được tình hình kinh doanh tại mọi thời điểm để đưa ra các quyết định phù hợp.

Trong năm qua, HSC đã thành lập đội ngũ phát triển ứng dụng nhằm tăng tính chủ động trong việc xây dựng các ứng dụng phù hợp với yêu cầu chuyên biệt hóa của khách hàng và nghiệp vụ phát sinh. Kế hoạch của HSC là áp dụng phương pháp làm việc linh hoạt (agile) và kiến trúc ứng dụng mới (microservices, cloud native apps) để có thể phát triển tính năng mới và nâng cấp các ứng dụng một cách nhanh chóng và hiệu quả. Đây là mục tiêu quan trọng trong chiến lược vận hành của HSC trong giai đoạn 3 năm tiếp theo là tiếp tục đem đến cho khách hàng các trải nghiệm đầu tư và giao dịch vượt trội với nhiều lựa chọn tốt hơn thông qua việc cung cấp một cách linh hoạt các tính năng tùy theo nhu cầu cụ thể của khách hàng.

» VẬN HÀNH

Nhờ bộ rễ mạnh mẽ cắm sâu vào đất, cây thông có thể vươn mình phát triển ở mọi loại địa hình.

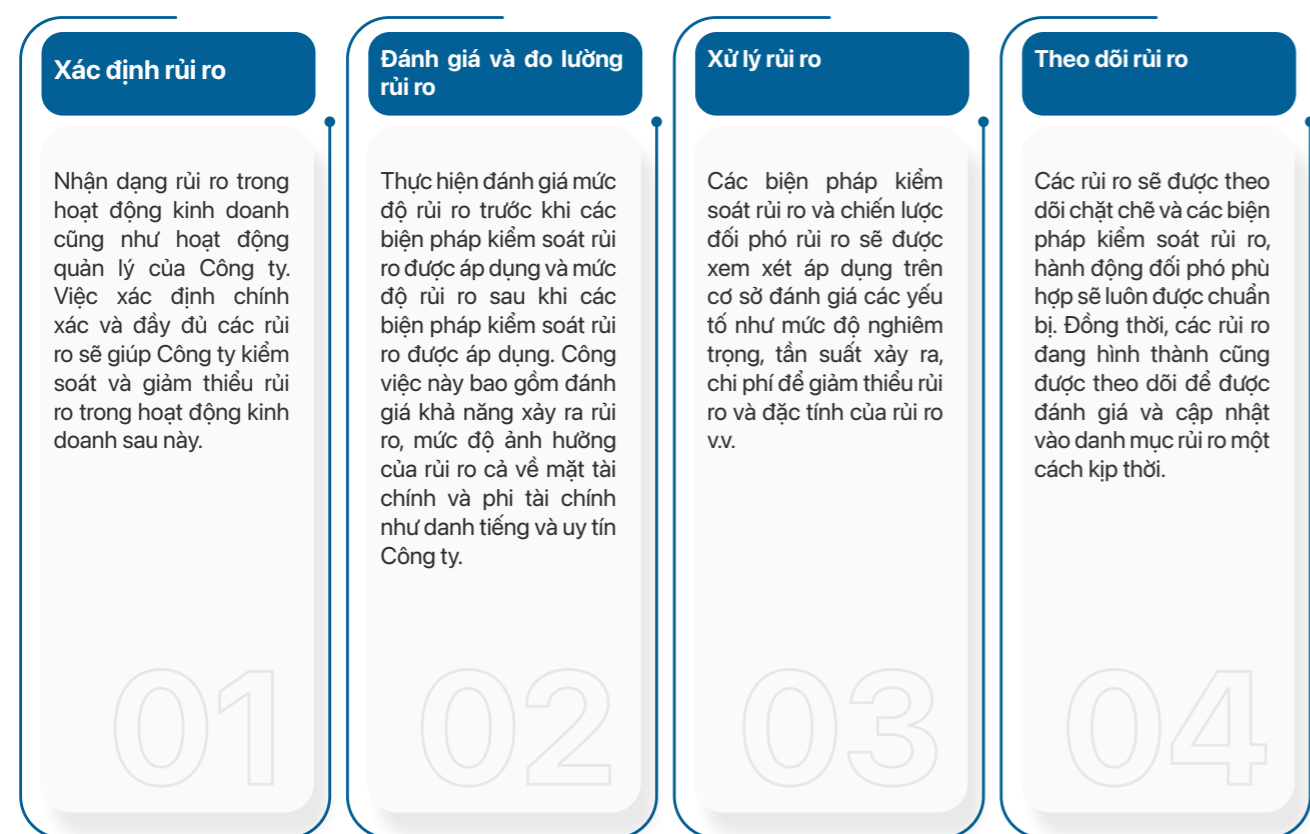
Với nền tảng là quy trình vận hành chuyên nghiệp, hệ thống công nghệ tiên tiến và bộ máy quản trị hiệu quả, HSC không ngừng phát triển trong mọi điều kiện thị trường

QUẢN TRỊ RỦI RO

HSC áp dụng mô hình ba tuyến phòng vệ trong quản trị rủi ro. Tuyến phòng vệ thứ nhất là công tác quản trị rủi ro của các khối kinh doanh và quản lý, tuyến phòng vệ thứ hai là phòng Quản lý Rủi ro thuộc Khối Quản trị Rủi ro và Tuân thủ ("GRC") và tuyến phòng vệ thứ ba là Phòng Kiểm toán Nội bộ.

Theo mô hình này và cách tiếp cận của HSC, quản trị rủi ro không phải là nhiệm vụ của riêng một khối nào mà là trách nhiệm của tất cả nhân viên. Công ty cũng tin rằng việc phân chia trách nhiệm và duy trì hoạt động kiểm soát nội bộ chặt chẽ và phù hợp sẽ giúp Công ty đạt được các kế hoạch kinh doanh và phát triển một cách bền vững. Cụ thể ở tuyến phòng vệ thứ nhất, tất cả các khối kinh doanh và khối quản lý có trách nhiệm nhận biết, đánh giá, kiểm soát rủi ro trong hoạt động kinh doanh hàng ngày thông qua việc xây dựng, theo dõi và cập nhật bộ danh mục rủi ro của từng khối. Các Giám đốc Điều hành có trách nhiệm thực hiện giám sát và trực tiếp nhận biết, đánh giá các rủi ro trọng yếu của khối do mình phụ trách.

Trong công tác quản trị rủi ro, HSC thực hiện quy trình 4 bước như sau:



HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2022

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và hoạt động các ban chuyên trách

- » HSC đã ban hành và triển khai thực hiện quy chế hoạt động các Ban chuyên trách bao gồm BDH quản trị rủi ro, Ban tín dụng, Ban đầu tư, Ban tài sản nợ-có.
- » Các ban này đã phát huy vai trò rất tích cực trong việc phê duyệt và quyết định các vấn đề kinh doanh và quản trị rủi ro, đặc biệt trong thời gian thị trường có nhiều biến động trong năm 2022.

Xây dựng chính sách, quy trình

- » Xây dựng, cập nhật, sửa đổi, bổ sung một số chính sách và quy trình quan trọng bao gồm Điều lệ và Các Quy chế Quản trị (được Đại hội Cổ đông (ĐHCD) thông qua ngày 8/8/2022), Chính sách Quản trị Rủi ro và Quy chế Công bố Thông tin.
- » Xây dựng, cập nhật, sửa đổi, bổ sung một số chính sách và quy trình nghiệp vụ.

Xây dựng danh mục rủi ro

- » Để triển khai thực hiện Chính sách Quản trị Rủi ro, HSC đã xây dựng bộ danh mục rủi ro cho từng Khối. Bộ danh mục rủi ro là nền tảng của hoạt động đánh giá, rà soát, cập nhật thường xuyên và định kỳ rủi ro của các bộ phận. Danh mục rủi ro cũng ghi nhận cụ thể các công việc, hành động cần phải làm từ các bộ phận liên quan nhằm khắc phục, kiểm soát rủi ro.
- » Trên cơ sở bộ danh mục rủi ro của từng khối, HSC tiến hành xây dựng danh mục rủi ro trọng yếu của toàn Công ty.

Hoạt động kiểm tra, giám sát tuân thủ, phòng ngừa rủi ro

- » Một trong những hoạt động Quản trị rủi ro trọng yếu của HSC là hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật, chính sách, quy trình của các bộ phận nhằm kịp thời phát hiện sai sót, chấn chỉnh hoạt động và phòng ngừa các rủi ro hoạt động và nghiệp vụ.
- » Trong năm 2022, HSC tiếp tục thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát cả tiền kiểm (pre-check) và hậu kiểm (post-check) trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro. Các hoạt động mang lại nhiều doanh thu và có rủi ro cao được kiểm tra kỹ lưỡng và thường xuyên hơn. Theo đó, hai mảng kinh doanh chính là cho vay ký quỹ và tự doanh được tập trung kiểm tra và giám sát nhiều hơn
- » HSC đã thực hiện nhiều cuộc kiểm tra định kỳ (tháng, quý, bán niên, thường niên) hoạt động của các khối và bộ phận. Các nội dung kiểm tra, giám sát trong năm 2022 được tập trung vào việc tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan cũng như tuân thủ chính sách, quy trình, quy chế của Công ty.

Hoạt động tư vấn pháp lý, tư vấn tuân thủ

Trong năm 2022, Khối GRC tại HSC thực hiện gần 700 công việc tư vấn bao gồm tư vấn các bộ phận trong việc soạn thảo, rà soát hợp đồng và văn bản, hướng dẫn các bộ phận giải quyết các yêu cầu, sự vụ cụ thể như thực hiện FATCA, công bố thông tin, hồ sơ chứng chỉ hành nghề, hồ sơ thẩm định và cung cấp thông tin. HSC còn chủ động tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện dự thảo văn bản pháp luật quan trọng như Luật Giao dịch điện tử, Luật Phòng chống rửa tiền và Thông tư về điều kiện vay nước ngoài.

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2023

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các chính sách và quy trình

Trong năm 2023, HSC dự kiến tiếp tục rà soát, cập nhật hoặc xây dựng mới các chính sách, quy trình nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và các chuẩn mực tốt nhất của thị trường. Trong đó có một số chính sách nổi bật như: chính sách quản lý cho vay ký quỹ, chính sách quản lý nguồn vốn, chính sách giao dịch cá nhân của nhân viên, chính sách bảo mật thông tin, vv.

Tăng cường kiểm tra, giám sát tuân thủ, phòng ngừa rủi ro

Tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát tuân thủ và phòng ngừa rủi ro đối với hoạt động của các bộ phận quản lý và kinh doanh chủ yếu của Công ty theo quy trình 4 bước được trình bày ở trên, trong đó tăng cường kiểm soát những hoạt động có rủi ro cao. Hoạt động này sẽ được thực hiện dựa vào đánh giá của Khối GRC cũng như chỉ đạo và chiến lược của Hội đồng Quản trị (HDQT), Tiểu ban Quản trị Rủi ro trực thuộc HDQT và BDH Rủi ro.

Tăng cường tư vấn, nâng cao kiến thức pháp luật, chính sách

Đẩy mạnh hoạt động tư vấn pháp luật cho nhân viên các khối phòng ban nhằm nâng cao kiến thức pháp lý, chính sách, quy trình của Công ty, nâng cao yêu cầu tuân thủ và năng lực kiểm soát và quản trị rủi ro ở cấp nghiệp vụ, đánh giá tác động và triển khai áp dụng các văn bản pháp luật mới, đồng thời cũng rà soát, đối chiếu cho từng nghiệp vụ, hoạt động chủ yếu tại Công ty với yêu cầu, quy định trong các văn bản pháp luật trọng yếu.



KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Tại HSC, chức năng kiểm toán nội bộ hoạt động ở tuyến phòng thủ thứ ba và bộ phận Kiểm toán Nội bộ (KTNB) có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị. Để đảm bảo tính độc lập và phát huy tối đa hiệu quả của chức năng kiểm toán nội bộ, bộ phận KTNB hoạt động độc lập với Ban Điều hành Công ty. Cụ thể, hoạt động kiểm toán nội bộ của HSC luôn độc lập với các hoạt động điều hành và các kiểm toán viên nội bộ không kiêm nhiệm bất kỳ chức vụ nào khác trong Công ty. Kế hoạch kiểm toán nội bộ được trình Hội đồng Quản trị (HDQT) xem xét và phê duyệt và kết quả kiểm toán nội bộ được báo cáo cho Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc HDQT của Công ty.

Trong năm 2022, bộ phận KTNB đã tiến hành các hoạt động kiểm tra để đánh giá tính tuân thủ và công tác quản trị rủi ro của nhiều hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, bộ phận KTNB cũng đã chủ động tư vấn cho nhiều phòng ban trong công ty về việc thực hiện các kiến nghị của KTNB trong các đợt kiểm toán trước đây. Hoạt động và kết quả kiểm toán trong năm 2022 đã được báo cáo chi tiết lên Tiểu ban Kiểm toán. Kết luận của kiểm toán nội bộ là:

- » Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty đã được thiết lập và vận hành hiệu quả và có đủ khả năng phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của Công ty
- » Các quy trình quản trị và quản lý rủi ro hiện nay của Công ty được thiết kế chặt chẽ và có tính hiệu quả cao.

Trong năm qua, bộ phận KTNB cũng đã lên kế hoạch kiểm toán cho giai đoạn 2023-2025 và đã được HDQT xem xét và phê duyệt. Công tác kiểm toán trong giai đoạn này sẽ tập trung chủ yếu vào 5 lĩnh vực trọng tâm là:

- 01 » An ninh mạng và bảo mật dữ liệu
- 02 » Quản trị công ty và số hóa hệ thống báo cáo cấp công ty
- 03 » Quy trình và chính sách hoạt động được thiết kế và vận hành theo những thay đổi về pháp luật và quy định
- 04 » Rủi ro tài chính, thanh khoản và mất khả năng thanh toán
- 05 » Tính liên tục trong kinh doanh, quản trị rủi ro khủng hoảng và ứng phó với khủng hoảng

Phù hợp với kế hoạch kiểm toán nội bộ 2023-2025 đã được HDQT phê duyệt, bộ phận KTNB đã lên kế hoạch kiểm toán chi tiết trong năm 2023 như sau:

- » Thực hiện kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2023 đã được HDQT phê duyệt trong kế hoạch 3 năm 2023-2025
- » Tiếp tục theo dõi sát sao tiến độ của các phòng ban chức năng trong việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ được nêu trong các báo cáo kiểm toán đã phát hành
- » Phối hợp với Ban Kiểm soát (BKS) và thường xuyên trao đổi với Ban Điều hành để giám sát hoạt động của Công ty và việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2023 được ĐHCĐ thông qua
- » Thực hiện các công tác kiểm toán đột xuất và hoạt động tư vấn theo yêu cầu của HDQT/ Tiểu ban Kiểm toán/ Tổng Giám đốc
- » Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ định kỳ đến các cơ quan ban ngành theo quy định của pháp luật Việt Nam

Cây thông cổ thụ 1,000 năm tuổi vươn cao trên bầu trời tại công viên Kenrokuen, Kanazawa, Ishikawa, Nhật Bản vào mùa thu.

HSC không ngừng nỗ lực theo đuổi các mục tiêu phát triển doanh nghiệp bền vững gắn liền với tầm nhìn "Trở thành một trong những định chế tài chính được ngưỡng mộ nhất, tin cậy nhất, và được đánh giá cao nhất trên thị trường, đồng thời đóng góp tích cực cho nền kinh tế và xã hội Việt Nam".

» PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GIỚI THIỆU CHUNG

Giới thiệu định hướng phát triển bền vững của HSC

Từ những ngày đầu thành lập, HSC luôn định hướng ưu tiên tập trung các hoạt động kinh doanh xoay quanh các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường – yếu tố cần thiết đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong dài hạn. HSC không ngừng nỗ lực theo đuổi các mục tiêu phát triển doanh nghiệp bền vững gắn liền với tầm nhìn “Trở thành một trong những định chế tài chính được ngưỡng mộ nhất, tin cậy nhất, và được đánh giá cao nhất trên thị trường, đồng thời đóng góp tích cực cho nền kinh tế và xã hội Việt Nam”. Mô hình phát triển bền vững của HSC được xây dựng dựa trên mục tiêu tạo ra ảnh hưởng tích cực cho 3 yếu tố: **Kinh tế, xã hội và môi trường**.

Năm 2022, HSC tiếp tục thực hiện Báo cáo Phát triển Bền vững tích hợp tham chiếu theo các tiêu chuẩn của Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển Bền vững - Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) – phiên bản mới nhất GRI Sustainability Reporting Standards, tùy chọn cốt lõi. HSC chủ động định hướng và chia sẻ các hoạt động hướng tới sự phát triển bền vững cùng các bên liên quan, nhằm nhận diện các vấn đề cần được quan tâm.



Mô hình phát triển bền vững của HSC

HSC xây dựng mô hình phát triển bền vững dựa trên các tác động từ hoạt động của HSC lên 3 yếu tố: **kinh tế, xã hội và môi trường**. Việc đánh giá sẽ giúp Công ty có thể xác định vai trò, trách nhiệm và các hành động cần thực hiện trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Mô hình phát triển bền vững của HSC

Tác động tích cực KINH TẾ	<ul style="list-style-type: none"> » Duy trì hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định và bền vững, từ đó đóng góp các nghĩa vụ tài chính cho ngân sách nhà nước. » Nâng cao thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động. » Mang lại lợi ích kinh tế cho cổ đông thông qua chính sách trả cổ tức ổn định. » Thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro chặt chẽ nhằm giảm thiểu các thiệt hại về tài chính cho công ty, khách hàng. » Minh bạch trong quản trị công ty và cung cấp thông tin đến các đối tượng liên quan theo các thông lệ quốc tế cao nhất. » Tích cực tham gia phát triển thị trường chứng khoán nói riêng và thị trường tài chính Việt Nam nói chung thông qua việc đóng góp ý kiến, phối hợp xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về thị trường, sản phẩm đầu tư.
Tác động tích cực XÃ HỘI	<ul style="list-style-type: none"> » Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. » Tiếp tục đầu tư phát triển con người, hướng tới sự đóng góp tích cực cho công ty, cộng đồng. » Luôn lấy “Khách hàng làm trọng tâm” để không ngừng phát triển các sản phẩm đầu tư, hệ thống giao dịch mới, đáp ứng nhu cầu của khách hàng. » Không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ khách hàng để mang đến cho khách hàng sự hài lòng, tin tưởng khi sử dụng các dịch vụ của công ty. » Chủ động thực hiện các trách nhiệm cộng đồng thông qua các dự án phát triển giáo dục dài hạn. » Tuân thủ nghiêm túc các quy định, văn bản hướng dẫn của Nhà nước, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các hoạt động duy trì và xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ.
Tác động tích cực MÔI TRƯỜNG	<ul style="list-style-type: none"> » Xây dựng môi trường làm việc tại công ty xanh, sạch, giảm thiểu các tác động từ tiêu dùng năng lượng và xả thải trong hoạt động hàng ngày. » Hưởng ứng tích cực các sáng kiến bảo vệ môi trường thông qua công tác truyền thông và sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường.

Mô hình quản trị bền vững của HSC

Hội đồng Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> » Định hướng chiến lược của công ty về phát triển bền vững. » Phê duyệt các mục tiêu và kế hoạch hành động.
Tổng Giám đốc và Ban điều hành	<ul style="list-style-type: none"> » Xây dựng và trình HĐQT các mục tiêu và kế hoạch hành động về phát triển bền vững. » Truyền thông chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hành động của phát triển bền vững đến toàn công ty. » Phân công các Khối/ Bộ phận chuyên môn thực hiện kế hoạch hành động theo đúng vai trò và trách nhiệm. » Theo dõi sát sao để đảm bảo kế hoạch được thực hiện và đạt mục tiêu đề ra. » Đưa ra các giải pháp kịp thời đối với những khó khăn, rủi ro trong quá trình thực hiện. » Báo cáo HĐQT kết quả thực hiện kế hoạch phát triển bền vững.
Các Khối và bộ phận chức năng	<ul style="list-style-type: none"> » Triển khai kế hoạch phát triển bền vững theo đúng sự phân công. » Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hàng ngày liên quan đến các mục tiêu về phát triển bền vững của HSC. » Tích cực đóng góp các sáng kiến cải thiện kế hoạch phát triển bền vững.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2022 CỦA HSC

Đối tượng & mục tiêu của các hoạt động phát triển bền vững

Trong kế hoạch hành động phát triển bền vững năm 2022, dựa trên 3 yếu tố chủ động ảnh hưởng tích cực là kinh tế, xã hội, và môi trường, HSC xác định rõ các đối tượng liên quan và mục tiêu của các hoạt động phát triển bền vững lên từng đối tượng, cụ thể:

Đối tượng	Mục tiêu của các hoạt động phát triển bền vững
Khách hàng	Cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho khách hàng bằng việc liên tục gia tăng tiện ích giao dịch và cải tiến hệ thống giao dịch. Gia tăng giá trị cho khách hàng bằng việc phát triển và giới thiệu các sản phẩm đầu tư, dịch vụ tài chính có chất lượng cao. Nâng cao năng lực đầu tư cho khách hàng thông qua các khóa đào tạo đầu tư chứng khoán và quản trị nguồn vốn. Kết nối cơ hội đầu tư cho khách hàng thông qua các hội thảo trực tuyến định kỳ kết nối khách hàng với các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam.
Người lao động	Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và bền vững. Đảm bảo mức lương phù hợp và thu nhập ổn định với các quyền lợi nâng cao. Nuôi dưỡng và phát triển năng lực đội ngũ nhân sự. Thu hút nhân tài phục vụ phát triển kinh doanh.
Cổ đông, nhà đầu tư	Hoạt động kinh doanh hiệu quả và bền vững. Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông. Công bố thông tin minh bạch.
Cộng đồng địa phương	Hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động. Tích cực thể hiện trách nhiệm doanh nghiệp thông qua các dự án phát triển giáo dục cộng đồng, thiện nguyện. Tích cực tham gia hỗ trợ cộng đồng phòng chống dịch Covid-19.
Cơ quan quản lý	Tuân thủ các Luật, Quy định, Hướng dẫn được đề ra bởi các cơ quan chức năng. Hoàn thành tốt các nghĩa vụ thuế với nhà nước. Đóng góp, hỗ trợ giải pháp công nghệ, phát triển thị trường vốn.

NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Khách hàng: Gia tăng giá trị khách hàng

HSC tin rằng mang đến trải nghiệm dịch vụ tốt hơn là yếu tố tiên quyết để giữ chân khách hàng và nâng cao uy tín công ty, từ đó tạo ra một môi trường kinh doanh thành công và bền vững.

Năm 2022, HSC tiếp tục đầu tư vào hạ tầng công nghệ, các gói dịch vụ ưu đãi, cung cấp kiến thức đầu tư nhằm mang lại nhiều lợi ích cho khách hàng.

Gia tăng tiện ích giao dịch

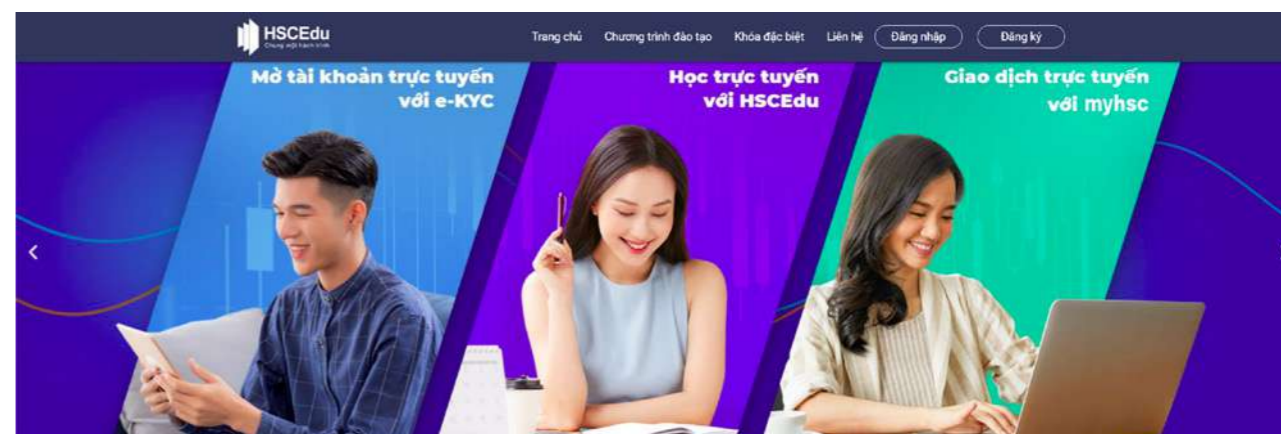
HSC tập trung vào nghiên cứu và cải tiến hệ thống giao dịch. Trong năm 2022 HSC đã nâng cấp nền tảng giao dịch myHSC trên phiên bản web và mobile với nhiều tính năng và giao diện thân thiện, cải thiện tốc độ xử lý lệnh, mang đến cho khách hàng trải nghiệm tốt hơn.

Nhằm giúp khách hàng tiếp cận thị trường chứng khoán dễ dàng hơn, HSC cũng đã đơn giản hóa quy trình mở tài khoản trực tuyến, quy trình eKYC cũng được cải tiến giúp khách hàng mở tài khoản trực tuyến nhanh và an toàn hơn. Đối với khách hàng mở tài khoản tại quầy giao dịch, quy trình xử lý hồ sơ cũng được HSC tinh gọn, giúp giảm thời gian xử lý từ 20 phút xuống còn 10 phút.

Gia tăng giá trị cho khách hàng

Trong năm 2022, HSC tung ra nhiều gói ưu đãi phí dịch vụ và các chương trình đi kèm như chọn số tài khoản như ý để thu hút khách hàng tham gia vào thị trường chứng khoán. Đồng thời, HSC đã hoàn thiện tất cả các khóa học trên nền tảng HSEdu - Nền tảng đào tạo trực tuyến dành cho Nhà đầu tư chứng khoán do HSC phát triển. Các khóa học này được thiết kế với lộ trình từ cơ bản đến nâng cao theo từng giai đoạn đầu tư và liên tục được cập nhật để phù hợp với biến động của thị trường. Ngoài ra, HSC còn tổ chức nhiều khóa học trên nền tảng Zoom với chủ đề khác như Quản trị vốn, Làm chủ phương pháp giao dịch,... để học viên có kiến thức tổng quát về đầu tư chứng khoán và quản lý tài sản cá nhân.

HSC tiếp tục đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tư vấn cho nhà đầu tư thông qua các cầu nối trực tuyến như: Mạng xã hội Facebook "Chứng khoán HSC", các chương trình YouTube Livestream: "Nhận định thị trường", "Điểm nhấn thị trường", "Trưa nay ăn gì?...", Podcast "Trước giờ đón sóng", Bản tin "Café sáng" hàng ngày qua email và các nhóm tư vấn 24/7. HSC đặt chất lượng tư vấn hiệu quả là tiêu chí hàng đầu, liên tục cập nhật thông tin thị trường cùng nhận định của chuyên gia để chăm sóc khách hàng nhanh chóng. Thông qua việc mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tiếp cận khách hàng, HSC đã và đang tiếp cận đến nhiều khách hàng hơn và nhận được sự ủng hộ, tin tưởng của đại đa số các nhà đầu tư.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Khách hàng: Gia tăng giá trị khách hàng (tiếp theo)

Kết nối cơ hội đầu tư

Đối với khách hàng cá nhân, hội thảo Kết nối khách hàng với doanh nghiệp (Connecting to Customers – C2C) mà HSC tổ chức dành cho khách hàng cá nhân là một sự kiện định kỳ hàng tháng với mục tiêu làm cầu nối thông tin chất lượng nhất giữa các chuyên gia phân tích cao cấp của HSC và các doanh nghiệp đầu ngành với các nhà đầu tư. Trong năm 2022, HSC đã tổ chức 10 kỳ hội thảo với các doanh nghiệp đầu ngành như VHM, VIB, DGW, FPT, MSN, GMD... thu hút hơn 8,200 lượt tham dự. Đây là nỗ lực của HSC trong việc đưa nhà đầu tư đến gần hơn với doanh nghiệp, thúc đẩy minh bạch thông tin trên thị trường.



Đối với khách hàng tổ chức, hằng năm, HSC tổ chức sự kiện Emerging Việt Nam với mục tiêu tạo cầu nối giữa các công ty hàng đầu Việt Nam với cộng đồng đầu tư quốc tế. Emerging Việt Nam luôn được đánh giá cao bởi lượng thông tin bổ ích, sáng tạo và cập nhật những xu thế mới trên nhiều lĩnh vực của nền kinh tế. Diễn đàn là nơi hội tụ của cộng đồng các nhà đầu tư cá nhân/ tổ chức đang tìm kiếm cơ hội đầu tư vào thị trường Việt Nam. Sau hai năm tổ chức trực tuyến do Covid-19, năm 2022, sự kiện Emerging Việt Nam trở lại đón khách trực tiếp với chủ đề **"Sự trỗi dậy của mãnh hổ mới – A new tiger rises"** và thu hút sự tham gia của 40 doanh nghiệp, 500 người tham dự đến từ 10 quốc gia và vùng lãnh thổ.



Định hướng cộng đồng đầu tư

Với mục tiêu nâng cao nhận thức về tài chính cá nhân trong cộng đồng trẻ, HSC nhận ra rằng việc định hướng để các nhà đầu tư trẻ xây dựng tư duy và chiến lược đúng khi tham gia vào thị trường đầu tư cổ phiếu là vô cùng cần thiết. Tư duy đúng đắn sẽ là nền tảng vững chắc để giúp nhà đầu tư vững vàng về mặt tâm lý, quyết định, kiên định với những nguyên tắc đầu tư dù thị trường đang tăng trưởng hay rơi vào những giai đoạn biến động, từ đó mang lại nền tảng sức khỏe tài chính tốt và phòng tránh rủi ro.

Với mục tiêu trên, HSC tài trợ 10 số phát sóng trực tiếp chương trình **Tự do Tài chính – MoneyTalk** trên các nền tảng VTV Digital bao quát trên các khía cạnh Sức khỏe tài chính, Hoạch định tài chính cá nhân, Đầu tư và Tư duy nhà đầu tư. MoneyTalk với sự tham gia của HSC được khán giả và giới truyền thông đón nhận thông qua lượt theo dõi cao và nhận được nhiều đánh giá tích cực.



Nhân viên: Gia tăng giá trị cho người lao động

Năm 2022 là một năm đầy khó khăn và thử thách cho nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Sự sụt giảm mạnh của chỉ số VNIndex và giá trị giao dịch trên thị trường đã tác động rất lớn đến các công ty trong ngành chứng khoán bao gồm HSC. Tuy vậy, với nền tảng vững chắc, mô hình kinh doanh có tính chống chịu cao và nỗ lực của toàn thể nhân viên, HSC vẫn duy trì hoạt động ổn định và hiệu quả, đồng thời đảm bảo thu nhập và các phúc lợi cho toàn bộ tập thể nhân viên HSC.

Trong năm 2022, Ban lãnh đạo HSC đã điều chỉnh toàn diện chính sách tiền lương và phúc lợi của công ty nhằm gia tăng sự gắn kết và tinh thần của đội ngũ cũng như tính cạnh tranh của HSC trên thị trường lao động. Điều này thể hiện cam kết của HSC trong việc thực hiện các giá trị cho người lao động (Employee Value Proposition – EVP) - **"Cuộc sống cân bằng và thịnh vượng"** cũng như củng cố hình ảnh HSC là **"Nơi làm việc tốt nhất"** trong ngành tài chính nói riêng và trên thị trường lao động Việt Nam nói chung.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Nhân viên: Gia tăng giá trị cho người lao động (tiếp theo)

Các nỗ lực không ngừng để xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, bền vững và phát triển nguồn nhân lực của HSC đã được ghi nhận bằng sự hài lòng của nhân viên và vị thế của Công ty trên thị trường lao động. Cụ thể, kết quả khảo sát chất lượng dịch vụ nhân sự thường niên năm 2022 do khối QTNNL tiến hành với sự tham gia của 70% nhân viên công ty cho thấy hơn 88% nhân sự tham gia khảo sát hài lòng về môi trường làm việc và chất lượng dịch vụ nhân sự của HSC. Trong năm qua, HSC cũng đã vinh dự đón nhận giải thưởng **"Top 50 Thương hiệu Nhà tuyển dụng hấp dẫn – Khối doanh nghiệp"**.

Các khoản chi (trệu VND)	2022	2021	2020	2019
Tiền lương	223,426	200,592	174,180	168,939
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn	26,100	24,233	23,310	23,056
Thù lao, tiền thưởng khác	336,322	365,016	164,069	106,258
Chi phí hỗ trợ nhân viên và người thân bị nhiễm Covid-19 và các hoạt động hỗ trợ khác	6,794	2,733	-	-
Tổng cộng	592,642	592,574	361,559	298,253

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Nguồn nhân sự chất lượng cao đóng góp rất lớn vào thành công của HSC. Do đó, nuôi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực từ lâu đã là một mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty. Trong năm 2022, HSC tiếp tục theo đuổi chiến lược này một cách nhất quán, bất chấp nhiều khó khăn và biến động của nền kinh tế và trong ngành chứng khoán.

Về mặt đào tạo, trong năm 2022, khối QTNNL đã hoàn thành chuyển đổi hệ thống HSC E-learning sang HSC Education để hệ thống hóa quy trình đào tạo định hướng nhân viên mới cũng như phục vụ nhu cầu trau dồi kiến thức và cập nhật thông tin của toàn thể nhân viên. Kho dữ liệu luôn được bổ sung, cập nhật và đến nay đã bao gồm 514 phim và 135 tài liệu đào tạo. Trong năm qua, hệ thống này ghi nhận 10,244 lượt truy cập, giúp 85% nhân viên mới hoàn thành khóa đào tạo định hướng của Công ty và giúp đội ngũ HSC nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên môn cũng như cập nhật các chính sách và quy định mới của Công ty. Bên cạnh đó, khối QTNNL cũng đã tổ chức thành công 16 lớp đào tạo chứng chỉ chứng khoán giúp cho 59 học viên hoàn thành chứng chỉ chuyên môn và 42 nhân viên tham dự thi sát hạch chứng chỉ hành nghề. Điều này góp phần làm tăng hiệu quả công tác quản lý rủi ro tác nghiệp của nhân viên và đảm bảo công tác vận hành đúng như quy định của UBCK cũng như tăng mức độ tin nhiệm của khách hàng với Công ty.

HSC EDUCATION

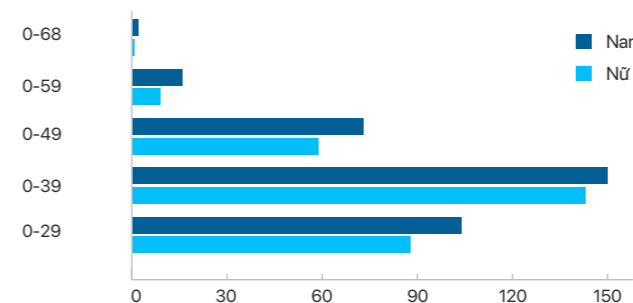
10,244 LƯỢT TRUY CẬP

514 PHIM ĐÀO TẠO

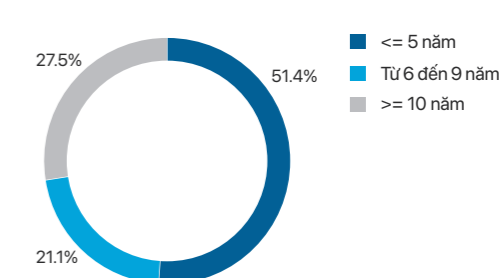
135 TÀI LIỆU ĐÀO TẠO

Đánh giá chính xác hiệu quả công việc để ghi nhận cống hiến của người lao động là rất quan trọng trong chiến lược quản trị nguồn nhân lực. Trong năm 2022, khối QTNNL đã tiến hành cải tiến phương pháp đánh giá hiệu quả công việc (EPM) của người lao động theo hướng gắn liền mục tiêu và hiệu quả của từng cá nhân và đơn vị với kế hoạch phát triển và kết quả hoạt động chung của toàn Công ty. Đây là nền tảng cho quá trình xây dựng chương trình đánh giá và phát triển nhân tài của HSC.

Giới tính và độ tuổi CBNV HSC



Tỉ lệ thời gian làm việc



Thu hút nhân tài

Trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng cạnh tranh gay gắt, việc đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao luôn được HSC đặt lên hàng đầu. Trong năm 2022, thông điệp tuyển dụng **"Engage your values to flourish - Gắn kết các giá trị để thành công"** để quảng bá văn hoá và môi trường làm việc đã được lan tỏa mạnh mẽ, tạo nên nét độc đáo nổi bật giúp HSC thu hút các ứng viên tiềm năng. Số lượng truy cập trang thông tin tuyển dụng HSC tăng 639% so với cùng kỳ và số lượng người theo dõi trang nghề nghiệp HSC trên mạng xã hội LinkedIn tăng 310% so với cùng kỳ. Điều này góp phần giúp HSC đạt 88% kế hoạch tuyển mới trong năm 2022. Trong thời gian tới, chúng tôi tiếp tục đẩy mạnh áp dụng các công nghệ kỹ thuật số vào việc thu hút nhân tài nhằm tối ưu hóa chi phí và đa dạng hóa nguồn ứng viên.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Nhà Đầu tư – Tối ưu hóa giá trị cổ đông

Duy trì lợi ích kinh tế của cổ đông

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, HSC có tổng cộng 23,986 cổ đông, trong đó 150 cổ đông là nhà đầu tư tổ chức và 23,836 cổ đông là nhà đầu tư cá nhân. Kể từ khi niêm yết (năm 2009), HSC luôn đảm bảo tỉ lệ cổ tức trích trên 50% lợi nhuận sau thuế. Riêng năm 2022, HSC đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ 2.5% trên mệnh giá cổ phiếu và thanh toán vào ngày 08/02/2023, đúng tiến độ đã công bố tại Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐQT ngày 29/12/2022. Trên cơ sở đảm bảo nguồn thu nhập từ đầu tư vốn của cổ đông, HĐQT sẽ kiến nghị chia cổ tức đợt 2 tại ĐHCĐ 2022 với tỷ lệ phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2022 và chính sách cổ tức của HSC. Đây là cam kết của HSC trong nỗ lực liên tục gia tăng giá trị cho cổ đông thông qua sự cam kết về lợi ích kinh tế, đảm bảo thu nhập cho cổ đông. Bên cạnh đó, HSC chú trọng phát triển sức mạnh nội tại của Công ty để gia tăng giá trị công ty, minh bạch thông tin để thị trường đánh giá đúng giá trị thực của cổ phiếu HCM.

Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông

Tại HSC, hoạt động Quan hệ Nhà Đầu tư (IR) được chú trọng thực hiện một cách bài bản và được quy chuẩn hóa. HSC dành một nguồn lực đáng kể cho hoạt động IR nhằm đảm bảo quyền lợi cổ đông cũng như đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông. Hoạt động IR của HSC được thực hiện bởi phòng Quan hệ Nhà đầu tư. Thông qua các cuộc họp ĐHCĐ và Báo cáo Thường niên, cổ đông của HSC được nhận đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của HSC và tất cả các hoạt động về phát triển chiến lược của Công ty.

Các quyền khác của cổ đông như quyền được tham gia, bỏ phiếu tại ĐHCĐ, bầu chọn và bãi nhiệm thành viên HĐQT, chính sách biểu quyết vắng mặt của cổ đông đều được đảm bảo. Điều lệ và quy chế quản trị công ty có những quy định rõ về việc ứng xử bình đẳng với các cổ đông, không có ưu đãi cho một đối tượng cổ đông nào, việc biểu quyết được thực hiện theo số lượng cổ phiếu sở hữu.



Công bố thông tin minh bạch và chủ động kết nối với nhà đầu tư

Công bố thông tin minh bạch và kịp thời là ưu tiên hàng đầu của HSC nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư trong việc tiếp cận các thông tin có liên quan một cách chính xác và kịp thời. HSC thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, và tuân thủ chặt chẽ theo Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính. Các thông tin đều được công bố song song bằng tiếng Việt – tiếng Anh trên Cổng Thông tin Điện tử của Sở, UBCKNN cũng như trang thông tin điện tử HSC và các phương tiện truyền thông, đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp giữa các cổ đông trong và ngoài nước.

Trong bối cảnh số lượng cổ đông tăng cao và phân bố rộng khắp trong và ngoài nước, ĐHCĐ 2022 được HSC tổ chức theo hình thức trực tuyến cho phép toàn bộ cổ đông được tham dự, giao lưu đặt câu hỏi với ban chủ tọa và bỏ phiếu biểu quyết các nội dung tờ trình một cách thuận tiện và minh bạch. HSC cũng nỗ lực duy trì kết nối với nhà đầu tư và cơ quan báo chí thông qua hội nghị trực tuyến được tổ chức định kỳ hằng quý, thông báo kết quả hoạt động kinh doanh quý và trả lời các câu hỏi, thắc mắc đến tất cả cổ đông. Các thông tin cập nhật và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý được soạn thảo bằng hai ngôn ngữ Anh – Việt và gửi tới từng cổ đông qua email giúp cổ đông dễ dàng tiếp cận với nguồn thông tin chính thống, đầy đủ nhằm đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Cộng đồng – Tích cực thực hiện vai trò trách nhiệm của doanh nghiệp đối với sự phát triển của cộng đồng xã hội

Cam kết hỗ trợ cộng đồng là điều nhất quán trong suốt 20 phát triển của HSC tại Việt Nam, phản ánh chiến lược phát triển bền vững cùng chính sách ESG nhằm hệ thống hóa và củng cố mối quan hệ giữa doanh nghiệp với nhà đầu tư, khách hàng, cộng đồng, nhân viên và đối tác liên quan. Theo đó, chương trình được phát triển dựa trên các trụ cột gồm tài chính minh bạch và tuân thủ, tăng trưởng ổn định, công bằng và đa dạng trong tổ chức, phúc lợi toàn diện, cộng đồng bền vững.

Giai đoạn 2020 – 2022 là một thời kỳ đặc biệt gắn liền với phương châm **"Đóng góp giá trị - Chạm vào cuộc sống"**.

HSC đồng hành cùng Chính phủ & Đồng bào vượt qua Đại dịch Covid-19

HSC tích cực đóng góp vào Quỹ Vaccine Covid-19 nhằm hỗ trợ sớm đẩy lùi đại dịch. HSC kết hợp với Công ty Quản lý Quỹ Dragon Capital Việt Nam đã trao tặng 50 tỷ đồng cho quỹ vaccine Covid-19. Đồng thời hưởng ứng theo lời kêu gọi của UBCK đóng góp 2,5 tỷ đồng cùng với các tổ chức, cá nhân trong ngành chứng khoán để đóng góp quỹ mua vaccine phòng chống dịch Covid-19. Đồng thời, HSC cũng tích cực hỗ trợ TP. Hồ Chí Minh trong bối cảnh cần tăng cường nguồn lực Y tế. Tháng 7/2021, HSC đã trao tặng 3 xe cứu thương có tổng trị giá 7,5 tỷ đồng với mong muốn hỗ trợ củng cố, tăng cường năng lực của đội ngũ y tế tại TP. Hồ Chí Minh.



Đội ngũ HSC đoàn kết và bền bỉ chung tay vì cộng đồng trên nhiều phương diện

HSC đã tổ chức hơn 38 chương trình CSR trải khắp các tỉnh thành cả nước như TP. Hồ Chí Minh, Bến Tre, Tiền Giang, Đồng Nai, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Cà Mau... gồm thăm và tặng quà cho các mái ấm, trung tâm nuôi dưỡng các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, cơ nhỡ...

HSC luôn dành sự quan tâm, đầu tư cho giáo dục, đặc biệt là đối với trẻ em ở các tỉnh thành khó khăn, giúp các em tiếp cận gần hơn với kiến thức. Trong nhiều năm liền, HSC đã chuyển nhiều máy tính đã qua sử dụng nhưng đảm bảo chất lượng tốt đến các trường thuộc các xã huyện khó khăn, giúp các em học sinh có cơ hội nâng cao tri thức thông qua việc tiếp cận công nghệ hiện đại.

HSC sẵn sàng tổ chức, đóng góp tài chính và tham gia tích cực các hoạt động xã hội vì những giá trị thật và tình yêu lớn dành cho sự phát triển của cộng đồng và đất nước Việt Nam.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Cơ quan quản lý nhà nước – Tuân thủ và đóng góp tích cực

Tuân thủ các Luật, Quy định, Hướng dẫn được đề ra bởi các cơ quan chức năng

Tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan đến ngành Chứng khoán – Tài chính là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của HSC, nhằm đảm bảo phát triển bền vững cho chính doanh nghiệp, tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh, lợi ích tài chính và uy tín Công ty. HĐQT và Ban Lãnh đạo HSC đặc biệt coi trọng vấn đề này nên không chấp nhận bất cứ rủi ro pháp lý nào do việc cố tình vi phạm các quy định pháp lý gây ra.

Đóng góp tích cực cho ngân sách Nhà nước

Làm tròn nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước là cam kết của HSC trong việc góp phần vào sự phát triển, tăng trưởng ổn định của nền kinh tế và xã hội Việt Nam. Tổng đóng góp cho ngân sách Nhà nước trong năm 2022 của HSC đạt 785 tỷ đồng, bao gồm các đóng góp từ thuế thu nhập doanh nghiệp và tạm đóng hộ cho nhà đầu tư. Theo V1000 – Bảng xếp hạng Top 1000 doanh nghiệp đóng góp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, xếp hạng về đóng góp Ngân sách nhà nước của HSC ngày càng cao qua các năm. Năm 2021 HSC là doanh nghiệp thứ 116 đóng góp nhiều nhất cho ngân sách Nhà nước.

ĐÓNG GÓP

785 TỶ ĐỒNG

THỨ HẠNG CỦA HSC

116 TRÊN BẢNG XẾP HẠNG V1000 NĂM 2021

Đóng góp tích cực, hỗ trợ giải pháp công nghệ, tài trợ hệ thống giao dịch HOSE

Trước tình trạng quá tải, chậm xử lý lệnh giao dịch tại một số công ty chứng khoán từ cuối năm 2020, Bộ Tài chính đã giao UBCKNN và các đơn vị liên quan khẩn trương tìm phương án kỹ thuật, xử lý triệt để tình trạng nghẽn lệnh tại sàn. Sau 3 tháng xử lý, hệ thống giao dịch mới của HOSE do Tập đoàn FPT thực hiện đã được triển khai, chuyển giao, đưa vào hoạt động thông suốt, an toàn từ ngày 5/7/2021 với năng lực xử lý gấp 3-5 lần hệ thống cũ. HSC vinh dự là 1 trong 6 thành viên trong tổ công tác phối hợp với Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) và hỗ trợ kinh phí duy trì vận hành giải pháp công nghệ cho hệ thống giao dịch, đảm bảo hàng chục nghìn tỷ đồng giao dịch mỗi ngày cho thị trường vốn lớn nhất của Việt Nam trong suốt 2 năm qua.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2022

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Kết quả kinh doanh năm 2022

Với nền tảng vững chắc cùng phương châm phát triển bền vững và chiến lược quản trị rủi ro chặt chẽ, HSC đã vượt qua năm 2022 đầy thách thức để tiếp tục khẳng định vị thế là một định chế tài chính hàng đầu và đáng tin cậy trong ngành chứng khoán. Kết thúc năm 2022, HSC đạt 2,854 tỷ đồng doanh thu và 1,068 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, lần lượt giảm 15% và 25% so với năm 2021. Hoàn thành 71% kế hoạch lợi nhuận do ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2021 thông qua là một kết quả rất đáng khích lệ trong điều kiện thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam biến động mạnh trong năm 2022.

Chỉ tiêu (tỷ VND)	2022	2021	% Thay đổi	Kế hoạch năm 2022	% Hoàn thành
Doanh thu	2,854	3,368	-15%	3,593	79%
Lợi nhuận trước thuế	1,068	1,430	-25%	1,502	71%
Lợi nhuận sau thuế	852	1,147	-26%	1,202	71%

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và BDH trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ và của HĐQT như sau:

Phương pháp giám sát

HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS và các Tiểu ban trực thuộc HĐQT để nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty cũng như đánh giá tính khả thi của các kế hoạch kinh doanh và từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp và có tính thực tiễn cao nhằm hỗ trợ TGD và BDH hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

HĐQT đã ban hành các nghị quyết HĐQT sau các cuộc họp định kỳ để thông qua kết quả hoạt động kinh doanh quý, sáu tháng và cả năm cũng như sau các cuộc họp bất thường về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. Bên cạnh đó, theo thẩm quyền và trên cơ sở nhận định tình hình kinh tế tổng quan và tình hình thị trường chứng khoán, HĐQT đã tiến hành rà soát kế hoạch kinh doanh cho quý tiếp theo và thường xuyên trao đổi với TGD và BDH các vấn đề quan trọng để có thể hỗ trợ kịp thời về mặt định hướng nhằm giúp Công ty đạt được kế hoạch kinh doanh.

Kết luận

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho TGD và BDH quản lý các công việc kinh doanh của Công ty và tổ chức triển khai các quyết định, chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHCĐ giao. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát, báo cáo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu về tình hình hoạt động của Công ty, HĐQT đánh giá rằng TGD và BDH đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp, liêm chính và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHCĐ. Trong tình hình TTCK Việt Nam năm 2022 có nhiều biến động và rủi ro, TGD và BDH đã nỗ lực hết mình và thực hiện chiến lược kinh doanh thận trọng. Mặc dù HSC chỉ hoàn thành 71% kế hoạch lợi nhuận do ĐHCĐ thông qua, nhưng đây là kết quả khả quan so với các doanh nghiệp trong ngành. Bên cạnh đó, TGD và BDH vẫn tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp theo hướng phát triển bền vững và nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị và kiểm soát rủi ro.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2022

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Năm 2023, nền kinh tế và TTCK Việt Nam còn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) được cho là sẽ theo đuổi chính sách thắt chặt tiền tệ để kiềm hãm lạm phát. Điều này sẽ tiếp tục gây áp lực lên tỷ giá và mặt bằng lãi suất trong nước. Căng thẳng địa chính trị, cuộc chiến Nga - Ucraina chưa thấy dấu hiệu chấm dứt. Bên cạnh đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong nước vẫn chứa đựng nhiều rủi ro.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng năm 2023 vẫn còn những điểm sáng:

- » Chính sách thúc đẩy đầu tư công, sự phục hồi của ngành du lịch, các dự án FDI được giải ngân đóng góp vào sản xuất và xuất khẩu là những yếu tố quan trọng hỗ trợ cho nền kinh tế Việt Nam. Bên cạnh đó, nhiều giải pháp hỗ trợ thị trường trái phiếu doanh nghiệp đang được xem xét.
- » Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành sẽ tiếp tục được rà soát nhằm khắc phục những bất cập và tháo gỡ các khó khăn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp huy động vốn trên TTCK cũng như bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư khi tham gia đầu tư trên thị trường.
- » Hệ thống giao dịch KRX được kỳ vọng sẽ đi vào vận hành từ cuối năm 2023. Hệ thống này sẽ tạo điều kiện cho các nhà quản lý thị trường cung cấp thêm giải pháp giao dịch và sản phẩm đầu tư mới cũng như triển khai cơ chế thanh toán bù trừ CCP và từ đó giúp cho TTCK Việt Nam tiến gần hơn tới các thông lệ quốc tế hiện nay. Đây sẽ là điểm cộng cho nỗ lực nâng hạng của TTCK Việt Nam.
- » Hệ thống giao dịch thứ cấp cho trái phiếu doanh nghiệp được phát hành riêng lẻ dự kiến được đưa vào vận hành từ giữa năm 2023. Giải pháp này được kỳ vọng sẽ giúp tăng tính minh bạch của thị trường trái phiếu doanh nghiệp và khôi phục niềm tin của nhà đầu tư.
- » Các sản phẩm hợp đồng tương lai đối với các chỉ số khác ngoài chỉ số VN30 sẽ tiếp tục được đa dạng hóa.
- » Công tác giám sát TTCK sẽ tiếp tục được các cơ quan chức năng chú trọng.

Với nhận thức và nhận định về rủi ro cũng như cơ hội trên TTCK như trên, HĐQT sẽ tập trung vào các hoạt động sau trong năm 2023:

- » Tập trung phát triển các yếu tố nền tảng bao gồm nguồn nhân lực để không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và đón đầu xu hướng phát triển thị trường.
- » Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ vào quy trình, sản phẩm nhằm số hóa toàn bộ hoạt động của Công ty. Xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo mô hình chuyển đổi số phù hợp xu hướng phát triển của TTCK.
- » Cung cấp giải pháp và sản phẩm đầu tư để đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ nhằm mang lại trải nghiệm vượt trội cho khách hàng.
- » Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro. Nâng cao năng lực và vai trò của các tiểu ban trực thuộc HĐQT và thành viên HĐQT độc lập.
- » Xây dựng kế hoạch trách nhiệm xã hội nhằm nâng cao tính hiệu quả của các hoạt động này để tiếp tục mang lại những đóng góp tích cực và lan toả cho cộng đồng.

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2022

Từ ngày đầu thành lập, HSC đã xác định rõ quản trị doanh nghiệp tốt là nền tảng cho chiến lược phát triển bền vững của chúng tôi. Do đó, kim chỉ nam hoạt động của chúng tôi là xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Đây là một trong những yếu tố quan trọng để chúng tôi xây dựng nền tảng phát triển bền vững và tạo lợi thế cạnh tranh cho HSC. Quản trị doanh nghiệp tốt giúp chúng tôi xây dựng được niềm tin đối với khách hàng, cổ đông, nhân viên và các bên có liên quan để từng bước nâng tầm vị thế của HSC trên TTCK.

Vai trò của Hội đồng Quản trị

Là cơ quan quản lý của Công ty, HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. HĐQT đóng vai trò đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Theo đó, vai trò lớn nhất của HĐQT:



Năm 2022 là năm HĐQT sát cánh cùng BDH chắc tay chèo lái con thuyền HSC vượt qua nhiều khó khăn và biến động của nền kinh tế và TTCK. HĐQT cùng BDH thường xuyên đánh giá tình hình thị trường để đề ra chiến lược kinh doanh và điều chỉnh khẩu vị rủi ro cho phù hợp với điều kiện thị trường. Cụ thể, kế hoạch kinh doanh thận trọng và công tác quản trị rủi ro chặt chẽ đã giúp HSC vượt qua năm 2022 đầy thách thức và đạt kết quả kinh doanh khả quan.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

HĐQT chịu trách nhiệm xây dựng và đảm bảo các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp tốt nhất được áp dụng nhất quán và xuyên suốt trong mọi hoạt động của Công ty. HĐQT đã, đang và sẽ tiếp tục giám sát việc thực thi các chuẩn mực quản trị công ty tốt nhất trong "Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất" từ cấp quản trị cao nhất là HĐQT và BDH đến từng nhân viên HSC.

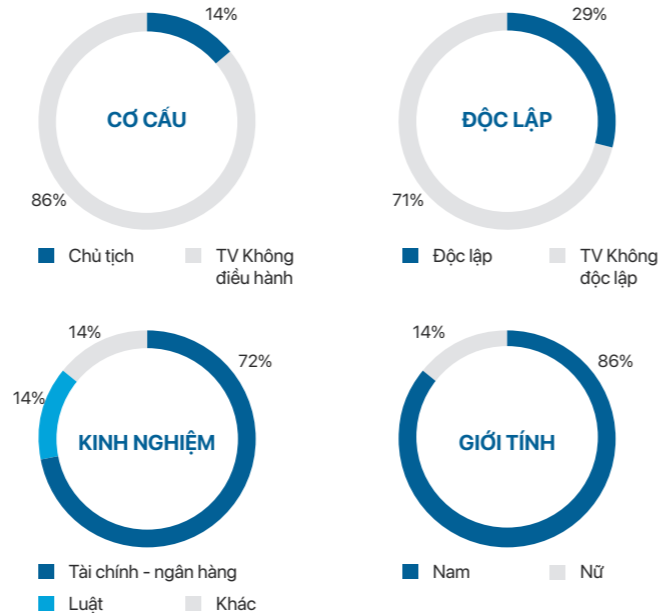
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2022

Cơ cấu và thành viên của Hội đồng Quản trị

Cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ V (2021 – 2025) có 7 thành viên bao gồm Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch, 2 thành viên độc lập và 3 thành viên không điều hành và theo mô hình cổ BKS.

Cơ cấu HĐQT của HSC đảm bảo sự cân đối giữa thành viên có kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm về tài chính, chứng khoán, pháp luật, quản trị điều hành cũng như đảm bảo tất cả thành viên HĐQT là thành viên không điều hành và tỷ lệ thành viên độc lập tuân thủ đúng quy định hiện hành.



Thành viên HĐQT độc lập và thành viên HĐQT không điều hành

Đánh giá sự độc lập của thành viên HĐQT độc lập

Đánh giá sự độc lập của thành viên HĐQT độc lập không chỉ dựa vào yếu tố năng lực, kinh nghiệm, đạo đức, thấu hiểu hoạt động kinh doanh của Công ty mà còn phải dựa vào tính liêm chính, khách quan, quyết đoán, trung thành với lợi ích chung của Công ty cũng như đưa ra quyết định đúng đắn bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số.

Hai thành viên HĐQT độc lập của HSC là các chuyên gia kỳ cựu với nhiều năm kinh nghiệm ở các vị trí lãnh đạo trong lĩnh vực ngân hàng và chứng khoán, cả trong và ngoài nước. Từ ngày tham gia HĐQT, 2 thành viên độc lập đã đồng hành cùng các thành viên HĐQT, thành viên BKS và BDH đóng góp tích cực vào các quyết định chiến lược của Công ty. Cụ thể trong năm 2022, với kỹ năng và kinh nghiệm lãnh đạo, các thành viên HĐQT độc lập đã có nhiều đóng góp đáng kể về mặt định hướng chiến lược và quản trị rủi ro để giúp HSC chủ động ứng phó và vượt qua nhiều khó khăn và thách thức.

Đánh giá sự độc lập của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Thành viên HĐQT không điều hành tại HSC là người đại diện vốn của 2 cổ đông lớn là cổ đông Nhà nước – Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HIFIC) và cổ đông Chiến lược – Dragon Capital Markets Limited (DC). Đánh giá sự độc lập và đóng góp của thành viên HĐQT không điều hành tại HSC chủ yếu dựa vào kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm về tài chính, chứng khoán, pháp luật cũng như những kỹ năng mềm và tính cách của từng thành viên. Từ ngày tham gia HĐQT, các thành viên không điều hành luôn là người đưa ra những ý kiến độc lập mang tính đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty. Mặc dù mang trên vai hai trọng trách đó là người đại diện vốn và thành viên HĐQT nhưng họ đã tách biệt hoàn toàn hai vai trò này và luôn hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Tổng Giám đốc

Sự tách biệt về vai trò của Chủ tịch HĐQT và TGD thể hiện sự độc lập và phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa HĐQT và BDH nhằm đảm bảo sự phân quyền hạn trong việc ra quyết định, tăng trách nhiệm và nâng cao tính độc lập trong hoạt động của HĐQT. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT cũng như của TGD được nêu rõ trong Điều lệ Công ty.

Chủ tịch HĐQT từng là TGD Công ty từ năm 2007 đến năm 2020. Ông được bổ nhiệm vào vị trí Chủ tịch cho nhiệm kỳ V (2021 – 2025).

Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng Quản trị

HĐQT đã có nhiều nỗ lực để hoàn thiện năng lực quản trị công ty phù hợp với quy định hiện hành và thông lệ quốc tế. Cụ thể:

- » HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả.
- » Xác định rõ ràng vai trò của từng thành viên nhằm đảm bảo tối đa quyền lợi của tất cả các cổ đông và đảm bảo sự công bằng cho cổ đông nhỏ.
- » HĐQT giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT và Nghị quyết ĐHCĐ.
- » Giám sát hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc HĐQT để đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc hoạt động và Điều lệ Công ty.

Các hoạt động của Hội đồng Quản trị

Các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham gia tất cả các cuộc họp HĐQT trong năm. Trong trường hợp có thành viên không thể tham dự họp, thành viên đó phải thông báo cho HĐQT nêu rõ lý do và có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT khác hay người khác tham dự.

Thông báo và chương trình họp được gửi email chậm nhất 15 ngày cho các thành viên HĐQT và tài liệu họp được gửi trước chậm nhất 7 ngày trước khi tổ chức họp. Đối với các cuộc họp lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản thông qua email, nội dung lấy ý kiến được trình bày cụ thể tại các tờ trình và thời gian đề nghị các thành viên HĐQT gửi ý kiến phản hồi chậm nhất là 7 ngày sau ngày gửi tờ trình.

Biên bản họp được gửi đến tất cả các thành viên HĐQT để ghi nhận lại tất cả nội dung đã họp, đồng thời gửi đến tất cả thành viên BKS để biết. Để quản lý xung đột lợi ích có thể xảy ra liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc người có liên quan của đối tượng này và Công ty, thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với nội dung mà họ có lợi ích liên quan.

Trong năm 2022, HĐQT tổ chức 33 cuộc họp, trong đó có 4 cuộc họp định kỳ, 20 cuộc họp bất thường và 9 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Chức danh	Thành viên	Ngày Bổ nhiệm	Cuộc họp			Tỷ lệ	
			Định kỳ	Bất thường	Lấy ý kiến bằng văn bản		
Chủ tịch	Johan Nyvene	22/04/2021	04	17 (*)	09	30/33	90%
Phó Chủ tịch	Lê Anh Minh	22/04/2021	04	20	09	33/33	100%
TV không điều hành	Lê Hoàng Anh	22/04/2021	04	20	09	33/33	100%
	Nguyễn Hồng Văn	22/04/2021	04	20	09	33/33	100%
	Trần Quốc Tú	22/04/2021	04	20	09	33/33	100%
TV độc lập	Nguyễn Thị Hoàng Lan	22/04/2021	04	20	09	33/33	100%
	Andrew Colin Vallis	22/04/2021	04	16 (*)	09	29/33	86%

(*) Nghỉ phép năm và ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐQT điều hành và biểu quyết.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2022 (tiếp theo)

Các hoạt động của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Tại các cuộc họp trong năm, HĐQT thông qua kết quả hoạt động kinh doanh quý, 6 tháng và cả năm, nhận định thị trường, rà soát các kế hoạch chiến lược cho quý tiếp theo và phê duyệt các vấn đề khác thuộc thẩm quyền để hoạt động của Công ty luôn được giám sát và quản trị tốt nhất. Định kỳ tại phiên họp đầu tiên của năm tài chính, HĐQT nhận định tình hình thị trường trong nước và quốc tế để từ đó xem xét sự phù hợp của tầm nhìn và sứ mệnh Công ty đối với tình hình thực tiễn. Và tại phiên họp cuối cùng của năm tài chính, HĐQT lên lịch họp để xác định thời gian họp HĐQT trong năm tài chính tiếp theo phù hợp với tất cả thành viên HĐQT.

HĐQT đã thực hiện đúng cam kết hoàn thành trách nhiệm và vai trò của mình trong việc tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT cũng như đưa ra các quyết định trọng yếu trong năm 2022. Các nghị quyết chỉ được thông qua khi đa số các thành viên tham dự tán thành.

Những hoạt động chính của Hội đồng Quản trị trong năm 2022

Vai trò của HĐQT	Hoạt động của HĐQT năm 2022
Tài chính	
Giám sát tình hình hoạt động tài chính	Kết quả hoạt động kinh doanh Q4.2021, 2021, Q1.2022, Q2.2022, Q3.2022.
Giám sát việc vay vốn tại các ngân hàng	Thông qua các hạn mức vay vốn tại các ngân hàng.
Phát hành cổ phiếu	Chấp thuận nguyên tắc phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu ESOP 2022 và ủy quyền cho BĐH lập phương án chi tiết trình ĐHCĐ 2021 thông qua. Thông qua hồ sơ và triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu trả cổ tức đã được ĐHCĐ thông qua.
Phát hành chứng quyền	Thông qua các đợt phát hành chứng quyền.
Cổ tức	Thông qua việc thanh toán cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2021 và đợt 1 năm 2022.
Quản trị rủi ro	
Điều lệ và Quy chế	Thông qua Chính sách Quản trị rủi ro, Quy chế hoạt động của Ban Đầu tư, Quy chế hoạt động của Ban Tín dụng, Quy chế hoạt động của Ban Tài sản Nợ và Có. Thống nhất trình dự thảo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS để ĐHCĐ 2021 thông qua.
Ký kết các hợp đồng và giao dịch	Chấp thuận nguyên tắc việc ký kết các hợp đồng và giao dịch dự kiến phát sinh trong năm 2022 giữa Công ty với các bên có liên quan. Chấp thuận ký kết Hợp đồng tư vấn pháp lý với Công ty Luật TNHH Tầm nhìn và Liên danh, là công ty thuộc sở hữu của Trường BKS HSC.
Quản trị doanh nghiệp	
Tổ chức Đại hội	Hoãn tổ chức ĐHCĐ 2021 dự kiến tổ chức ngày 21/04/2022 và ngày 20/06/2022. Thông qua thời gian, địa điểm, nội dung tổ chức ĐHCĐ 2021.

Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Bảng chi trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2022

Nội dung	Số tiền (VND)
Ngân sách hoạt động của HĐQT & BKS năm 2022	17,205,935,716
Chi phí hoạt động của HĐQT & BKS	17,205,935,716
Thù lao HĐQT (*)	4,608,205,129
Thù lao BKS (*)	1,146,666,667
Tiền thưởng HĐQT & BKS	0
Chi phí hoạt động khác	11,451,063,920

Chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT được tham gia bảo hiểm trách nhiệm nhà quản lý và hưởng chế độ công tác phí. Chủ tịch HĐQT được hưởng các chế độ phúc lợi như quyền lợi về khám sức khỏe định kỳ, sử dụng ô tô, thanh toán chi phí điện thoại thực tế phát sinh và các khoản mục khác theo chính sách của Công ty.

Sự tham gia của các thành viên Hội đồng Quản trị trong chương trình quản trị công ty

Các thành viên mới được bầu tại ĐHCĐ 2020 sẽ sắp xếp tham gia khóa học “Quản trị công ty” trong thời gian tới.

Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

HĐQT đã thành lập 3 tiểu ban trực thuộc HĐQT là Tiểu ban Quản trị rủi ro (Tiểu ban QTRR), Tiểu ban Kiểm toán nội bộ (Tiểu ban KT) và Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng (Tiểu ban NSLT).

Nhiệm vụ của các tiểu ban là tư vấn và hỗ trợ cho HĐQT trong việc duy trì và tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ Công ty. Thành viên của cả 3 tiểu ban là các thành viên không điều hành và Chủ tịch của Tiểu ban QTRR và Tiểu ban NSLT là thành viên HĐQT độc lập.

Họ tên	Chức vụ	Tiểu ban QTRR	Tiểu ban KT	Tiểu ban NSLT
Johan Nyvene	Chủ tịch TV HĐQT không điều hành	✓		✓
Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch TV HĐQT không điều hành	✓	✓	✓
Lê Hoàng Anh	Thành viên TV HĐQT không điều hành	✓	✓	
Andrew Colin Vallis	Thành viên TV HĐQT độc lập	Chủ tịch	✓	
Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên TV HĐQT độc lập			Chủ tịch
Đặng Nguyệt Minh	Thành viên Ban Kiểm soát		Chủ tịch	

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2022 (tiếp theo)

Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

Tiểu ban Quản trị rủi ro (Tiểu ban QTRR)

Tiểu ban QTRR được thành lập vào năm 2013, là cơ quan giúp việc cho HĐQT thực hiện một số quyền hạn và nhiệm vụ liên quan đến công tác quản trị rủi ro của HĐQT.

Năm 2022 là năm HSC tập trung quản lý rủi ro chuyên sâu vào mọi hoạt động của Công ty, đặc biệt là các hoạt động trọng yếu nhằm gia tăng kiểm soát rủi ro hiệu quả, đưa hệ thống quản trị rủi ro đạt được bước tiến trưởng thành mới.

Hoạt động của Tiểu ban QTRR trong năm 2022:

- » Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Đầu tư, Quy chế hoạt động của Ban Tín dụng, Quy chế hoạt động của Ban Tài sản Nợ và Có, Quy chế Công bố thông tin, Chính sách mua sắm trước khi trình HĐQT thông qua.
- » Xem xét các Báo cáo rủi ro và tuân thủ định kỳ do Ban Rủi ro báo cáo định kỳ hàng tháng và quý.
- » Xem xét Danh mục rủi ro các khối, Rủi ro trọng yếu của Công ty năm 2022.
- » Đánh giá môi trường kinh doanh và những rủi ro trọng yếu ảnh hưởng đến HSC.

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ (Tiểu ban KT)

Tiểu ban KT được thành lập vào năm 2014, là cơ quan giúp việc cho HĐQT thực hiện một số quyền hạn và nhiệm vụ liên quan đến công tác kiểm toán nội bộ của HĐQT.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ (Bộ phận KT) đồng thời được thành lập, là bộ phận độc lập, hỗ trợ HĐQT thông qua Tiểu ban KT.

Hoạt động của Tiểu ban KT trong năm 2022:

- » Thẩm tra các báo cáo tài chính tài chính 6 tháng 2022 và cả năm 2022 của Công ty.
- » Giám sát hoạt động của bộ phận Kiểm toán nội bộ (KTNB) và phê duyệt kế hoạch kiểm toán năm 2022.
- » Rà soát các báo cáo 6 tháng và cả năm 2022 của bộ phận KTNB.
- » Rà soát và phê duyệt Kế hoạch KTNB theo định hướng quản trị rủi ro giai đoạn 2023 – 2025.
- » Phối hợp cùng BKS để thực hiện các hoạt động của Tiểu ban KT, cũng như giải trình các kết quả giám sát của Tiểu ban KT trong năm 2022 để báo cáo cổ đông.

Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng (Tiểu ban NSLT)

Tiểu ban NSLT thành lập vào năm 2016, là cơ quan giúp việc cho HĐQT thực hiện một số quyền hạn và nhiệm vụ liên quan đến công tác nhân sự cấp cao, tiền lương, thưởng và phúc lợi nhân viên của HĐQT.

Hoạt động của Tiểu ban NSLT trong năm 2022:

- » Tham mưu, đề xuất mức lương thưởng và các lợi ích khác của từng thành viên HĐQT và BKS.
- » Xem xét kế hoạch ngân sách hàng năm cho nhân viên.

Quan hệ giữa Công ty và Cổ đông

Quan hệ cổ đông

Cổ đông được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin bao gồm báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính soát xét 6 tháng, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo thường niên cũng như những thông tin đã được công bố và tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên của Công ty.

HSC luôn chủ động kết nối với cổ đông và nhà đầu tư để cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác thông qua một số kênh thông tin có sẵn như trang thông tin điện tử của Công ty, các buổi công bố báo cáo tài chính, tại các diễn đàn đầu tư hay các hội thảo chuyên đề, ĐHCĐ thường niên hàng năm và gửi thông tin qua email đến từng cổ đông và nhà đầu tư.

Công ty luôn khuyến khích cổ đông, nhà đầu tư cũng như đối tác đặt câu hỏi hay đóng góp ý kiến mang tính xây dựng thông qua địa chỉ email tại mục Liên hệ.

Công bố thông tin

Chính sách công bố thông tin

Chính sách công bố thông tin tại HSC được thực hiện đúng theo các quy định pháp luật, minh bạch và hiệu quả. Các thông tin công bố thực hiện theo nguyên tắc sau:

- » Chính xác, đầy đủ, rõ ràng và đúng thời hạn.
- » Đúng theo quy định pháp luật hiện hành.
- » Bình đẳng trong việc truy cập thông tin cho tất cả cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác.

Ngôn ngữ công bố thông tin

HSC cam kết ngôn ngữ công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh để cổ đông, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài có thể cập nhật thông tin thuận tiện và nhanh nhất.

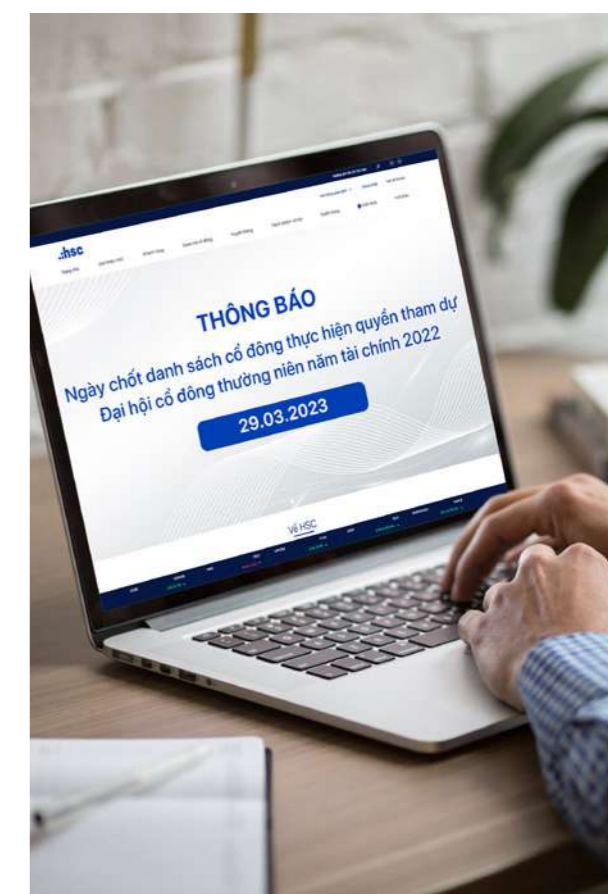
Phương tiện công bố thông tin

HSC duy trì kênh công bố thông tin bằng nhiều hình thức:

- » Trang thông tin điện tử (website) của HSC.
- » Hệ thống công bố thông tin của UBCK.
- » Trang thông tin điện tử (website) của VNX.
- » Trang thông tin điện tử (website) của HSX.
- » Trang thông tin điện tử (website) của VSD.

Kênh thông tin liên hệ

Các kênh thông tin được phân chia theo nhu cầu mang lại sự dễ dàng khi liên hệ. Thông tin được chuyển đến đúng bộ phận chịu trách nhiệm xử lý. Các kênh thông tin về Tuyển dụng, Dịch vụ Khách hàng Doanh nghiệp, Dịch vụ Khách hàng Tổ chức, Dịch vụ Khách hàng Cá nhân, Hoạt động Báo chí – Quan hệ Cổ đông – Trách nhiệm xã hội tại HSC hoàn toàn đáp ứng nhu cầu của cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và các bên liên quan khi cần hỗ trợ thông tin.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2022 (tiếp theo)

Quan hệ giữa Công ty và Cổ đông (tiếp theo)

Đại hội cổ đông

Cuộc họp ĐHCĐ là cơ hội quan trọng để Công ty gặp gỡ và đối thoại trực tiếp với cổ đông và nhà đầu tư. Tại các cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT trình kết quả hoạt động kinh doanh trong năm qua, kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo và những nội dung khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ.

Sau hai lần bị trì hoãn vào ngày 21/04/2022 và 20/06/2022 do chưa xác định được số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, cuộc họp ĐHCĐ 2021 đã được tổ chức vào ngày 08/08/2022 và bằng hình thức trực tuyến. Trình tự thủ tục được thực hiện đầy đủ đúng theo quy định pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của cổ đông.

- » Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng 11/07/2021 do VSD cung cấp được nhận đầy đủ và kịp thời các thông tin liên quan đến ĐHCĐ 2021 trong thông báo mời họp. Thông báo mời họp ĐHCĐ 2021 ghi rõ thời gian, địa điểm, chương trình họp và những thông tin cơ bản về việc đăng ký tham dự Đại hội. Toàn bộ tài liệu họp ĐHCĐ 2021 được đăng tải trên trang thông tin điện tử của HSC bằng cả hai thứ tiếng (tiếng Việt và tiếng Anh) 21 ngày trước ngày tổ chức ĐHCĐ 2021 (ngày 18/07/2022). Bên cạnh đó, thông báo mời họp ĐHCĐ 2021 cũng được đăng trên Báo Đầu tư ngày 03/08/2022.
- » ĐHCĐ 2021 được tổ chức vào ngày làm việc trong tuần theo hình thức trực tuyến nhằm tạo điều kiện cho các cổ đông trong nước cũng như nước ngoài có cơ hội tham gia, biểu quyết thực hiện quyền cổ đông của mình. Mặc dù tổ chức theo hình thức trực tuyến nhưng cổ đông cũng có thể đăng ký tham gia trực tiếp tại nơi tổ chức Đại hội. Cách thức tổ chức linh hoạt này đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều cổ đông tham gia Đại hội và tham gia chia sẻ, góp ý với ban Lãnh đạo HSC.
- » Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, chủ tịch các tiểu ban và TGD làm chủ tọa đoàn cuộc họp ĐHCĐ 2021. Ngoài ra, đại diện đơn vị kiểm toán độc lập cũng có mặt tại Đại hội và đại diện cổ đông thiểu số được ứng cử vào Ban Kiểm phiếu tại Đại hội.
- » Đoàn chủ tọa đã tích cực giải đáp mọi thắc mắc của cổ đông liên quan đến hoạt động của Công ty trong khung giờ cho phép và tiếp tục trả lời qua email những câu hỏi của cổ đông mà chưa được giải đáp. Chủ tọa đoàn khuyến khích cổ đông hoặc người được ủy quyền tham gia đóng góp ý kiến để xây dựng HSC ngày càng vững mạnh.
- » Tất cả các nội dung HĐQT trình Đại hội thông qua đều được tách riêng từng nội dung để cổ đông biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu của từng nội dung được công bố ngay tại Đại hội và ghi vào biên bản họp.
- » Biên bản họp, biên bản kiểm phiếu, và nghị quyết ĐHCĐ 2021 được đăng trên trang thông tin điện tử của HSC bằng hai thứ tiếng (tiếng Việt và tiếng Anh) trong vòng 24 giờ sau khi Đại hội kết thúc (ngày 09/08/2022).

Chính sách cổ tức

Chính sách cổ tức được HĐQT xem xét hàng năm nhưng HSC luôn nỗ lực đảm bảo tỉ lệ cổ tức trích trên 50% lợi nhuận sau thuế. Trong quá khứ, tỷ lệ cổ tức dao động trong khoảng từ 12% đến trên 20% mệnh giá cổ phiếu, tùy theo kết quả kinh doanh mỗi năm.

Quyết định chi trả cổ tức của HSC luôn được thông tin chi tiết và minh bạch đến cổ đông. Thông thường, HSC thực hiện tạm ứng cổ tức trong vòng 30 ngày sau khi tỷ lệ chia cổ tức được Đại hội thông qua. Riêng tại ĐHCĐ 2021, do chưa nhận được Giấy phép điều chỉnh vốn sau khi phát hành tăng vốn trong năm 2021 từ UBCK nên HSC không thể chốt danh sách cổ đông và xác định ngày thanh toán cổ tức trong 30 ngày sau khi ĐHCĐ kết thúc.

Sau khi nhận được Giấy phép điều chỉnh số 125/GPĐC-UBCK của UBCK ngày 27/12/2022, HSC đã thực hiện:

- » Thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 2.5% trên mệnh giá cổ phiếu và thanh toán vào ngày 08/02/2023, đúng tiến độ đã công bố tại Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐQT ngày 29/12/2022.
- » Nộp hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2021 với tỷ lệ 15% cho UBCK vào ngày 03/01/2023.

ĐHCĐ 2021 đã thông qua kế hoạch cổ tức năm 2022 khoảng 12% trên mệnh giá cổ phiếu và bằng tiền mặt và/ hoặc cổ phiếu tùy vào kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2022. Kế hoạch và việc thực hiện thanh toán cổ tức năm 2022 được tóm tắt như sau:

- » Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ 2.5% trên mệnh giá cổ phiếu và thanh toán vào ngày 08/02/2023, đúng tiến độ đã công bố tại Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐQT ngày 29/12/2022.
- » Trên cơ sở đảm bảo nguồn thu nhập từ đầu tư vốn của cổ đông, HĐQT sẽ kiến nghị chia cổ tức đợt 2 tại ĐHCĐ 2022 với tỷ lệ phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2022 và chính sách cổ tức của HSC.

Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông

Chỉ định người đại diện được ủy quyền trong cuộc họp Đại hội cổ đông

HSC tạo mọi điều kiện thuận lợi để cổ đông tham gia họp ĐHCĐ thường niên hàng năm, nhưng trong trường hợp cổ đông không thể tham gia và không thể ủy quyền cho người khác tham gia, cổ đông đó có quyền ủy quyền một trong các thành viên HĐQT thay mặt cổ đông quyết định tất cả các nội dung trong chương trình Đại hội.

Biểu quyết tại Đại hội cổ đông

Mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền khi tham gia ĐHCĐ được bỏ phiếu điện tử với thời gian biểu quyết tùy theo quyết định của chủ tọa được xác định rõ trong thư mời đại hội. Cổ đông phải xác nhận ý kiến của mình đối với từng nội dung bằng việc chọn vào một trong ba phương án: "tán thành", "không tán thành" và "không có ý kiến" và hoàn thành việc gửi đi trên hệ thống biểu quyết điện tử.

Quản trị xung đột về lợi ích và giao dịch với các bên liên quan

HSC nhận thức rằng việc xây dựng chính sách, quy trình nội bộ và cơ chế giám sát các tình huống "xung đột lợi ích" đối với người quản lý và điều hành trong Công ty không những góp phần ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro vụ lợi cá nhân mà còn đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông. Hiện tại, Công ty đang tuân thủ theo chuẩn mực "tránh xung đột lợi ích" của pháp luật Việt Nam.

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột về lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng từ một giao dịch kinh tế bất kỳ và đồng thời không được sử dụng các thông tin có được nhờ chức vụ của mình cho mục đích cá nhân hay để phục vụ lợi ích của các tổ chức hoặc cá nhân khác.

Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác.

Công ty không được thực hiện các giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ, hoặc với cổ đông hoặc người ủy quyền của cổ đông có sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ, trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác.

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ khi thực hiện giao dịch có giá trị từ 50 triệu đồng/ ngày hoặc 200 triệu đồng/ tháng tính theo mệnh giá đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, hoặc tính theo giá trị chuyển nhượng đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của HSC hoặc tính theo giá phát hành gần nhất đối với chứng quyền có bảo đảm dựa trên chứng khoán cơ sở của mã chứng khoán HCM của Công ty phải công bố thông tin báo giao dịch tối thiểu trước 3 ngày làm việc và công bố Báo cáo kết quả giao dịch trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch cho UBCK, VNX và HSX.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2022 (tiếp theo)

Vai trò của các bên liên quan

Cổ đông

HSC luôn sẵn sàng cung cấp thông tin minh bạch, đầy đủ và kịp thời đảm bảo quyền lợi bình đẳng giữa các cổ đông, không có sự phân biệt giữa cổ đông lớn, cổ đông chiến lược hay cổ đông thiểu số.

Thông tin về hoạt động của Công ty như kết quả hoạt động kinh doanh quý, sáu tháng và cả năm, kế hoạch kinh doanh, cổ tức... đều được công bố đầy đủ và kịp thời đến cổ đông thông qua trang thông tin điện tử của HSC, UBCK, HSX, VSD... Các buổi công bố thông tin định kỳ hàng năm được tổ chức thông qua các nền tảng trực tuyến để tạo cơ hội cho các cổ đông trong nước và nước ngoài tham gia.

Khách hàng/ Nhà đầu tư

Với triết lý kinh doanh luôn đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu và mục tiêu giữ vững thương hiệu dịch vụ tài chính được tin cậy nhất trên thị trường chứng khoán, HSC không ngừng cải thiện và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ và tiện ích mới, đặc biệt theo định hướng chuyển đổi số nhằm mang đến cho khách hàng những trải nghiệm vượt trội khi thực hiện giao dịch tại HSC. Bên cạnh đó, HSC cũng đã và đang rất tích cực ứng dụng công nghệ trong việc phục vụ khách hàng. Cụ thể, nhiều hội thảo chuyên đề và hội nghị khách hàng được chúng tôi tổ chức bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng/ nhà đầu tư trong và ngoài nước tham dự. Thông qua các sự kiện này, chúng tôi mong muốn cung cấp cho khách hàng/ nhà đầu tư HSC nhiều thông tin bổ ích để phục vụ cho việc ra quyết định đầu tư của họ.

Nhân viên

Nguồn nhân sự chất lượng cao đóng vai trò rất quan trọng trong mô hình kinh doanh và chiến lược phát triển bền vững của HSC. Do đó, nuôi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực từ lâu đã là một mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty. Trong năm 2022, HSC tiếp tục theo đuổi chiến lược này một cách nhất quán. Trong điều kiện kinh doanh gặp nhiều khó khăn và thách thức, HSC vẫn duy trì hoạt động ổn định và hiệu quả, đồng thời đảm bảo thu nhập và các phúc lợi cho toàn bộ tập thể nhân viên trong năm 2022. Hơn nữa, trong năm qua, Ban lãnh đạo HSC đã điều chỉnh toàn diện chính sách tiền lương và phúc lợi của công ty nhằm giữ chân và thu hút đội ngũ nhân sự chất lượng cao cũng như tăng tính cạnh tranh của HSC trên thị trường lao động. Điều này một lần nữa thể hiện cam kết của HSC trong việc thực hiện các giá trị cho người lao động (Employee Value Proposition – EVP) là - “Cuộc sống cân bằng và thịnh vượng”.

Cộng đồng

Với vị thế là một trong các doanh nghiệp đầu ngành, chúng tôi nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng nhà đầu tư và thị trường vốn Việt Nam. Bên cạnh đó, chúng tôi tin rằng sự phát triển của cộng đồng nhà đầu tư và thị trường vốn ở Việt Nam cũng là một thành tố quan trọng đóng góp cho sự thành công của HSC trong tương lai. Với nhận thức rõ ràng như vậy, đội ngũ HSC luôn tích cực tham gia và đóng góp vào các hoạt động phát triển ngành.

Cụ thể, HSC đã và đang là một thành viên có trách nhiệm và đóng góp tích cực vào hoạt động của các hiệp hội và tổ chức trong ngành chứng khoán nói riêng và trong lĩnh vực tài chính nói chung bao gồm Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB), Hiệp hội thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA), Câu lạc bộ CEO Việt Nam... Thông qua các tổ chức và hiệp hội này, chúng tôi có cơ hội hiểu sâu hơn về thực trạng của thị trường để từ đó đóng góp và đề xuất các sáng kiến thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường. Bên cạnh đó, với trách nhiệm và nỗ lực nâng cao nhận thức cộng đồng về tài chính, đặc biệt là tài chính cá nhân, HSC đã tài trợ phát sóng trực tiếp chương trình Tự do Tài chính – Money Talk trên các nền tảng của VTV. Đây là chương trình talkshow về tài chính cá nhân đầu tiên của Việt Nam và là sản phẩm đầu tiên trong hệ sinh thái các chương trình về tài chính của VTV Money.

Công ty kiểm toán

HSC cam kết luôn chọn một trong bốn công ty kiểm toán hàng đầu tại Việt Nam đã được UBCK chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm và các báo cáo tài chính soát xét.

Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam (PwC) là công ty kiểm toán năm thứ năm liên tiếp cho HSC với phí dịch vụ kiểm toán 1,056,000,000 Việt Nam Đồng (Một tỷ năm mươi sáu triệu đồng) để thực hiện các công việc kiểm toán được chỉ định trong năm 2022 như sau:

- » Soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ
- » Soát xét Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng giữa niên độ
- » Kiểm toán Báo cáo tài chính cuối năm
- » Kiểm toán Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng cuối năm
- » Kiểm toán đặc biệt thông tin tài chính của Công ty cuối năm theo chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS)

Ngoài ra, trong năm 2022 PwC còn phát hành các báo cáo khi Công ty hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 186/GCN-UBCK ngày 22/09/2021:

- » Báo cáo tình hình sử dụng vốn với phí dịch vụ là 346,500,000 Việt Nam Đồng (Ba trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).
- » Báo cáo sử dụng vốn với phí dịch vụ là 55,000,000 Việt Nam Đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

Các giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

Trong năm 2022, thành viên HĐQT, thành viên BDH và thành viên BKS không thực hiện giao dịch với công ty.

Giao dịch cổ phiếu, quyền mua HCM của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

Trong năm 2022, người nội bộ và người liên quan của người nội bộ HSC không thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua HCM thuộc trường hợp phải công bố thông tin.

Giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty

Trong năm 2022, HSC thực hiện giao dịch với các tổ chức có liên quan sau:

STT	Đối Tác	Quan Hệ Với Công Ty	Nội Dung (*)
01	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ	Giao dịch chứng chỉ quỹ E1VFN30, FUEVFN30, FUEDCMID được quản lý bởi DCVFM
02	Công ty Luật TNHH Tâm nhìn và Liên danh	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ	Cung cấp dịch vụ pháp lý

(*) Chi tiết được trình bày trong Báo cáo quản trị công ty năm 2022.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Năm 2022, BKS đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ HSC, Quy chế quản trị về tổ chức và hoạt động của BKS, góp phần cùng BDH HSC triển khai kế hoạch kinh doanh và các nội dung liên quan được ĐHCĐ thông qua. BKS bao gồm 3 thành viên, trong đó có 1 thành viên độc lập đồng thời là Trưởng BKS, với tư cách là đại diện cổ đông tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, và kiến nghị những thay đổi cần thiết trong các lĩnh vực quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp tại HSC. Trong năm 2022, hoạt động của BKS bao gồm:

- » Giám sát hoạt động của HĐQT năm 2022 và tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHCĐ năm 2021
- » Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2022
- » Giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2022

Giám sát hoạt động của HĐQT năm 2022 và tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHCĐ năm 2021

Trong năm 2022, HĐQT tổ chức 33 cuộc họp trong đó có 24 cuộc họp tập trung và 9 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Tại các cuộc họp, BKS đã nắm bắt tình hình hoạt động thực tế của HSC và đóng góp ý kiến cùng với HĐQT, BDH trong việc thúc đẩy các mục tiêu đã được phê duyệt vào ĐHCĐ năm 2021.

Các vấn đề trọng tâm được bàn bạc trong các cuộc họp HĐQT bao gồm:

- » Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cả năm 2021 và hàng quý trong năm 2022.
- » Thông qua toàn bộ các vấn đề liên quan đến việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2021.
- » Thống nhất trình dự thảo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS để ĐHCĐ năm 2021 thông qua.
- » Thông qua Chính sách Quản trị rủi ro/ Quy chế hoạt động của Ban Đầu tư/ Ban Tín dụng/ Ban Tài sản Nợ và Có và Quy chế Công bố thông tin.
- » Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2022 và Phương án sử dụng vốn trong từng mảng hoạt động và nhu cầu vốn trong các năm tới, đề xuất vay vốn tại ngân hàng.
- » Thông qua việc phát hành các chứng quyền trong năm 2022.
- » Thực hiện thủ tục đăng ký vốn điều lệ mới và Ghi nhận kết quả phát hành của đợt tăng vốn điều lệ năm 2021.
- » Thông qua nguyên tắc, hồ sơ và triển khai phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu/ phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2021/ phát hành ESOP cho cán bộ công nhân viên.
- » Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền.

Các ý kiến đóng góp của BKS với tư cách giám sát viên và đại diện của cổ đông đều được tôn trọng và cân nhắc trong các quyết định của HĐQT.

Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2022

Năm 2022, cùng các thành viên trong Tiểu ban Kiểm toán (TBKT) trực thuộc HĐQT, BKS đã tham dự hai buổi họp kết thúc niên độ năm tài chính 2021 và giữa niên độ năm 2022 với Kiểm toán độc lập của HSC - Công ty TNHH PwC (Việt Nam) để trao đổi về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán, và các vấn đề được nêu trong Thư quản lý. Theo đó, các hoạt động của HSC rõ ràng, minh bạch, không phát hiện những vi phạm nghiêm trọng nào về kế toán, tài chính, cũng như quy trình hoạt động.

Trong năm, PwC cung cấp các dịch vụ kiểm toán cho HSC như sau:

- » Báo cáo soát xét giữa năm và kiểm toán cuối năm 2022: phí dịch vụ là 1,056,000,000 đồng (Một tỷ năm mươi sáu triệu đồng đồng) (đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng).
- » Báo cáo kiểm toán tăng vốn và sử dụng vốn đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 186/GCN-UBCK ngày 22/09/2021: phí dịch vụ là 401,500,000 đồng (Bốn trăm lẻ một triệu năm trăm nghìn đồng) (đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng).
- » Ngoài các dịch vụ cung cấp nêu trên, PwC không cung cấp thêm bất kỳ dịch vụ tư vấn nào khác.

Ngoài ra, BKS đã tiến hành phân tích Báo cáo tài chính hàng quý/ cuối năm tài chính, Báo cáo soát xét tỷ lệ vốn khả dụng. Về mặt an toàn tài chính, HSC đạt tiêu chuẩn cao về tính thanh khoản và các tỷ lệ liên quan đến cơ cấu vốn. Tỷ lệ an toàn tài chính của HSC theo quy định của Bộ Tài Chính vào cuối tháng 12/2022 đạt 777% (tại ngày 31/12/2021 là 520%), cao hơn 4,3 lần so với yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ở mức 180%.

Về kết quả tài chính năm 2022

- » Doanh thu: HSC đạt 2,854 tỷ đồng trong năm 2022, giảm 15% so với năm 2021 và đạt 79% kế hoạch (kế hoạch: 3,592 tỷ đồng).
- » Lợi nhuận sau thuế: HSC ghi nhận 852 tỷ đồng trong năm 2022, giảm 26% so với năm 2021 và đạt 71% kế hoạch (kế hoạch: 1,201 tỷ đồng).

BKS ghi nhận mức giảm kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của HSC là phù hợp với những biến động của thị trường chứng khoán:

- » Hoạt động giao dịch và thanh khoản thị trường sụt giảm với giá trị giao dịch trung bình hằng ngày đạt khoản 20,164 tỷ đồng trong năm 2022 so với 26,654 tỷ đồng trong năm 2021 (tương đương giảm 24%).
- » Tâm lý thận trọng của Nhà đầu tư trước những đợt thanh tra trong thị trường chứng khoán nói riêng và các thị trường khác nói chung (như là thị trường bất động sản).
- » Những diễn biến vĩ mô toàn cầu bất ổn trong năm 2022 cũng như lo ngại về lãi suất và lạm phát gia tăng trong năm. BKS đánh giá HSC có một tình hình tài chính vững chắc, kết quả tài chính hoạt động hiệu quả. BKS đặc biệt đánh giá cao về định hướng và quyết định kinh doanh của BDH trong năm 2022. Theo đó, HSC không có bất kỳ hoạt động kinh doanh nào liên quan đến Trái phiếu doanh nghiệp. HSC không gánh chịu bất cứ hệ quả nào từ các ảnh hưởng tiêu cực về Trái phiếu doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2022. BDH HSC đã hết sức nỗ lực bảo vệ vốn và lợi ích của công ty và cổ đông.

Về kết quả kinh doanh theo từng mảng trong năm 2022

BKS ghi nhận hầu hết các mảng kinh doanh của HSC đều hoạt động ổn định và không phát sinh rủi ro trọng yếu. Cụ thể như sau:

- » Doanh thu phí môi giới đạt 882 tỷ đồng, giảm 509 tỷ đồng tương đương giảm 37% so với năm 2021 và chiếm 31% tổng doanh thu của HSC.
 - Trong đó: phí môi giới chứng khoán cơ sở đạt 814 tỷ đồng, giảm 39% và phí môi giới phái sinh đạt 67 tỷ đồng, tăng 13%.
- » Doanh thu từ các hoạt động cho vay ký quỹ đạt 1,273 tỷ đồng, tăng 95 tỷ đồng tương đương tăng 8% so với cùng kỳ và chiếm 45% tổng doanh thu của HSC.
 - Lãi suất cho vay ký quỹ trung bình tăng nhẹ 6% lên mức 10.7%/năm so với mức 10.1%/năm trong năm 2021 (bằng với mức 10.7%/năm trong năm 2020). Mức tăng lãi suất cho vay ký quỹ nằm trong kế hoạch kinh doanh năm 2022 của HSC.
 - Dư nợ cho vay ký quỹ của HSC tại cuối tháng 12/2022 đạt 7,379 tỷ đồng, giảm 6,311 tỷ đồng tương đương giảm 46% so với cuối năm 2021.
 - BKS nhận định rằng hoạt động của mảng cho vay ký quỹ duy trì ổn định trước các điều kiện thị trường biến động trong năm 2022. BKS cũng ghi nhận việc giảm dư nợ cho vay ký quỹ của HSC là hoàn toàn phù hợp với chính sách thận trọng trong hoạt động cho vay ký quỹ của BDH Công ty.
- » Doanh thu từ hoạt động đầu tư tự doanh đạt 623 tỷ đồng với tỷ suất sinh lời bình quân đạt 27%/năm, giảm 99 tỷ đồng tương đương giảm 14% so với năm 2021 và đóng góp 22% vào tổng doanh thu của HSC.
- » Doanh thu từ mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 54 tỷ đồng, tăng 7 tỷ đồng tương đương tăng 16% so với năm 2021.
 - Năm 2022, HSC ghi nhận nguồn doanh thu từ khoản phí tư vấn thành công các thương vụ ngành bất động sản, ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác.

BKS ghi nhận là cùng chiều với doanh thu, tổng chi phí hoạt động trong năm 2022 của HSC giảm 8% so với kế hoạch là phù hợp.

BKS đánh giá cao nỗ lực của BDH trong tình hình cạnh tranh về thị phần môi giới giữa các công ty chứng khoán, cũng như sự suy giảm và biến động lớn của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2022. Đặc biệt là hoạt động quản trị rủi ro cho vay ký quỹ của HSC được đánh giá là khá hiệu quả khi thanh khoản thị trường giảm mạnh. BKS ghi nhận BDH HSC đã có chiến lược đúng đắn, không chạy theo thị phần, không nới lỏng điều kiện cho vay mà chỉ tập trung ở nhóm cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí bền vững như tình hình tài chính lành mạnh, vốn hóa lớn, thanh khoản cao. Với chiến lược này, HSC đã tránh được các rủi ro nợ xấu khi thị trường có biến động lớn như năm 2022 vừa qua.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022 (tiếp theo)

Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2022 (tiếp theo)

Về các hoạt động liên quan đến khách hàng trong năm 2022

BKS đánh giá trong năm 2022, BDH HSC đã đẩy mạnh thực hiện các hoạt động lấy khách hàng là trọng tâm làm mục tiêu cho các khối kinh doanh như sau:

- » Tiếp tục cập nhật nền tảng số giao dịch myHSC thêm nhiều tính năng và tăng nhiều tiện ích dành cho khách hàng từ ngày 15/08/2022.
- » Khối Khách hàng Cá nhân đã thành công xây dựng phân khúc khách hàng cho khối, theo đó các hoạt động dành cho khách hàng cá nhân được đẩy mạnh:
 - Triển khai các chính sách kinh doanh mới và phù hợp ngay trong năm.
 - Xây dựng phương thức phục vụ thông tin tư vấn và nhận định thị trường dành cho khách hàng.
 - Định kỳ hằng tháng, tổ chức chuỗi sự kiện C2C với sự tham gia của khách hàng và một số doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.
 - Xây dựng kênh Digital MKT tiếp cận khách hàng mục tiêu.
- » Khối Khách hàng Tổ chức:
 - Tổ chức diễn đàn Emerging Việt Nam vào tháng 6/2022.
 - Tổ chức họp trực tuyến hằng quý/năm 2022 cập nhật kết quả kinh doanh của một số doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.

BKS ghi nhận nỗ lực của BDH HSC đối với nhiệm vụ tìm kiếm phát triển mới khách hàng, đồng thời giữ ổn định lượng khách hàng trong điều kiện thị trường gặp nhiều bất lợi như năm 2022.

Về hoạt động tuân thủ các quy định hiện hành

BKS được thông báo là ngày 13/12/2022, HSC đã nhận Quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán do công bố thông tin không đúng hạn số 441/QĐ-XPVPHC đề ngày 01/12/2022.

BKS ghi nhận BDH HSC đã ngay lập tức tiến hành các kế hoạch hành động:

- » Ngày 13/12/2022, HSC đã nộp phạt số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) vào Kho bạc Nhà nước Hà Nội theo Quyết định xử phạt nêu trên.
- » Cập nhật quy chế về công bố thông tin ("CBTT") trình HĐQT thông qua ngày 27/10/2022.

BKS kiến nghị BDH Công ty tiếp tục cập nhật quy trình/ hướng dẫn về CBTT theo quy chế đã được HĐQT phê duyệt nhằm đảm bảo hoạt động CBTT tuân thủ theo tinh thần thượng tôn pháp luật của HSC.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021
1	Tỷ lệ an toàn tài chính	648%	520%
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
a	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	2.0	1.4
b	Hệ số Nợ so với Tổng tài sản (lần)	0.5	0.7
3	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
a	Hệ số vốn chủ sở hữu so với Tổng nguồn vốn (lần)	0.5	0.3
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
a	ROAE (Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	11.2%	23.8%
b	ROAA (Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	4.3%	6.2%

Giám sát hoạt động Kiểm toán nội bộ năm 2022

Đối với riêng hoạt động Kiểm toán nội bộ (KTNB), BKS đặt ra các yêu cầu về việc xây dựng kế hoạch kiểm toán cho giai đoạn 2023-2025 và trình HĐQT xem xét và phê duyệt. Theo đó, kế hoạch kiểm toán giai đoạn 3 năm sẽ tập trung chủ yếu vào 5 lĩnh vực trọng tâm là:

- » Quy trình và chính sách hoạt động được thiết kế và vận hành theo những thay đổi về pháp luật và quy định
- » An ninh mạng và bảo mật dữ liệu
- » Quản trị công ty và số hóa hệ thống báo cáo cấp công ty
- » Rủi ro tài chính, thanh khoản và mất khả năng thanh toán
- » Tính liên tục trong kinh doanh, quản trị rủi ro khủng hoảng và ứng phó với khủng hoảng

BKS ghi nhận Kế hoạch kiểm toán trung hạn này đã được TBKT trực thuộc HĐQT phê duyệt và bắt đầu các hoạt động kiểm toán theo kế hoạch từ thời điểm năm 2023.

BKS ghi nhận trong năm 2022, bộ phận KTNB đã tiến hành các hoạt động kiểm tra để đánh giá tính tuân thủ và công tác quản trị rủi ro của nhiều hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, bộ phận KTNB cũng đã chủ động tư vấn cho nhiều phòng ban trong công ty về việc thực hiện các kiến nghị của KTNB trong các đợt kiểm toán trước đây. Hoạt động và kết quả kiểm toán trong năm 2022 đã được báo cáo chi tiết lên TBKT. Theo đó, kết luận của kiểm toán nội bộ là:

- » Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty đã được thiết lập và vận hành hiệu quả và có đủ khả năng phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của Công ty.
- » Các quy trình quản trị và quản lý rủi ro hiện nay của Công ty được thiết kế chặt chẽ và có tính hiệu quả cao.

BKS khuyến nghị KTNB cần có góc nhìn đổi mới liên tục trong quá trình thực hiện các dự án kiểm toán được phê duyệt. KTNB nên có góc nhìn vượt ra bên ngoài phạm vi của từng dự án kiểm toán để xác định và ghi nhận các xu hướng xuất hiện trong các quy trình và cơ hội cải tiến quy trình kinh doanh cho HSC.

Thù lao của Ban Kiểm Soát trong năm 2022

Tổng thù lao của BKS năm 2022 là 1,146,666,667 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) (đã bao gồm Thuế thu nhập cá nhân).

Kế hoạch của Ban Kiểm Soát năm 2023

Trong năm 2023, BKS tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ được ĐHCĐ giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích tối đa của Công ty như sau:

STT	Kế hoạch công việc
1	Giám sát hoạt động của HĐQT năm 2023 và tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHCĐ năm 2022
2	Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của HSC năm 2023
3	Giám sát hoạt động của KTNB năm 2023

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số 4103001573 ngày 23 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Giấy phép thành lập và hoạt động	Số 11/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 4 năm 2003 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 125/GPĐC-UBCK được cấp ngày 27 tháng 12 năm 2022.	
Hội đồng Quản trị	Ông Johan Nyvene	Chủ tịch
	Ông Lê Anh Minh	Phó chủ tịch
	Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên
	Ông Nguyễn Hồng Văn	Thành viên
	Ông Trần Quốc Tú	Thành viên
	Ông Andrew Colin Vallis	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên
Ban kiểm soát	Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Trưởng ban
	Bà Đặng Nguyệt Minh	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thu Thanh	Thành viên
Ban Điều hành	Ông Trịnh Hoài Giang	Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật	Ông Trịnh Hoài Giang	
Trụ sở chính	Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB Số 76A Đường Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Chi nhánh	Tầng 1 và 2, Tòa Nhà CornerStone, Số 16 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	
Phòng giao dịch	Tầng 3A và 7, Tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng, Số 23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

Những lá thông non vươn mình trong nắng sớm sau cơn bão lớn.

Vượt qua những biến động, với những lợi thế cạnh tranh vững chắc về sản phẩm, đội ngũ nhân sự, công nghệ và nguồn vốn, HSC tự tin có thể đón đầu xu hướng phát triển của thị trường và tiếp tục tối ưu hóa lợi ích cho cổ đông.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- » Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- » Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- » Lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 97. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều hành



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022, và được Ban Điều hành của Công ty phê chuẩn ngày 22 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 97.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Thị Thanh Trúc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3047-2019-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM13111
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Đoàn Trần Phương Thảo
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4701-2019-006-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 – CTCK

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	TẠI NGÀY	
			31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
TÀI SẢN				
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		15,262,466,982,681	24,186,710,802,908
110	Tài sản tài chính		15,196,106,202,469	24,114,470,306,909
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	5,640,650,158,821	7,198,511,987,873
111,1	Tiền		5,640,650,158,821	7,198,511,987,873
112	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	3.2	1,424,495,705,829	2,371,663,569,220
114	Các khoản cho vay	3.3	7,378,982,938,005	13,690,097,115,046
118	Trả trước cho người bán		6,823,098,704	14,378,716,021
119	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.4	580,568,943,700	639,323,864,073
122	Các khoản phải thu khác	3.4	164,585,357,410	200,495,054,676
130	Tài sản ngắn hạn khác		66,360,780,212	72,240,495,999
131	Tạm ứng		794,883,916	727,974,286
133	Chi phí trả trước ngắn hạn	3.7(a)	19,308,153,346	9,816,990,763
134	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		176,900,000	395,450,000
137	Tài sản ngắn hạn khác		46,080,842,950	61,300,080,950
137,1	Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh	3.5	46,080,842,950	61,300,080,950
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		184,488,062,533	182,392,337,809
220	Tài sản cố định		58,275,475,559	40,005,113,583
221	Tài sản cố định hữu hình	3.6(a)	48,833,023,729	28,190,853,273
222	Nguyên giá		157,362,602,910	119,732,244,928
223a	Giá trị khấu hao lũy kế		(108,529,579,181)	(91,541,391,655)
227	Tài sản cố định vô hình	3.6(b)	9,442,451,830	11,814,260,310
228	Nguyên giá		89,320,899,084	85,006,277,084
229a	Giá trị khấu hao lũy kế		(79,878,447,254)	(73,192,016,774)
240	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.6(c)	-	8,483,996,599
250	Tài sản dài hạn khác		126,212,586,974	133,903,227,627
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		10,474,004,062	8,850,543,262
252	Chi phí trả trước dài hạn	3.7(b)	83,495,337,912	93,072,701,865
253	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	3.15	2,243,245,000	1,979,982,500
254	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.8	20,000,000,000	20,000,000,000
255	Tài sản dài hạn khác		10,000,000,000	10,000,000,000
255,1	Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh	3.9	10,000,000,000	10,000,000,000
270	TỔNG TÀI SẢN		15,446,955,045,214	24,369,103,140,717

Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 97 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	TẠI NGÀY	
			31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		7,555,122,708,990	17,043,850,217,927
310	Nợ phải trả ngắn hạn		7,555,122,708,990	17,043,850,217,927
311	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		6,938,057,640,000	15,039,870,130,242
312	Vay ngắn hạn	3.10	6,938,057,640,000	15,039,870,130,242
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.11	46,315,877,007	1,461,564,263,853
320	Phải trả người bán ngắn hạn		7,079,654,815	1,551,194,104
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.12	77,473,019,194	118,960,709,302
324	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		6,746,624,294	6,137,000,317
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.13	188,422,944,100	194,292,714,722
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.14	250,047,320,274	195,643,770,048
331	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		40,979,629,306	25,830,435,339
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		7,891,832,336,224	7,325,252,922,790
410	Vốn chủ sở hữu		7,891,832,336,224	7,325,252,922,790
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5,535,583,100,992	5,535,583,100,992
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu	3.16, 7.1	4,580,523,670,000	4,580,523,670,000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4,580,523,670,000	4,580,523,670,000
411.2	Thặng dư vốn cổ phần		967,536,880,000	967,536,880,000
411.5	Cổ phiếu quỹ		(12,477,449,008)	(12,477,449,008)
414	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		277,696,843,214	277,696,843,214
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		277,696,843,214	277,696,843,214
416	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3,961,374,994	3,961,374,994
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.17	1,796,894,173,810	1,230,314,760,376
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		1,783,167,200,002	1,133,223,368,908
417.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		13,726,973,808	97,091,391,468
440	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		15,446,955,045,214	24,369,103,140,717

Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 97 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 – CTCK

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	TẠI NGÀY	
			31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
A	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
			Theo giá trị (VND)	
004	Nợ khó đòi đã xử lý		39,928,851,148	39,928,851,148
			Theo nguyên tệ	
005	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ		2,050.14	1,933.03
	Yên Nhật		241,915	241,915
	Đô la Singapore		844	844
	Bàng Anh		12,641.66	6,654.01
	Đô la Đài Loan		3,200	3,200
	Đô la Canada		100	100
	Ringgit Malaysia		750	750
			Theo số lượng	
006	Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	4.2(a)	457,211,949	457,211,949
007	Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	4.2(b)	840,418	840,418
			Theo mệnh giá (VND)	
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của công ty chứng khoán		1,428,460,460,000	1,534,001,710,000
	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		408,460,460,000	334,001,710,000
	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		1,020,000,000,000	1,200,000,000,000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		423,381,500,000	3,150,750,000
	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		423,381,500,000	3,150,750,000
010	Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán		158,247,490,000	38,050,920,000
	Tài sản tài chính chờ thanh toán		158,247,490,000	38,050,920,000
			Theo số lượng	
014	Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành	4.3	270,920,500	125,119,700

Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 97 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B01 – CTCK

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	TẠI NGÀY	
			31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
			Theo giá trị (VND)	
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư		32,775,352,660,320	29,233,137,338,247
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		30,046,846,107,000	26,729,328,284,000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		63,275,910,000	77,797,610,000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		1,853,864,070,000	1,367,875,900,000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		102,322,250,000	102,406,820,000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		359,531,281,000	665,069,237,000
021.7	Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư		349,513,042,320	290,659,487,247
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư		112,394,200,000	90,528,440,000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		26,410,320,000	43,018,500,000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		85,983,880,000	47,509,940,000
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư		356,499,962,000	752,891,009,000
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của nhà đầu tư		5,500,000,000	5,500,000,000
026	Tiền gửi của khách hàng		2,011,394,444,803	2,567,360,017,939
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1,661,881,402,483	2,276,700,530,692
027.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD		349,513,042,320	290,659,487,247
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1,661,881,402,483	2,276,700,530,692
031.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1,659,232,766,064	2,250,847,001,197
031.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2,648,636,419	25,853,529,495


Lê Thị Thùy Dương
Người lập


Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng


Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mẫu số B02 – CTCK

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	TẠI NGÀY	
			31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
	DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
1	Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL		1,673,769,166,596	1,816,405,892,159
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	1,329,305,033,052	1,512,892,400,808
01.2	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	(13,745,393,136)	(94,368,025,555)
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	5.3	454,313,414,603	302,261,585,535
01.4	Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2	(96,103,887,923)	95,619,931,371
3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		1,273,381,029,024	1,178,676,110,277
6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		881,714,329,917	1,390,496,531,451
7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	5,500,000,000
9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		9,326,084,675	8,575,387,729
10	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính		53,809,594,152	41,050,757,392
11	Thu nhập hoạt động khác		9,444,588,666	19,408,158,804
20	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG		3,901,444,793,030	4,460,112,837,812
	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		(1,050,570,428,618)	(1,094,396,956,075)
21.1	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	(1,077,055,292,017)	(1,162,590,730,033)
21.2	Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	21,571,497,129	2,361,682,301
21.4	Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2	4,913,366,270	65,832,091,657
24	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	5.4	(750,725,049,674)	(747,190,551,120)
26	Chi phí hoạt động tự doanh	5.5	(72,102,674,942)	(91,924,223,288)
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.5	(572,805,427,628)	(766,756,414,595)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.5	(9,798,386,787)	(8,909,326,503)
31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	5.5	(26,093,851,921)	(21,786,770,977)
32	Chi phí các dịch vụ khác	5.5	(4,124,185,703)	(4,456,527,541)
40	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(2,486,220,005,273)	(2,735,420,770,099)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Mẫu số B02 – CTCK

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	TẠI NGÀY	
			31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		2,935,810,645	2,367,957,861
50	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		2,935,810,645	2,367,957,861
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	5.6	(350,767,604,201)	(296,812,554,290)
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1,067,392,994,201	1,430,247,471,284
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	Thu nhập khác		413,145,454	87,846,363
80	TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC		413,145,454	87,846,363
90	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1,067,806,139,655	1,430,335,317,647
91	Lợi nhuận đã thực hiện		1,151,170,557,315	1,360,889,637,873
92	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(83,364,417,660)	69,445,679,774
100	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	5.7	(215,318,263,721)	(283,272,936,560)
100.1	Chi phí thuế TNDN - hiện hành		(215,581,526,221)	(283,892,919,060)
100.2	Thu nhập thuế TNDN - hoãn lại		263,262,500	619,982,500
200	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		852,487,875,934	1,147,062,381,087
500 THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	5.8	1,865	3,500
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	5.8	1,865	3,500

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Mẫu số B03b – CTCK

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
			31.12.2022 (VND)	31.12.2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		1,067,806,139,655	1,430,335,317,647
02	Điều chỉnh cho các khoản:		612,711,086,893	573,274,232,416
03	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		25,935,323,604	24,220,188,553
06	Chi phí lãi vay	5.4	750,725,049,674	747,190,551,120
07	Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		(409,090,909)	-
08	Dự thu tiền lãi	3.4	(163,540,195,476)	(198,136,507,257)
10	Giảm các chi phí phi tiền tệ		(26,484,863,399)	(68,193,773,958)
11	Chênh lệch giảm về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch tăng về đánh giá lại phải trả chứng quyền		(26,484,863,399)	(68,193,773,958)
18	Giảm/(tăng) các doanh thu phi tiền tệ		109,849,281,059	(1,251,905,816)
19	Chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch giảm về đánh giá lại phải trả chứng quyền		109,849,281,059	(1,251,905,816)
30	Tổng thay đổi vốn lưu động		4,967,859,375,728	(5,004,635,685,459)
31	Giảm tài sản tài chính FVTPL		954,993,967,384	597,554,687,649
33	Giảm/(tăng) các khoản cho vay		6,311,114,177,041	(5,104,038,901,389)
37	Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		58,754,920,373	(446,100,342,286)
39	Giảm các khoản phải thu khác		199,382,983,112	60,102,994,005
41	(Tăng)/giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(22,405,086,444)	69,161,618,019
42	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		86,201,370	(172,806,825)
43	Thuế TNDN đã nộp	3.12	(237,357,472,933)	(263,260,811,150)
44	Lãi vay đã trả		(734,237,733,852)	(737,074,898,018)
45	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		13,084,078,028	(10,018,998,550)
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		609,623,977	1,367,049,217
47	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(19,752,652,487)	31,314,971,469
50	(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác (bao gồm phải trả chứng quyền)		(1,570,227,957,041)	678,016,384,792
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15,219,238,000	118,513,367,608
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1,404,910,800)	-
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6,731,741,019,936	(3,070,471,815,170)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(35,721,688,981)	(25,488,308,479)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		450,000,000	-
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(35,271,688,981)	(25,488,308,479)

Lê Thị Thùy Dương
Người lập

Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính
kiểm Kế toán trưởng

Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP) (tiếp theo)

Mẫu số B03b – CTCK

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
			31.12.2022 (VND)	31.12.2021 VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	7.1	-	2,130,291,856,000
73.2	Tiền vay khác	3.10	74,341,648,152,273	127,794,031,447,296
74.3	Tiền chi trả nợ gốc vay khác	3.10	(82,443,460,642,515)	(119,470,732,378,134)
76	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	3.14	(152,518,669,765)	(365,979,678,387)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8,254,331,160,007)	10,087,611,246,775
90	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		(1,557,861,829,052)	6,991,651,123,126
101	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		7,198,511,987,873	206,860,864,747
101.1	Tiền	3.1	7,198,511,987,873	206,860,864,747
103	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		5,640,650,158,821	7,198,511,987,873
103.1	Tiền	3.1	5,640,650,158,821	7,198,511,987,873

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP) (tiếp theo)

Mẫu số B03b – CTCK

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
			31.12.2022 (VND)	31.12.2021 VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		174,546,456,508,252	296,767,448,913,962
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(174,815,005,368,260)	(295,884,250,997,606)
08	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(336,944,183,526)	(698,283,353,909)
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(9,326,084,675)	(8,575,387,729)
20	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		(614,819,128,209)	176,339,174,718
30	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		2,276,700,530,692	2,100,361,355,974
31	Tiền gửi ngân hàng		2,276,700,530,692	2,100,361,355,974
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2,276,700,530,692	2,100,361,355,974
40	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		1,661,881,402,483	2,276,700,530,692
41	Tiền gửi ngân hàng		1,661,881,402,483	2,276,700,530,692
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1,661,881,402,483	2,276,700,530,692

Lê Thị Thùy Dương
Người lập

Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG
VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Mẫu số B04 – CTCK

Chi tiêu	Tại ngày		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		Tại ngày	
	1.1.2021 (VND)	1.1.2022 (VND)	Tăng (VND)	Giảm (VND)	Tăng (VND)	Giảm (VND)	31.12.2021 (VND)	31.12.2022 (VND)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3,405,291,244,992	5,535,583,100,992	2,130,291,856,000	-	-	-	5,535,583,100,992	5,535,583,100,992
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	3,058,822,630,000	4,580,523,670,000	1,521,701,040,000	-	-	-	4,580,523,670,000	4,580,523,670,000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	358,946,064,000	967,536,880,000	608,590,816,000	-	-	-	967,536,880,000	967,536,880,000
1.3 Cổ phiếu quỹ	(12,477,449,008)	(12,477,449,008)	-	-	-	-	(12,477,449,008)	(12,477,449,008)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	177,907,588,627	277,696,843,214	99,789,254,587	-	-	-	277,696,843,214	277,696,843,214
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	177,907,588,627	277,696,843,214	99,789,254,587	-	-	-	277,696,843,214	277,696,843,214
4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3,961,374,994	3,961,374,994	-	-	-	-	3,961,374,994	3,961,374,994
5. Lợi nhuận chưa phân phối	675,286,734,145	1,230,314,760,376	1,147,062,381,087	(592,034,354,856)	852,487,875,934	(285,908,462,500)	1,230,314,760,376	1,796,894,173,810
5.1 Lợi nhuận đã thực hiện	647,641,022,448	1,133,223,368,908	1,077,616,701,313	(592,034,354,856)	935,852,293,594	(285,908,462,500)	1,133,223,368,905	1,783,167,200,002
5.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	27,645,711,697	97,091,391,468	69,445,679,774	-	(83,364,417,660)	-	97,091,391,471	13,726,973,808
Tổng cộng	4,440,354,531,385	7,325,252,922,790	3,476,932,746,261	(592,034,354,856)	852,487,875,934	(285,908,462,500)	7,325,252,922,790	7,891,832,336,224

Lê Thị Thùy Dương
Người lập

Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Thành lập và niêm yết

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 4 năm 2003 và Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNN”) cấp ngày 29 tháng 4 năm 2003. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 125/GPĐC-UBCK được cấp ngày 27 tháng 12 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 27/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 4 năm 2009 với mã chứng khoán là HCM.

Trụ sở chính và thông tin liên hệ

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB, Số 76A Đường Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thông tin liên hệ:
Email: info@hsc.com.vn
Điện thoại: (+84 28) 3823 3299

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động mới nhất của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và có hiệu lực từ ngày 8 tháng 8 năm 2022.

Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 658 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 635 nhân viên).

Quy mô vốn

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (“ngày báo cáo”) (VND)
Vốn điều lệ của Công ty	4,580,523,670,000
Tổng vốn chủ sở hữu	7,891,832,336,224
Tổng tài sản	15,446,955,045,214

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Là một công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Công ty hoạt động với mục tiêu đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty. Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

Cấu trúc của Công ty và lĩnh vực kinh doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 1 chi nhánh và 1 phòng giao dịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm 2022, lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm 26% so với năm 2021 do các nguyên nhân chính yếu như sau:

- Doanh thu môi giới chứng khoán năm 2022 giảm 37% so với năm trước chủ yếu do giá trị giao dịch cổ phiếu toàn thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2022 giảm hơn 17%, phần còn lại do phí môi giới trung bình của Công ty giảm đi so với cùng kỳ năm 2021 với áp lực cạnh tranh của các công ty cùng ngành;
- Doanh thu cho vay ký quỹ năm 2022 tăng 8% so với năm 2021 do công ty tăng hạn mức cho vay cao hơn nhờ vào việc tăng vốn chủ sở hữu trong năm 2022;
- Thu nhập tự doanh (bao gồm lãi bán chứng khoán, tiền lãi và cổ tức nhận được, và kết quả thuần từ đánh giá lại tài sản tài chính cuối năm) giảm 14% qua hai năm chủ yếu do tình hình thị trường biến động không thuận lợi cho việc đầu tư;
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính trong năm 2022 tăng 31% so với năm 2021 do công ty có các thương vụ hoàn tất nhiều hơn
- Chi phí hoạt động, loại trừ lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL và chi phí lãi vay của năm 2022 giảm 23% so với năm 2021 chủ yếu do chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán giảm tương ứng với mức giảm của khoản doanh thu môi giới chứng khoán;
- Chi phí quản lý của năm 2022 tăng 18% so với năm 2021 do có sự điều chỉnh trong cơ cấu các bộ phận hỗ trợ phù hợp với sự vận hành và phát triển Công ty.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210/2014/TT-BTC”), Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334/2016/TT-BTC”), Công văn 6190/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 5 năm 2017 (“Công văn 6190/BTC-CĐKT”) và Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 23/2018/TT-BTC”) do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) và tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

2.2 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu và việc trình bày các nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính bao gồm:

- Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của các tài sản tài chính (Thuyết minh 2.7 và Thuyết minh 3.2);
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (Thuyết minh 2.7 và Thuyết minh 3.3).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Điều hành đánh giá là hợp lý.

2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.4 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo, ngoại trừ các khoản vay và nợ phải trả mà Công ty đã sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái, lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày báo cáo. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày báo cáo được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển của Công ty, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

2.7 Tài sản tài chính

(a) Phân loại và đo lường

(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Ban Điều hành xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Nó là một công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, một tài sản tài chính được xác định là tài sản tài chính FVTPL nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự "không thống nhất kế toán") mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực Kế toán – Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, cổ đông lớn của Công ty.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị trường). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính

(a) Phân loại và đo lường

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định; và
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (“AFS”); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:

- (i) Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
- (ii) Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

(iii) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong năm báo cáo, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ.
- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch và/hoặc ngày liền kề sau đó. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (2) ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

Các tài sản tài chính AFS bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay hay phải thu.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính

(a) Phân loại và đo lường

(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) (tiếp theo)

Tại ngày báo cáo, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo quy định của Chuẩn mực Kế toán về ghi nhận doanh thu.

Tại ngày báo cáo, các tài sản tài chính AFS được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị.

Đối với các công cụ nợ, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị được xác định tương tự các tài sản tài chính HTM.

Đối với các công cụ vốn, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Những thay đổi đáng kể có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của tổ chức phát hành do những thay đổi về công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc môi trường pháp lý cho thấy khả năng không thể thu hồi lại giá gốc của công cụ vốn;
- Sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài về giá trị của một khoản đầu tư vào công cụ vốn xuống dưới giá gốc.

Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của tài sản tài chính AFS tại ngày báo cáo.

Lỗ suy giảm giá trị của tài sản tài chính AFS được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có). Khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là một bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dừng ghi nhận.

(b) Phân loại lại

(i) Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(ii) Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”) không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) và phải được định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(c) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày giao dịch – là ngày Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính.

Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba, nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

(d) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0)..

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính

(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán ("Thông tư 91/2020/TT-BTC") để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

(i) Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM")

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo.

(ii) Cổ phiếu khác

Các cổ phiếu khác được đánh giá lại dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày báo cáo.

(iii) Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá niêm yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo cộng lãi lũy kế. Các trái phiếu không có giao dịch trong nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày báo cáo sẽ được trình bày theo giá mua cộng lãi lũy kế.

(iv) Trái phiếu không niêm yết

Trái phiếu chưa niêm yết được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.

(v) Chứng chỉ quỹ mở/quỹ hoán đổi danh mục ("ETF")

Các chứng chỉ quỹ mở/quỹ ETF được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng trên một (1) chứng chỉ quỹ tại kỳ báo cáo gần nhất tính đến ngày báo cáo.

(vi) Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi

Các chứng khoán này được định giá dựa trên giá trị sổ sách tại ngày báo cáo gần nhất.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không thuộc các nhóm nêu trên sẽ được dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày báo cáo.

(f) Hạch toán lãi/(lỗ)

Chi phí mua

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính FVTPL được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá gốc của tài sản.

Chi phí bán

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phát sinh trong năm được hạch toán tăng/(giảm) chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.9 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Đối với các cam kết quá hạn, Công ty xem xét trích lập dự phòng suy giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

2.10 Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn trong Công văn 6190/BTC-CĐKT, cụ thể như sau:

Giao dịch tự doanh

Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” trên báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán đem ký quỹ để giao dịch chứng khoán phái sinh không bị dừng ghi nhận mà được theo dõi trên tài khoản chi tiết của cùng loại tài sản tài chính và thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Lãi (hoặc lỗ) vị thế của hợp đồng tương lai được xác định và thanh toán hàng ngày dựa trên giá thanh toán cuối ngày hạch toán trừ đi giá thanh toán cuối ngày giao dịch gần nhất. Lãi (hoặc lỗ) vị thế được ghi nhận vào thu nhập (hoặc chi phí) đã thực hiện trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu “Lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL”.

Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền gửi ký quỹ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu “Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định”.

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu “Tài sản dài hạn khác” trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu “Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán”.

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính ở chỉ tiêu “Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư” và “Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD”.

2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao và hao mòn

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 4 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình hình thành nhằm phục vụ công việc kinh doanh hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là TSCĐ theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến bốn mươi (40) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

2.14 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

2.15 Nợ phải trả

(a) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

(b) Phân loại

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào loại nghiệp vụ phát sinh bao gồm:

- Nợ vay;
- Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Phải trả chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành;
- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Công ty hoặc là các hợp đồng có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tài chính trong trường hợp Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần, hoặc để cùng lúc thanh toán một tài sản và một khoản nợ phải trả.

2.17 Các khoản vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và bên thứ ba. Các khoản vay được trình bày theo giá gốc tại ngày báo cáo.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày báo cáo.

2.18 Chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. Công ty chứng khoán phát hành chứng quyền phải ký quỹ tiền, tài sản tài chính hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán với người sở hữu chứng quyền.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo hướng dẫn trong Thông tư 23/2018/TT-BTC, cụ thể như sau:

Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, số tiền thu được hạch toán tăng phải trả chứng quyền.

Khi Công ty mua lại chứng quyền đã phát hành trong vai trò tạo lập thị trường, hoặc khi chứng quyền bị hủy niêm yết và Công ty phải thu hồi, chênh lệch dương (hoặc âm) giữa giá mua lại và giá trị ghi sổ của chứng quyền được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí trong năm phát sinh. Tiền bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư và tiền phạt trả chậm tiền cho nhà đầu tư được ghi nhận vào chi phí khác.

Cuối năm, chứng quyền có bảo đảm được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch tăng (hoặc giảm) đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi (hoặc lỗ) tại ngày đáo hạn chứng quyền được hạch toán vào lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động.

Số lượng chứng quyền được phép phát hành, số lượng đã phát hành và mua lại được hạch toán và theo dõi trong tài khoản ngoại bảng. Số lượng chứng quyền được phép phát hành nhưng chưa lưu hành tại ngày báo cáo được trình bày trong các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền được theo dõi trong tài khoản riêng và được đánh giá lại cuối năm. Kết quả đánh giá lại được hạch toán tương tự như tài sản tài chính hoặc tài sản tài chính AFS.

Giao dịch tự doanh chứng quyền

Khi Công ty mua các chứng quyền của tổ chức khác phát hành để đầu tư thì Công ty hạch toán tương tự với tài sản tài chính FVTPL.

2.19 Thuế thu nhập của nhà đầu tư

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0,1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư. Công ty sẽ kê khai và nộp thuế cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch bán mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

2.21 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

2.22 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày báo cáo.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.23 Vốn chủ sở hữu

(a) Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ tại ngày báo cáo. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc huỷ các công cụ vốn chủ sở hữu của chính Công ty.

- Cổ phiếu quỹ mua lại trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán 2019 (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và có thể được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được huỷ bỏ và điều chỉnh giảm vốn điều lệ theo quy định. Công ty không có giao dịch mua lại cổ phiếu quỹ sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 tính đến ngày phát hành báo cáo này.

(b) Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý.

(c) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 chính thức có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.

- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022:

- Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, công ty chứng khoán phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN cho mỗi quỹ vào mỗi năm có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ.
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

(d) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

(e) Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế TNDN của Công ty tại ngày báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kể đến ngày báo cáo.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện của năm báo cáo là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm báo cáo là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

2.24 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính khi cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông hoặc khi Hội đồng Quản trị công bố quyết định trả cổ tức giữa kỳ phù hợp với Điều lệ công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN. Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022 (ngày Thông tư 114/2021/TT-BTC có hiệu lực), cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

2.25 Tài sản của khách hàng và nợ phải trả khách hàng

Tài sản của khách hàng và nợ phải trả khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

2.26 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn đầu tư tài chính, phí lưu ký chứng khoán và hoạt động ủy thác đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày báo cáo nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

(b) Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính

Thu nhập từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

(c) Thu nhập trên vốn kinh doanh

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận theo phương pháp dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(d) Thu nhập từ các nghiệp vụ mua lại và bán lại chứng khoán

Thu nhập từ các nghiệp vụ mua lại và bán lại chứng khoán được ghi nhận theo thời hạn của hợp đồng mua lại và bán lại chứng khoán.

(e) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập không thường xuyên phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu và thu nhập nêu trên.

2.27 Chi phí

(a) Ghi nhận

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

(b) Phân loại

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- Chi phí hoạt động;
- Chi phí tài chính;
- Chi phí quản lý; và
- Chi phí khác.

2.28 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh những khoản doanh thu từ hoạt động đầu tư phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng.

2.29 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay.

Công ty thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với những khoản vay có gốc ngoại tệ thông qua việc ký kết các hợp đồng ngoại tệ kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi ngoại tệ với các ngân hàng thương mại trong nước. Chi phí phòng ngừa rủi ro tỷ giá phát sinh từ những hợp đồng này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng và ghi nhận vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.30 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty.

2.31 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

2.32 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ với từng bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.33 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào giao dịch chứng khoán và cung cấp dịch vụ (bộ phận chia theo hoạt động), hoặc giao dịch chứng khoán và cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo hoạt động.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2.34 Số liệu bằng không

Các khoản mục được quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC, Công văn 6190/BTC-CDKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này được hiểu là có số liệu bằng không.

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	720,581,310	389,670,976
Tiền gửi ngân hàng	5,330,529,577,511	6,928,122,316,897
Trong đó:		
Tiền vốn góp chưa được sử dụng (*)	-	459,162,760,000
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền (**)	309,400,000,000	270,000,000,000
Tổng cộng	5,640,650,158,821	7,198,511,987,873

(*) Ngày 19 tháng 1 năm 2022, UBCKNN có Công văn số 376/UBCK-QLKD yêu cầu Công ty chưa được sử dụng phần vốn góp của HFIC liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua hoàn thành ngày 16 tháng 12 năm 2021 cho đến khi có thông báo tiếp theo.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, theo Giấy phép điều chỉnh số 125/GPĐC-UBCK nhận cùng ngày, khoản tiền góp vốn của HFIC đã được chấm dứt phong tỏa và Công ty được toàn quyền sử dụng.

(**) Đây là tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký nhằm đảm bảo thanh toán cho chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành. Tiền gửi này được phong tỏa trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền và duy trì tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết theo quy định tại Thông tư 107/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2016.

3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Mã chứng khoán	31.12.2022		31.12.2021	
	Giá gốc (VND)	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý (VND)
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	171,030,969,919	168,805,064,625	229,331,627,871	220,305,806,086
Công ty Cổ phần FPT	21,712,949,453	21,669,343,400	11,753,202,625	11,586,126,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	15,598,946,303	15,037,136,400	12,065,569,706	12,225,292,200
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	15,243,544,207	16,127,430,700	3,085,144,486	3,165,364,800
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	12,896,826,886	12,342,341,000	17,058,487,918	17,176,650,000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	10,978,406,753	10,967,884,900	15,342,824,645	15,627,881,400
Ngân hàng TMCP Á Châu	9,943,986,599	9,639,832,500	11,738,240,141	12,027,321,000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	9,071,209,468	8,803,746,900	9,096,125,279	9,239,012,100
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	7,048,175,062	6,889,168,000	314,182,164	311,571,900
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup	5,978,657,044	5,752,457,400	15,553,419,280	15,194,887,800
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	5,782,860,715	5,711,739,000	6,328,790,064	6,502,885,500
Công ty Cổ phần Vinhomes	5,629,097,943	5,569,680,000	12,935,770,237	12,756,576,000
Cổ phiếu khác	51,146,309,486	50,294,304,425	114,059,871,326	104,492,237,386
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	22,373,244,575	22,290,582,800	703,873,926,275	697,942,016,400
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	9,586,187,608	9,687,336,800	68,427,642,795	67,584,242,400
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3,009,532,977	3,049,875,000	101,687,353,317	109,259,325,000
Công ty Cổ phần Sửa Việt Nam	2,870,720,301	2,800,480,000	49,644,491,426	48,703,680,000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	2,481,431,798	2,423,484,000	47,615,783,491	44,421,504,000
Công ty Cổ phần FPT	2,356,689,547	2,373,903,000	67,199,823,211	64,460,625,000
Cổ phiếu khác	2,068,682,344	1,955,504,000	369,298,832,035	363,512,640,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) (tiếp theo)

Mã chứng khoán	31.12.2022		31.12.2021	
	Giá gốc (VND)	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý (VND)
Trái phiếu niêm yết	1,201,000,000,000	1,216,336,958,904	1,328,339,800,000	1,346,221,713,216
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1,200,000,000,000	1,215,317,917,808	1,200,000,000,000	1,213,566,491,574
Ngân hàng Chính sách Xã hội	1,000,000,000	1,019,041,096	1,000,000,000	1,034,520,548
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	-	-	127,339,800,000	131,620,701,094
Chứng chỉ quỹ ETF	16,964,865,864	17,063,099,500	104,817,693,592	107,194,033,518
Quỹ VFMDIAMOND ETF	11,881,092,172	12,060,360,000	66,471,464,418	67,620,761,208
Quỹ ETF VFMVN30	3,056,271,492	3,006,139,500	37,314,916,590	37,769,657,310
Quỹ MAFMVN30 ETF	1,030,345,084	1,182,300,000	1,030,345,084	1,802,500,000
Quỹ MIDCAP	997,157,116	814,300,000	-	-
Quỹ ETF SSIAMVN50	-	-	967,500	1,115,000
Tổng cộng	1,411,369,080,358	1,424,495,705,829	2,366,363,047,738	2,371,663,569,220

Trái phiếu niêm yết

Tài sản đảm bảo	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất/ năm	Mệnh giá/ trái phiếu (VND)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BID121027	28.10.2021	28.10.2029	(*)	100,000
Ngân hàng Chính sách Xã hội - BVBS18164	14.08.2018	14.08.2023	5%	100,000

(*) Lãi suất được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 0,9%/năm. Lãi suất được xác định lại định kỳ 6 tháng/lần. Lãi suất tham chiếu là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam (trả lãi sau) áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) ngân hàng sau đây: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Sở Giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) – Khu vực Hà Nội.

Nếu tổ chức phát hành không thực hiện mua lại trái phiếu vào ngày thực hiện quyền mua lại, lãi suất trái phiếu áp dụng cho các kỳ tính lãi trong năm thứ 6 kể từ ngày phát hành cho đến khi đáo hạn sẽ bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 2,57%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý
171,030,969,919	1,145,621,060	(3,371,526,354)	168,805,064,625
22,373,244,575	158,704,668	(241,366,443)	22,290,582,800
1,201,000,000,000	15,336,958,904	-	1,216,336,958,904
16,964,865,864	331,222,744	(232,989,108)	17,063,099,500
1,411,369,080,358	16,972,507,376	(3,845,881,905)	1,424,495,705,829

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý
229,331,627,871	2,967,667,498	(11,993,489,283)	220,305,806,086
703,873,926,275	7,986,881,696	(13,918,791,571)	697,942,016,400
1,328,339,800,000	17,881,913,216	-	1,346,221,713,216
104,817,693,592	2,376,339,926	-	107,194,033,518
2,366,363,047,738	31,212,802,336	(25,912,280,854)	2,371,663,569,220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

3.3 Các khoản cho vay

	Tại ngày 31.12.2022		Tại ngày 31.12.2021	
	Giá trị phân bổ (VND)	Dự phòng suy giảm giá trị (VND)	Giá trị phân bổ (VND)	Dự phòng suy giảm giá trị (VND)
Cho vay giao dịch chứng khoán (*)	7,378,982,938,005	-	13,690,097,115,046	-

(*) Số dư thể hiện các khoản của hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Trong đó, chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay. Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 27,629,267,621,700 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 55,356,391,622,480 Đồng).

3.4 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2022		Tại ngày 31.12.2021	
	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá trị phải thu khó đòi (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá trị phải thu khó đòi (VND)
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp				
Phải thu Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	549,833,689,050	-	-	-
Phải thu tiền mua chứng khoán (*)	17,000,000,000	-	638,215,800,000	-
Phải thu phí dịch vụ tư vấn tài chính	11,423,380,000	-	247,500,000	-
Phải thu hoạt động kinh doanh chứng khoán khác	2,311,874,650	-	860,564,073	-
	580,568,943,700	-	639,323,864,073	-
Các khoản phải thu khác				
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	163,540,195,476	-	198,136,507,257	-
Phải thu khác	1,045,161,934	-	2,358,547,419	-
	164,585,357,410	-	200,495,054,676	-
Tổng cộng	745,154,301,110	-	839,818,918,749	-

(*) Đây là các khoản phải thu tiền mua chứng khoán (cổ phiếu và trái phiếu) từ các khách hàng tổ chức. Tổng giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 17,000,000,000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 638,215,800,000 Đồng).

3.5 Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Đây là tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh theo Quyết định 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

3.6 Tài sản cố định ("TSCĐ")

(a) TSCĐ hữu hình

	Phương tiện vận chuyển (VND)	Thiết bị văn phòng (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá			
Tại ngày 1.1.2022	3,554,183,400	116,178,061,528	119,732,244,928
Mua trong năm	5,219,110,800	18,167,263,400	23,386,374,200
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 3.6(c))	7,963,184,000	8,541,505,380	16,504,689,380
Thanh lý	(1,131,223,400)	(1,129,482,198)	(2,260,705,598)
Tại ngày 31.12.2022	15,605,254,800	141,757,348,110	157,362,602,910
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1.1.2022	2,339,263,770	89,202,127,885	91,541,391,655
Khấu hao trong năm	1,725,014,061	17,523,879,063	19,248,893,124
Thanh lý	(1,131,223,400)	(1,129,482,198)	(2,260,705,598)
Tại ngày 31.12.2022	2,933,054,431	105,596,524,750	108,529,579,181
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1.1.2022	1,214,919,630	26,975,933,643	28,190,853,273
Tại ngày 31.12.2022	12,672,200,369	36,160,823,360	48,833,023,729

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 81,298,470,131 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 70,068,947,479 Đồng).

Công ty không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm máy tính (VND)	
Nguyên giá		
Tại ngày 1.1.2022	85,006,277,084	
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 3.6(c))	4,314,622,000	
Tại ngày 31.12.2022	89,320,899,084	
Khấu hao lũy kế		
Tại ngày 1.1.2022	73,192,016,774	
Khấu hao trong năm	6,686,430,480	
Tại ngày 31.12.2022	79,878,447,254	
Giá trị còn lại		
Tại ngày 1.1.2022	11,814,260,310	
Tại ngày 31.12.2022	9,442,451,830	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 70,055,128,018 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 62,186,147,563 Đồng).

Công ty không có TSCĐ vô hình chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	Tại ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Mua phần mềm giao dịch	-	8,483,996,599

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Số dư đầu năm	8,483,996,599	342,334,073
Tăng trong năm	13,437,372,581	24,897,402,089
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 3.6(a))	(16,504,689,380)	(15,420,389,489)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 3.6(b))	(4,314,622,000)	(1,335,350,074)
Chuyển sang chi phí trả trước	(1,102,057,800)	-
Số dư cuối năm	-	8,483,996,599

3.7 Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Chi phí công nghệ thông tin	13,252,988,362	8,746,652,848
Chi phí thuê văn phòng	2,135,412,059	12,729,750
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3,919,752,925	1,057,608,165
Tổng cộng	19,308,153,346	9,816,990,763

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Chi phí thuê trụ sở văn phòng	78,372,502,993	81,205,244,065
Chi phí cải tạo văn phòng	4,961,004,473	10,713,626,279
Chi phí công nghệ thông tin	161,830,446	415,914,855
Chi phí tư vấn	-	737,916,666
Tổng cộng	83,495,337,912	93,072,701,865

3.8 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu Đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% của tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ Đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã nộp đủ mức đóng góp tối đa.

3.9 Tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh

Theo Quy chế Quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ Đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

3.10 Các khoản vay

Biến động các khoản vay trong năm như sau:

	Lãi suất %/năm	Số dư đầu năm (VND)	Số vay trong năm (VND)	Số trả trong năm (VND)	Số dư cuối năm (VND)
Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng trong nước	3,5 - 13	9,229,000,000,000	47,451,500,000,000	(53,165,500,000,000)	3,515,000,000,000
Vay ngân hàng nước ngoài (*), (**)	LIBOR + 2 - 2,3	4,174,687,250,000	1,669,407,640,000	(4,174,687,250,000)	1,669,407,640,000
	SOFR + 2,3 - 2,52	-	1,027,650,000,000	-	1,027,650,000,000
Vay bên thứ ba	6,1 - 7,4	895,000,000,000	2,415,000,000,000	(3,310,000,000,000)	-
Vay thấu chi ngân hàng	5,1 - 7,5	741,182,880,242	21,752,090,512,273	(21,793,273,392,515)	700,000,000,000
Vay cá nhân	8,6	-	26,000,000,000	-	26,000,000,000
Tổng cộng		15,039,870,130,242	74,341,648,152,273	(82,443,460,642,515)	6,938,057,640,000

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn từ 1 tháng đến 364 ngày nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh.

(*) Lãi suất vay được thả nổi bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi biên từ 2 - 2.3%/năm (LIBOR) hoặc bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi biên từ 2.3% - 2.52% (SOFR).

Lãi suất tham chiếu là lãi suất vay liên ngân hàng London ("LIBOR") áp dụng cho đồng Đô la Mỹ ("USD") cùng kỳ hạn được niêm yết vào 10:00 sáng (giờ London) ngày tính lãi. Trường hợp không có lãi suất LIBOR áp dụng cho USD cùng kỳ hạn khoản vay, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất LIBOR áp dụng cho USD quy đổi về cùng kỳ hạn khoản vay cùng thời điểm nêu trên ("lãi suất quy đổi"). Trường hợp không xác định được lãi suất quy đổi, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất huy động của từng bên cho vay.

Lãi suất tham chiếu là lãi suất tài trợ qua đêm có bảo đảm ("SOFR") được quản lý và công bố bởi Ngân hàng Dự trữ Liên Bang New York vào mỗi ngày làm việc. Trong trường hợp không phải là ngày làm việc đối với ngày tính lãi suất SOFR, thì lãi suất tham chiếu áp dụng cho khoản vay cũng thời điểm nêu trên là lãi suất tham chiếu SOFR của ngày làm việc trước đó. Trường hợp không xác định được lãi suất quy đổi, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất huy động của từng bên cho vay.

(**) Các khoản vay nước ngoài có nguyên tệ là đồng Đô la Mỹ. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá 100% dư nợ đi vay thông qua hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền và hợp đồng ngoại tệ kỳ hạn với các ngân hàng thương mại trong nước. Các hợp đồng này đảo hạn tương ứng với thời điểm đảo hạn của các khoản vay.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản vay nào từ các bên liên quan hay bị quá hạn thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản vay này.

3.11 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Phải trả nhà đầu tư tiền mua cổ phiếu	22,969,626,993	22,697,129,093
Phải trả cho các sở giao dịch chứng khoán và VSD	19,019,040,498	21,754,174,480
Phải trả chứng quyền có bảo đảm	2,999,481,104	142,179,229,746
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán với các sở giao dịch chứng khoán	-	1,235,843,248,000
Phải trả hoạt động giao dịch trái phiếu	-	37,760,957,287
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	1,327,728,412	1,329,525,247
Tổng cộng	46,315,877,007	1,461,564,263,853

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 1.1.2022 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã nộp trong năm (VND)	Tại ngày 31.12.2022 (VND)
Thuế TNDN	56,014,262,210	215,581,526,221	(237,357,472,933)	34,238,315,498
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN") giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	40,131,204,613	316,645,779,029	(324,858,762,435)	31,918,221,207
Thuế TNDN nộp hộ DN nước ngoài	8,615,193,653	73,754,058,532	(77,579,927,474)	4,789,324,711
Thuế TNCN nộp hộ nhân viên	8,054,279,352	116,263,785,997	(120,122,017,828)	4,196,047,521
Thuế nhà thầu	6,021,548,881	14,834,050,789	(18,625,541,017)	2,230,058,653
Thuế giá trị gia tăng	124,220,593	6,104,012,252	(6,127,181,241)	101,051,604
Thuế môn bài	-	5,000,000	(5,000,000)	-
Tổng cộng	118,960,709,302	743,188,212,820	(784,675,902,928)	77,473,019,194

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)**3.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Phụ cấp hoàn thành công việc	85,000,000,000	75,000,000,000
Chi phí lãi vay	48,635,135,551	32,147,819,729
Các khoản phát triển kinh doanh phải trả	38,959,000,000	70,000,000,000
Chi phí phải trả khác	15,828,808,549	17,144,894,993
Tổng cộng	188,422,944,100	194,292,714,722

3.14 Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Cổ tức phải trả cho các cổ đông của Công ty (*)	232,040,143,365	155,952,838,630
Cổ tức trả hộ	3,404,224,244	5,812,620,544
Tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	12,450,000	15,759,161,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14,590,502,665	18,119,149,874
Tổng cộng	250,047,320,274	195,643,770,048

(*) Chi tiết biến động cổ tức phải trả trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Số dư đầu năm	155,952,838,630	155,942,531,017
Cổ tức bằng tiền công bố trong năm	228,605,974,500	365,989,986,000
Trong đó:		
Cổ tức đợt 2 năm 2020 (Thuyết minh 7.1(iii))	-	213,469,063,500
Cổ tức đợt 1 năm 2021 (Thuyết minh 7.1(iv))	-	152,520,922,500
Cổ tức đợt 2 năm 2021 (Thuyết minh 7.1(i))	114,302,987,250	-
Cổ tức đợt 1 năm 2022 (Thuyết minh 7.1(ii))	114,302,987,250	-
Cổ tức đã trả	(152,518,669,765)	(365,979,678,387)
Số dư cuối năm	232,040,143,365	155,952,838,630
Trong đó:		
Cổ tức các năm trước (**)	3,434,168,865	3,431,916,130
Cổ tức đợt 1 năm 2021 – đến hạn ngày 13/1/2022	-	152,520,922,500
Cổ tức đợt 2 năm 202 – đến hạn ngày 8/2/2023	114,302,987,250	-
Cổ tức đợt 1 năm 2022 – đến hạn ngày 8/2/2023	114,302,987,250	-
	232,040,143,365	155,952,838,630

(**) Số dư cổ tức các năm trước chưa chi trả tại ngày báo cáo là do một số cổ đông chưa đến nhận.

Ngoài các khoản (**) ra, Công ty không có khoản phải trả nào khác đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3.15 Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	Tại ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	2,243,245,000	1,979,982,500

Biến động của tài sản thuế TNDN hoãn lại trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Số dư đầu năm	1,979,982,500	1,360,000,000
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động	263,262,500	619,982,500
Số dư cuối năm	2,243,245,000	1,979,982,500

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	11,216,225,000	9,899,912,500
Tính ở thuế suất 20%: Tài sản thuế TNDN hoãn lại	2,243,245,000	1,979,982,500

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

3.16 Vốn góp của chủ sở hữu**(a) Số lượng cổ phiếu**

	Tại ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	458,052,367	458,052,367
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	458,052,367	458,052,367
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(840,418)	(840,418)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	457,211,949	457,211,949

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10,000 Đồng và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 1.1.2022		Tại ngày 31.12.2022	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn của Nhà nước				
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (“HFIC” (*))	105,772,520	23.09	105,772,520	23.09
Phần vốn của các đối tượng khác				
Công ty TNHH Dragon Capital Markets	137,475,834	30.01	137,475,834	30.01
Các cổ đông khác (**)	213,963,595	46.72	213,963,595	46.72
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu quỹ	840,418	0.18	840,418	0.18
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	458,052,367	100.00	458,052,367	100.00

(*) Bao gồm trong số lượng cổ phiếu nắm giữ bởi HFIC tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 32,797,340 cổ phiếu liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua hoàn thành ngày 16 tháng 12 năm 2021 và bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Ngày 19 tháng 1 năm 2022, UBCKNN đã có Công văn số 377/UBCK-QLKD yêu cầu Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hạn chế giao dịch đối với 32,797,340 cổ phiếu phân phối cho HFIC trong đợt phát hành này. Ngày 4 tháng 1 năm 2023, theo Công văn số 100/CVVSD-ĐK.NV nhận cùng ngày, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh tại TPHCM (“CNVSD”) thông báo 32,797,340 cổ phiếu trên được điều chỉnh từ chứng khoán hạn chế chuyển nhượng sang chứng khoán tự do chuyển nhượng.

(**) Bao gồm trong số lượng cổ phiếu nắm giữ bởi các cổ đông khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1,034,367 cổ phiếu phân phối lại cho nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1,034,367 cổ phiếu). Số cổ phiếu này liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua hoàn thành ngày 16 tháng 12 năm 2021 và bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Ngày 16 tháng 12 năm 2022 theo Công văn số 7010/CVVSD-ĐK.NV nhận cùng ngày, CNVSD thông báo 1,034,367 cổ phiếu trên được điều chỉnh từ chứng khoán hạn chế chuyển nhượng sang chứng khoán tự do chuyển nhượng.

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu phổ thông	
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	305,041,845	
Cổ phiếu phát hành thêm trong năm	152,170,104	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022		457,211,949

3.17 Lợi nhuận chưa phân phối

	Tại ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	1,783,167,200,002	1,133,223,368,908
Lợi nhuận chưa thực hiện	13,726,973,808	97,091,391,468
Tổng cộng	1,796,894,173,810	1,230,314,760,376

Biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 31.12.2021 (VND)	Thu nhập trong năm (VND)	Cổ tức đã công bố trong năm (VND)	Trích lập các quỹ (VND)	Khác (*)	Số dư tại ngày 31.12.2021 (VND)
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	1,133,223,368,908	935,852,293,594	(228,605,974,500)	(57,373,000,000)	70,512,000	1,783,167,200,002
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	97,091,391,468	(83,364,417,660)	-	-	-	13,726,973,808
Lợi nhuận chưa phân phối	1,230,314,760,376	852,487,875,934	(228,605,974,500)	(57,373,000,000)	70,512,000	1,796,894,173,810

(*) Thu hồi cổ tức của cổ phiếu phát hành trong chương trình ESOP được mua lại.

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	Tại ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	37,783,317,946	37,783,317,946
Phải thu phí dịch vụ tư vấn tài chính	1,145,650,000	1,145,650,000
Phải thu khác	999,883,202	999,883,202
	39,928,851,148	39,928,851,148

4.2 Số lượng cổ phiếu

(a) Cổ phiếu đang lưu hành

	Tại ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng lưu hành dưới 1 năm (cổ phiếu)	-	152,170,104
Số lượng lưu hành từ 1 năm trở lên (cổ phiếu)	457,211,949	305,041,845
	457,211,949	457,211,949

(b) Cổ phiếu quỹ

	Tại ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng mua lại từ 1 năm trở lên (cổ phiếu)	840,418	840,418
	840,418	840,418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4.3 Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành

Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tại ngày 31.12.2021			
				Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền hủy đăng ký	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành
CFPT2211	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	30.08.2022	02.03.2023	7,000,000	-	748,900	6,251,100
CHPG2223	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	30.08.2022	02.03.2023	20,000,000	-	1,118,000	18,882,000
CMSN2213	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	30.08.2022	02.03.2023	5,000,000	-	93,900	4,906,100
CSTB2220	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	30.08.2022	02.03.2023	20,000,000	-	699,700	19,300,300
CTCB2213	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	30.08.2022	02.03.2023	15,000,000	-	4,695,900	10,304,100
CVNM2210	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	30.08.2022	02.03.2023	5,000,000	-	237,000	4,763,000
CVPB2213	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	30.08.2022	02.03.2023	7,000,000	-	2,313,600	4,686,400
CVRE2217	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	30.08.2022	02.03.2023	7,000,000	-	117,500	6,882,500
CACB2208	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	01.12.2022	05.09.2023	10,000,000	-	-	10,000,000
CFPT2213	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	01.12.2022	05.09.2023	10,000,000	-	-	10,000,000
CHPG2226	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	01.12.2022	05.09.2023	15,000,000	-	30,000	14,970,000
CMBB2214	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	01.12.2022	05.09.2023	10,000,000	-	10,000	9,990,000
CMSN2215	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	01.12.2022	05.09.2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CMWG2214	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	01.12.2022	05.09.2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CSTB2224	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	01.12.2022	05.09.2023	15,000,000	-	-	15,000,000
CTCB2215	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	01.12.2022	05.09.2023	10,000,000	-	15,000	9,985,000
CVHM2219	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	01.12.2022	05.09.2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CVIB2201	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	01.12.2022	05.09.2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CVNM2212	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	01.12.2022	05.09.2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CVPB2214	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	01.12.2022	05.09.2023	10,000,000	-	-	10,000,000
CVRE2220	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	01.12.2022	05.09.2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CFPT2214	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	01.12.2022	01.11.2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CHPG2227	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	01.12.2022	01.11.2023	15,000,000	-	-	15,000,000
CMBB2215	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	01.12.2022	01.11.2023	10,000,000	-	-	10,000,000
CMWG2215	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	01.12.2022	01.11.2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CSTB2225	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	01.12.2022	01.11.2023	10,000,000	-	-	10,000,000
CTCB2216	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	01.12.2022	01.11.2023	10,000,000	-	-	10,000,000
CVHM2220	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	01.12.2022	01.11.2023	7,000,000	-	-	7,000,000
CVRE2221	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	01.12.2022	01.11.2023	7,000,000	-	-	7,000,000
				281,000,000	-	10,079,500	270,920,500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)**4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)****4.3 Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành (tiếp theo)**

Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tại ngày 31.12.2021			
				Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền hủy đăng ký	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành
CFPT2103	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	07.07.2021	07.01.2022	5,000,000	-	2,152,700	2,847,300
CMBB2103	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	07.07.2021	07.01.2022	5,000,000	-	4,982,200	17,800
CMWG2106	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	07.07.2021	07.01.2022	5,000,000	-	463,800	4,536,200
CVNM2107	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	07.07.2021	07.01.2022	5,000,000	-	3,284,600	1,715,400
CPNJ2104	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	07.07.2021	07.01.2022	5,000,000	-	4,992,600	7,400
CVIC2104	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup (VIC)	07.07.2021	07.01.2022	5,000,000	-	4,748,400	251,600
CHPG2113	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	06.09.2021	07.03.2022	10,000,000	-	9,429,200	570,800
CSTB2109	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	06.09.2021	07.03.2022	10,000,000	-	6,911,100	3,088,900
CTCB2109	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	06.09.2021	07.03.2022	10,000,000	-	9,313,100	686,900
CVHM2110	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	06.09.2021	07.03.2022	10,000,000	-	9,715,500	284,500
CVPB2108	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	06.09.2021	07.03.2022	10,000,000	-	9,310,900	689,100
CVRE2109	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	06.09.2021	07.03.2022	10,000,000	-	9,512,900	487,100
CFPT2109	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	08.10.2021	08.04.2022	10,000,000	-	9,826,600	173,400
CMBB2107	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	08.10.2021	08.04.2022	10,000,000	-	8,114,000	1,886,000
CMSN2110	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	08.10.2021	08.04.2022	10,000,000	-	932,200	9,067,800
CMWG2111	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	08.10.2021	08.04.2022	10,000,000	-	7,900,300	2,099,700
CVIC2107	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup (VIC)	08.10.2021	08.04.2022	10,000,000	-	9,504,200	495,800
CVNM2112	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	08.10.2021	08.04.2022	10,000,000	-	9,162,000	838,000
ACB-HSC-MET01	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	20.12.2021	20.09.2022	10,000,000	-	220,000	9,780,000
FPT-HSC-MET09	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	20.12.2021	20.09.2022	7,000,000	-	-	7,000,000
HPG-HSC-MET08	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	20.12.2021	20.09.2022	20,000,000	-	38,000	19,962,000
MBB-HSC-MET09	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	20.12.2021	20.09.2022	7,000,000	-	-	7,000,000
MWG-HSC-MET10	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	20.12.2021	20.09.2022	5,000,000	-	-	5,000,000
PNJ-HSC-MET05	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	20.12.2021	20.09.2022	5,000,000	-	55,000	4,945,000
STB-HSC-MET04	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	20.12.2021	20.09.2022	7,000,000	-	3,070,000	3,930,000
TCB-HSC-MET07	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	20.12.2021	20.09.2022	7,000,000	-	-	7,000,000
VHM-HSC-MET07	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	20.12.2021	20.09.2022	7,000,000	-	-	7,000,000
VPB-HSC-MET08	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	20.12.2021	20.09.2022	7,000,000	-	221,000	6,779,000
VRE-HSC-MET08	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	20.12.2021	20.09.2022	7,000,000	-	10,000	6,990,000
TPB-HSC-MET01	Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB)	21.12.2021	21.09.2022	10,000,000	-	10,000	9,990,000
				249,000,000	-	123,880,300	125,119,700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4.4 Hợp đồng tương lai

Vị thế bán đối với các hợp đồng tương lai tại ngày báo cáo như sau:

Mã hợp đồng	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng	Tại ngày 31.12.2022			Tại ngày 31.12.2021		
			Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày	Vị thế bán	Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày	Vị thế bán
VN30F2301	18.11.2022	19.01.2023	1,782	1,004,500	179,001,900,000	-	-	-
VN30F2201	19.11.2021	20.01.2022	-	-	-	2,195	1,537,000	337,371,500,000
					179,001,900,000			337,371,500,000

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

5.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL và mua lại/đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành

Vị thế bán đối với các hợp đồng tương lai tại ngày báo cáo như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	1,329,305,033,052	1,512,892,400,808
Trong đó:		
Lãi bán chứng khoán cơ sở	298,741,900,052	883,067,350,137
Lãi bán chứng khoán phái sinh	674,812,818,000	577,346,285,000
Lãi khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành	162,700,149,628	33,858,032,756
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành	193,050,165,372	18,620,732,915
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(1,077,055,292,017)	(1,162,590,730,033)
Trong đó:		
Lỗ bán chứng khoán cơ sở	(626,452,173,238)	(328,791,730,972)
Lỗ bán chứng khoán phái sinh	(402,620,996,000)	(526,248,710,000)
Lỗ khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành	(46,443,349,532)	(238,231,290,864)
Lỗ khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành	(1,538,773,247)	(69,318,998,197)
Lãi ròng	252,249,741,035	350,301,670,775

5.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL và mua lại/đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành (tiếp theo)

Chi tiết theo từng loại như sau:

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán (VND)	Giá vốn (*) (VND)	(Lỗ)/lãi bán năm nay (VND)	Lãi/(lỗ) bán năm trước (VND)
Cổ phiếu	517,320,406	22,447,229,875,570	(22,753,930,051,298)	(306,700,175,728)	464,906,482,382
Trái phiếu	1,380,668	138,066,800,000	(138,066,800,000)	-	25,522,226,695
Chứng chỉ quỹ ETF	303,864,786	7,327,882,737,996	(7,348,892,835,454)	(21,010,097,458)	62,421,293,263
Chứng quyền có bảo đảm do tổ chức khác phát hành	-	-	-	-	1,425,616,825
Lãi bán chứng khoán cơ sở	822,565,860	29,913,179,413,566	(30,240,889,686,752)	(327,710,273,186)	554,275,619,165
Lãi ròng vị thế từ nghiệp vụ chứng khoán phái sinh hợp đồng tương lai				272,191,822,000	51,097,575,000
Lãi/(lỗ) ròng khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành				116,256,800,096	(204,373,258,108)
Lãi/(lỗ) khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành				191,511,392,125	(50,698,265,282)
Tổng cộng				252,249,741,035	350,301,670,775

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và chứng quyền có bảo đảm

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(13,745,393,136)	(94,368,025,555)
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21,571,497,129	2,361,682,301
Tổng cộng	7,826,103,993	(92,006,343,254)

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Giá gốc (VND)	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý (VND)	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2022 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2021 (VND)	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm (VND)
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	171,030,969,919	168,805,064,625	(2,225,905,294)	(9,025,821,785)	6,799,916,495
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	22,373,244,575	22,290,582,800	(82,661,775)	(5,931,909,875)	5,849,248,100
Trái phiếu niêm yết	1,201,000,000,000	1,216,336,958,904	15,336,958,904	17,881,913,216	(2,544,954,312)
Chứng chỉ quỹ ETF	16,964,865,864	17,063,099,500	98,233,636	2,376,339,926	(2,278,106,290)
Tổng cộng	1,411,369,080,358	1,424,495,705,829	13,126,625,471	5,300,521,482	7,826,103,993

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Chênh lệch giảm đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	(96,103,887,923)	95,619,931,371
Chênh lệch tăng đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	4,913,366,270	65,832,091,657
Tổng cộng	(91,190,521,653)	161,452,023,028

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm như sau:

	Giá gốc (VND)	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý (VND)	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2022 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2021 (VND)	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm (VND)
Chứng quyền có bảo đảm	3,599,829,440	2,999,481,104	600,348,336	91,790,869,989	(91,190,521,653)

5.3 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Cổ tức	5,069,615,493	6,736,424,330
Tiền lãi	449,243,799,110	295,525,161,205
Tổng cộng	454,313,414,603	302,261,585,535

5.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản vay

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Chi phí đi vay	750,725,049,674	747,190,551,120

5.5 Chi phí hoạt động ngoài các chi phí liên quan đến tài sản tài chính

Chi phí hoạt động trong năm bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí phân bổ, cụ thể như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Chi phí hoạt động tự doanh	72,102,674,942	91,924,223,288
Chi phí nhân viên	21,498,801,710	43,322,683,282
Chi phí giao dịch trả cho các sở giao dịch chứng khoán	18,232,238,633	22,874,207,607
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	9,327,157,276	10,459,072,680
Chi phí thuê văn phòng	254,625,402	236,323,047
Chi phí khấu hao	39,010,126	665,963,340
Chi phí phân bổ (*)	22,750,841,795	14,365,973,332
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	572,805,427,628	766,756,414,595
Chi phí nhân viên	252,654,026,557	370,902,944,762
Chi phí giao dịch	196,006,861,777	288,026,957,745
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	58,366,058,952	45,043,788,963
Chi phí thuê văn phòng	23,837,716,225	22,955,762,404
Chi phí khấu hao	8,974,657,323	12,510,343,749
Chi phí phân bổ (*)	32,966,106,794	27,316,616,972
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9,798,386,787	8,909,326,503
Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	26,093,851,921	21,786,770,977
Chi phí nhân viên	22,682,705,175	19,275,720,388
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,411,146,746	2,511,050,589
Chi phí các dịch vụ khác	4,124,185,703	4,456,527,541
	684,924,526,981	893,833,262,904

(*) Chi phí phân bổ chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài của các bộ phận hỗ trợ liên quan và được phân bổ theo doanh thu của từng hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.6 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Chi phí nhân viên	130,825,567,136	116,507,028,604
Phụ cấp hoàn thành công việc	85,000,000,000	75,000,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64,637,148,705	41,996,863,238
Chi phí thuê văn phòng	23,537,125,167	17,476,234,694
Khấu hao tài sản cố định	15,086,324,382	9,279,658,896
Chi phí sửa chữa văn phòng	6,431,247,738	8,059,667,493
Chi phí quản lý khác	25,250,191,073	28,493,101,365
Tổng cộng	350,767,604,201	296,812,554,290

5.7 Chi phí thuế TNDN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1,067,806,139,655	1,430,335,317,647
Thuế tính ở thuế suất 20%:	213,561,227,931	286,067,063,529
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(1,013,923,099)	(1,347,284,869)
Chi phí không được khấu trừ	2,150,976,389	333,140,400
Hoàn nhập dự phòng giảm giá cổ phiếu OTC đã lập trong các năm trước	-	(1,160,000,000)
Điều chỉnh khác	619,982,500	(619,982,500)
Chi phí thuế TNDN (*)	215,318,263,721	283,272,936,560
Thuế TNDN ghi nhận trong năm:		
Chi phí thuế TNDN - hiện hành	215,581,526,221	283,892,919,060
Chi phí thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 3.15)	(263,262,500)	(619,982,500)
Tổng cộng	215,318,263,721	283,272,936,560

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm báo cáo được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế TNDN cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5.8 Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Các khoản thu nhập toàn diện khác không được tính vào lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND) (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	852,487,875,934	1,147,062,381,087
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(57,373,000,000)
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	457,211,949	311,295,411
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1,865	3,500

(*) Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính, do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm này, lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay chưa được điều chỉnh giảm khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm.

(**) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được tính lại sau khi điều chỉnh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 8 tháng 8 năm 2022, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021		
	Số liệu theo báo cáo trước đây (VND)	Điều chỉnh (VND)	Số liệu tính lại (VND)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	1,147,062,381,087	(57,373,000,000)	1,089,689,381,087
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	311,295,411	-	311,295,411
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3,685		3,500

(b) Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Các giao dịch trọng yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả (Thuyết minh 7.1(i),(ii)) (*)	228,605,974,500	152,520,922,500

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 8 tháng 8 năm 2022 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 12 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã quyết định chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 và đợt 1 năm 2022 cho cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 18 tháng 1 năm 2023. Ngày thanh toán là ngày 8 tháng 2 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

7 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

7.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (*) (VND)	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (*) (VND)	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Tại ngày 1.1.2022	4,580,523,670,000	967,536,880,000	(12,477,449,008)	277,696,843,214	277,696,843,214	3,961,374,994	1,230,314,760,376	7,325,252,922,790
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	852,487,875,934	852,487,875,934
Cổ tức đợt 2 năm 2021 (i)	-	-	-	-	-	-	(114,302,987,250)	(114,302,987,250)
Cổ tức đợt 1 năm 2022 (ii)	-	-	-	-	-	-	(114,302,987,250)	(114,302,987,250)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	(57,373,000,000)	(57,373,000,000)
Thu hồi cổ tức của cổ phiếu phát hành trong chương trình ESOP được mua lại	-	-	-	-	-	-	70,512,000	70,512,000
Tại ngày 31.12.2022	4,580,523,670,000	967,536,880,000	(12,477,449,008)	277,696,843,214	277,696,843,214	3,961,374,994	1,796,894,173,810	7,891,832,336,224

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa có kế hoạch xử lý số dư của Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo hướng dẫn của Thông tư 114/2021/TT-BTC được trình bày tại Thuyết minh 2.23(c).

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (*) (VND)	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (*) (VND)	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Tại ngày 1.1.2021	3,058,822,630,000	358,946,064,000	(12,477,449,008)	177,907,588,627	177,907,588,627	3,961,374,994	675,286,734,145	4,440,354,531,385
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	1,147,062,381,087	1,147,062,381,087
Cổ tức đợt 2 năm 2020 (iii)	-	-	-	-	-	-	(213,469,063,500)	(213,469,063,500)
Cổ tức đợt 1 năm 2021 (iv)	-	-	-	-	-	-	(152,520,922,500)	(152,520,922,500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	-	-	-	-	-	-	(18,527,264,270)	(18,527,264,270)
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (iii)	-	-	-	-	-	-	(7,956,775,412)	(7,956,775,412)
Trích lập các quỹ (iii)	-	-	-	99,789,254,587	99,789,254,587	-	(199,578,509,174)	-
Thu hồi cổ tức của cổ phiếu phát hành trong chương trình ESOP được mua lại	-	-	-	-	-	-	18,180,000	18,180,000
Phát hành cổ phiếu	1,521,701,040,000	608,680,416,000	-	-	-	-	-	2,130,381,456,000
Chi phí phát hành	-	(89,600,000)	-	-	-	-	-	(89,600,000)
Tại ngày 31.12.2021	4,580,523,670,000	967,536,880,000	(12,477,449,008)	277,696,843,214	277,696,843,214	3,961,374,994	1,230,314,760,376	7,325,252,922,790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

7 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

7.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 8 tháng 8 năm 2022:

Mức chia cổ tức đợt 2 của năm 2021 là 2,5% mệnh giá của cổ phiếu, tương đương 250 Đồng/cổ phiếu; Mức trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2021.

(ii) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 12 năm 2022, mức chia cổ tức đợt 1 của năm 2022 là 2,5% mệnh giá của cổ phiếu, tương đương 250 Đồng/cổ phiếu. Cổ tức đợt 1 được chi trả bằng tiền mặt dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 18 tháng 1 năm 2023 và ngày thanh toán là ngày 8 tháng 2 năm 2023 (Thuyết minh 6.1).

(iii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2021:

Mức chia cổ tức đợt 2 của năm 2020 là 7% mệnh giá của cổ phiếu, tương đương 700 Đồng/cổ phiếu; Mức trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 3,49% lợi nhuận sau thuế của năm 2020; Mức trích Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 1,5% lợi nhuận sau thuế của năm 2020; Mức trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ là 13% lợi nhuận sau thuế của năm 2020 cho mỗi quý. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã trích lập mỗi quý ở mức 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2020. Theo đó, trong năm 2021, Công ty đã trích lập bổ sung cho mỗi quý ở mức 8% lợi nhuận sau thuế của năm 2020.

(iv) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 11 năm 2021, mức chia cổ tức đợt 1 của năm 2021 là 5% vốn điều lệ 3.058.822.630.000 Đồng, tương đương 500 Đồng/cổ phiếu. Cổ tức đợt 1 năm 2021 được chi trả bằng tiền dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 16 tháng 12 năm 2021 vào ngày thanh toán là ngày 13 tháng 1 năm 2022 (Thuyết minh 6.1).

7.2 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu năm	1,133,223,368,908	647,641,022,448
Lỗ chưa thực hiện cuối năm	-	-
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	935,852,293,594	1,077,616,701,313
Số trích lập trong năm:	(57,373,000,000)	(226,062,548,856)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(57,373,000,000)	(18,527,264,270)
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị	-	(7,956,775,412)
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	(99,789,254,587)
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	(99,789,254,587)
Lợi nhuận đã phân phối cho cổ đông trong năm	(228,605,974,500)	(365,989,986,000)
Lợi nhuận còn lại có thể phân phối cho cổ đông	1,783,096,688,002	1,133,205,188,905
Lợi nhuận đã phân phối cho cổ đông trong năm	228,605,974,500	365,989,986,000
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối	-	(5,419,910,200)
Thu nhập thuần phân phối cho cổ đông	228,605,974,500	360,570,075,800

8 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Dragon Capital Markets ("DC")	Cổ đông chiến lược, nắm giữ 30.01% vốn điều lệ. Phó Chủ tịch và thành viên HĐQT Công ty là đại diện phần vốn của DC.
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam ("DCVFM")	Chủ tịch HĐQT của Công ty là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM). Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM).
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh ("HFIC")	Cổ đông chiến lược, nắm giữ 23.09% vốn điều lệ. Thành viên HĐQT của Công ty là Phó Tổng Giám đốc của HFIC. Thành viên HĐQT của Công ty là Trưởng phòng Pháp chế của HFIC.
Công ty luật TNHH Tâm nhìn và Liên danh	Trưởng Ban kiểm soát của Công ty là Chủ tịch Hội đồng Luật sư thành viên của Công ty luật TNHH Tâm nhìn và Liên danh
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan bao gồm:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
DC		
Cổ tức đã trả	45,825,278,000	109,980,667,200
DCVFM		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7,933,786,676	3,818,297,238
HFIC		
Cổ tức đã trả	36,487,590,000	87,570,216,000
Công ty luật TNHH Tâm nhìn và Liên danh		
Chi phí dịch vụ tư vấn	285,398,640	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác (*)	14,754,871,796	13,216,871,795

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

8 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

(*) Chi tiết lương và thù lao của các nhân sự quản lý chủ chốt cụ thể như sau:

		Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Thù lao của Hội đồng quản trị			
Ông Johan Nyvene (từ ngày 22.04.2021)	Chủ tịch	1,301,538,462	703,538,460
Ông Đỗ Hùng Việt (đến ngày 21.04.2021)	Chủ tịch	-	320,000,000
Ông Lê Anh Minh	Phó chủ tịch	706,666,667	746,666,667
Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên	573,333,333	496,666,667
Ông Andrew Colin Vallis (từ ngày 22.04.2021)	Thành viên	773,333,333	546,666,667
Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan (từ ngày 22.04.2021)	Thành viên	640,000,000	480,000,000
Ông Nguyễn Hồng Văn (từ ngày 22.04.2021)	Thành viên	306,666,667	230,000,000
Ông Trần Quốc Tú (từ ngày 22.04.2021)	Thành viên	306,666,667	263,333,333
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc (đến ngày 21.04.2021)	Thành viên	-	66,666,667
Ông Lê Thắng Cần (đến ngày 21.04.2021)	Thành viên	-	100,000,000
Ông Lâm Hoài Anh (đến ngày 21.04.2021)	Thành viên	-	66,666,667
		4,608,205,129	4,020,205,128
Thù lao của Ban kiểm soát			
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc (từ ngày 22.04.2021)	Trưởng ban	493,333,333	370,000,000
Ông Võ Văn Châu (đến ngày 21.04.2021)	Trưởng ban	-	116,666,667
Bà Đặng Nguyệt Minh	Thành viên	426,666,667	420,000,000
Bà Nguyễn Thị Thu Thanh (từ ngày 22.04.2021)	Thành viên	226,666,667	170,000,000
Ông Đoàn Văn Hình (đến ngày 21.04.2021)	Thành viên	-	20,000,000
		1,146,666,667	1,096,666,667
Lương của Tổng Giám đốc			
Ông Trịnh Hoài Giang	Tổng Giám đốc	9,000,000,000	8,100,000,000

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Số dư đầu năm (VND)	Số tăng trong năm (VND)	Số giảm trong năm (VND)	Số dư cuối năm (VND)
DC				
Cổ tức phải trả	45,825,278,000	68,737,917,000	(45,825,278,000)	68,737,917,000
HFIC				
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	25,145,733	3,025,185	-	28,170,918
Cổ tức phải trả	36,487,590,000	52,886,260,000	(36,487,590,000)	52,886,260,000

9 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Điều hành của Công ty nhận định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

(a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về sản phẩm hay khu vực địa lý. Theo đó, Ban Điều hành nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận Môi giới và dịch vụ tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.

Bộ phận Tự doanh tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục tài sản tài chính FVTPL, các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro và lỗ suy giảm tài sản tài chính.

Bộ phận Kinh doanh vốn tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và đầu tư tài sản tài chính HTM.

Bộ phận Tư vấn tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

9 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022				
	Môi giới và dịch vụ (VND)	Tự doanh (VND)	Kinh doanh vốn (VND)	Tư vấn (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu và thu nhập (*)	900,485,003,258	1,673,769,166,596	1,273,381,029,024	53,809,594,152	3,901,444,793,030
Chi phí	(586,728,000,118)	(1,122,673,103,560)	(750,725,049,674)	(26,093,851,921)	(2,486,220,005,273)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(548,260,998,685)	(1,128,260,661,437)	(750,725,049,674)	(25,938,442,699)	(2,453,185,152,495)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	26,484,863,399	-	-	26,484,863,399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(8,956,258,185)	(39,010,126)	-	(155,409,222)	(9,150,677,533)
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(29,510,743,248)	(20,858,295,396)	-	-	(50,369,038,644)
Kết quả bộ phận	313,757,003,140	551,096,063,036	522,655,979,350	27,715,742,231	1,415,224,787,757
Thu nhập tài chính thuần					2,935,810,645
Thu nhập khác					413,145,454
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(350,767,604,201)
Kết quả hoạt động trước thuế					1,067,806,139,655

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021				
	Môi giới và dịch vụ (VND)	Tự doanh (VND)	Kinh doanh vốn (VND)	Tư vấn (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu và thu nhập (*)	1,418,480,077,984	1,816,405,892,159	1,178,676,110,277	46,550,757,392	4,460,112,837,812
Chi phí	(780,122,268,639)	(1,186,321,179,363)	(747,190,551,120)	(21,786,770,977)	(2,735,420,770,099)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(740,513,855,737)	(1,239,778,442,061)	(747,190,551,120)	(21,722,485,978)	(2,749,205,334,896)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	68,193,773,958	-	-	68,193,773,958
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(12,510,343,749)	(665,963,340)	-	(64,284,999)	(13,240,592,088)
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(27,098,069,153)	(14,070,547,920)	-	-	(41,168,617,073)
Kết quả bộ phận	638,357,809,345	630,084,712,796	431,485,559,157	24,763,986,415	1,724,692,067,713
Thu nhập tài chính thuần					2,367,957,861
Thu nhập khác					87,846,363
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(296,812,554,290)
Kết quả hoạt động trước thuế					1,430,335,317,647

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

9 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022					
	Môi giới và dịch vụ (VND)	Tự doanh (VND)	Kinh doanh vốn (VND)	Tư vấn (VND)	Không phân bổ (VND)	Tổng cộng (VND)
Tài sản bộ phận	692,911,348,158	1,471,781,628,517	13,183,823,983,714	14,346,491,972	-	15,362,863,452,361
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	84,091,592,853	84,091,592,853
Tổng tài sản	692,911,348,158	1,471,781,628,517	13,183,823,983,714	14,346,491,972	84,091,592,853	15,446,955,045,214
Nợ phải trả bộ phận	(72,193,531,822)	(15,901,000,000)	(6,986,692,775,551)	(4,260,000,000)	-	(7,079,047,307,373)
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	(476,075,401,617)	(476,075,401,617)
Tổng nợ phải trả	(72,193,531,822)	(15,901,000,000)	(6,986,692,775,551)	(4,260,000,000)	(476,075,401,617)	(7,555,122,708,990)
Tổng chi phí phát sinh hình thành tài sản cố định trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9,456,297,214	-	-	252,966,000	9,830,700,000	19,539,963,214
Cho tài sản bộ phận	9,456,297,214	-	-	252,966,000	-	9,709,263,214
Cho tài sản không phân bổ	-	-	-	-	9,830,700,000	9,830,700,000

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021					
	Môi giới và dịch vụ (VND)	Tự doanh (VND)	Kinh doanh vốn (VND)	Tư vấn (VND)	Không phân bổ (VND)	Tổng cộng (VND)
Tài sản bộ phận	772,780,659,250	2,434,351,727,635	21,089,851,057,661	3,221,888,501	-	24,300,205,333,047
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	68,897,807,670	68,897,807,670
Tổng tài sản	772,780,659,250	2,434,351,727,635	21,089,851,057,661	3,221,888,501	68,897,807,670	24,369,103,140,717
Nợ phải trả bộ phận	(1,463,220,129,541)	-	(15,072,017,949,971)	-	-	(16,535,238,079,512)
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	(508,612,138,415)	(508,612,138,415)
Tổng nợ phải trả	(1,463,220,129,541)	-	(15,072,017,949,971)	-	(508,612,138,415)	(17,043,850,217,927)
Tổng chi phí phát sinh hình thành tài sản cố định trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	-	-	-	321,417,800	321,417,800
Cho tài sản bộ phận	-	-	-	-	-	-
Cho tài sản không phân bổ	-	-	-	-	321,417,800	321,417,800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Công ty.

Ban Điều hành của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Điều hành xác lập những chính sách chi tiết như nhận diện rủi ro và đo lường rủi ro, chiến lược đầu tư và giới hạn đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Điều hành xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Điều hành.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh 3.1)	5,330,529,577,511	6,928,122,316,897
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền (Thuyết minh 3.1)	309,400,000,000	270,000,000,000
Trái phiếu niêm yết (Thuyết minh 3.2)	1,216,336,958,904	1,346,221,713,216
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.3)	7,378,982,938,005	13,690,097,115,046
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.4)	745,154,301,110	839,818,918,749
Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh (Thuyết minh 3.5)	46,080,842,950	61,300,080,950
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	10,650,904,062	9,245,993,262
Tạm ứng	794,883,916	727,974,286
Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng	15,037,930,406,458	23,145,534,112,406

(i) Số dư với ngân hàng

Số dư với ngân hàng bao gồm tiền gửi và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Ban Điều hành tín nhiệm hoặc nằm trong danh sách được Nhà nước cấp phép thực hiện thanh toán và bù trừ. Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Điều hành. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có số dư nào với ngân hàng bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(ii) Tài sản tài chính FVTPL

Các chứng khoán nợ do Công ty nắm giữ là trái phiếu không có tài sản đảm bảo được phát hành bởi các tổ chức có rủi ro tín dụng thấp và phương án phát hành được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Các đề xuất đầu tư vào các chứng khoán này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty. Danh mục đầu tư vào chứng khoán nợ được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ và báo cáo định kỳ cho Ban Điều hành. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán nợ của Công ty là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có chứng khoán nợ nào chiếm trên 20% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có chứng khoán nợ nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(iii) Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có số dư nào với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi Bộ phận Quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tính thanh khoản.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 40% (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 38.985.663.206.490 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 55.356.391.622.480 Đồng).

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ (tiếp theo)

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại ngày báo cáo như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	7,378,982,938,005	13,690,097,115,046
Quá hạn và bị suy giảm giá trị	-	-
Dự phòng đã lập	-	-
Giá trị thuần	7,378,982,938,005	13,690,097,115,046

(v) Các khoản phải thu

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tin nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản phải thu tại ngày báo cáo như sau:

	Chưa quá hạn và không bị suy giảm (VND)	Quá hạn nhưng không suy giảm (VND)	Quá hạn và bị suy giảm (VND)	Tổng cộng (VND)
Tại ngày 31.12.2022				
Trong hạn	745,154,301,110	-	-	745,154,301,110
Quá hạn trên 3 năm	-	-	-	-
	745,154,301,110	-	-	745,154,301,110
Dự phòng đã lập	-	-	-	-
Giá trị thuần	745,154,301,110	-	-	745,154,301,110
Tại ngày 31.12.2021				
Trong hạn	839,818,918,749	-	-	839,818,918,749
Quá hạn trên 3 năm	-	-	-	-
	839,818,918,749	-	-	839,818,918,749
Dự phòng đã lập	-	-	-	-
Giá trị thuần	839,818,918,749	-	-	839,818,918,749

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

• Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng và cho vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

Chi tiết lãi suất của các trái phiếu doanh nghiệp và các khoản đi vay của Công ty được trình bày ở Thuyết minh 3.2 và Thuyết minh 3.10.

• Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ trong danh mục tài sản tài chính, vị thế mở hợp đồng tương lai và chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các khoản mục này. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán và phát hành chứng quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nếu giá các chứng khoán tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 124.249.432.473 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: cao hơn/thấp hơn 189.211.283.947 Đồng tương ứng).

• Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá, cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ cũng như tham gia hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền và hợp đồng ngoại tệ kỳ hạn (Thuyết minh 3.10(**)) nhằm phòng ngừa rủi ro tiền tệ.

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ ("USD").

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

(b) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VND	
	31.12.2022	31.12.2021	31.12.2022	31.12.2021
Tài sản tài chính				
Tiền	2,050	1,933	46,778,634	43,948,250
Nợ tài chính				
Các khoản vay (phần chưa được phòng ngừa rủi ro)	-	(91,500,000)	-	(2,086,050,250,000)
Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần	2,050	(91,498,067)	46,778,634	(2,086,006,301,750)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nếu Đô la Mỹ mạnh lên/yếu đi 10% (ước tính % thay đổi tỷ giá hối đoái) so với Đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 4,677,863 Đồng tương ứng chủ yếu là do lãi/lỗ quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: thấp hơn/cao hơn 208,600,630,175 Đồng tương ứng).

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây liệt kê các khoản nợ tài chính của Công ty theo dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn dưới 1 năm:

	Tại ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.10)	6,938,057,640,000	15,039,870,130,242
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 3.11)	46,315,877,007	1,461,564,263,853
Phải trả người bán ngắn hạn	7,079,654,815	1,551,194,104
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 3.13)	188,422,944,100	194,292,714,722
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn (Thuyết minh 3.14)	250,047,320,274	195,643,770,048
Tổng nợ tài chính	7,429,923,436,196	16,892,922,072,969

(d) Chỉ tiêu an toàn tài chính

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Báo cáo này được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 ("Thông tư 91/2020/TT-BTC"). Thông tư 91/2020/TT-BTC quy định cách tính chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo Thông tư 91/2020/TT-BTC, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 648% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 520%).

11 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Đối với các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Dưới 1 năm	40,489,771,910	24,277,806,243
Từ 1 đến 5 năm	52,544,858,726	44,154,814,857
Tổng cộng	93,034,630,636	68,432,621,100

12 CAM KẾT VỐN

Cam kết mua tài sản cố định vô hình đã ký hợp đồng tại ngày báo cáo nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2022 (VND)	31.12.2021 (VND)
Mua phần mềm	-	1,687,470,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 (tiếp theo)

13 KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (VND)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a) Cửa Công ty		
Chứng quyền có bảo đảm	967,750,900	1,129,429,739,000
Cổ phiếu	1,846,544,640	69,972,378,644,207
Trái phiếu	318,972,598	33,845,628,718,512
Hợp đồng tương lai	511,305	66,765,702,258,000
b) Cửa nhà đầu tư		
Chứng quyền có bảo đảm	270,766,200	144,559,847,000
Cổ phiếu	13,412,067,786	349,089,448,424,000
Trái phiếu	182,522,598	20,107,811,638,599
Hợp đồng tương lai	16,113,838	1,935,615,297,610,000
	17,015,249,865	2,476,670,256,879,320

Báo cáo tài chính đã được Ban Điều hành phê chuẩn để phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2023.

Lê Thị Thùy Dương
Người lập

Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính
kiểm Kế toán trưởng

Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2023

VĂN PHÒNG HSC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính: Tầng 2,5,6,7,11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Quận 1, TP. HCM

Trung tâm Dịch vụ khách hàng: Tầng 2, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Quận 1, TP. HCM

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 1 & 2, Tòa Nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Trung tâm Dịch vụ khách hàng: Tầng 1, Tòa Nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phòng Giao dịch Hoàn Kiếm: Tầng 3A và 7, Tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng, 23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội



.hsc